



HỘI TƯỢNG ẢNH PHÉP LẠ



Đ. MẸ CHĂNG HỀ MẮC TỘI TỬ TÔNG

IMPRIMERIE DE LA MISSION

289, rue Paul Blanchy, 289

TÂNDINH — SAIGON

1930

0, 50

SỬ KÝ

ĐẠI NAM VIỆT.



ANNALES ANNAMITES

SỬ KÝ

ĐẠI NAM VIỆT

QUỐC TRIỀU

NHÚT LÀ ĐOẢN TÍCH TỪ HIỀU VŨ
VƯƠNG CHO ĐỀN KHI VUA GIA LONG
(NGUYỄN ANH) ĐẶNG TRỊ LẦY CẢ VÀ
NƯỚC AN NAM.

IN LẦN THỨ TƯ.



SAIGON
IMPRIMERIE DE LA MISSION
À TÂN ĐỊNH
1903.



TÌEU DẪN.

Nói về gốc Nhà Lê: mà đên sau Nhà Nguyễn và Nhà Trịnh lên làm chúa giúp các vua Nhà Lê là thế nào.

Nguyên thuở trước nước An Nam gọi là Giao Chỉ - Quận, đên sau cũng cải tên là Hoan Châu (Xứ Nghệ).

Khi đầu thì có vua riêng; song năm trước Chúa giáng sinh 441, đời nhà Hán trị nước Ngô, thì nhà Triều mất nước. Mà nước Giao Chỉ thuộc về nước Ngô cho đên khi nhà NGÔ làm nguy mà đặt mình lên làm vua trị nước Giao Chỉ, là năm Giáng sinh 939. Cho nên nước ấy thuộc về nước Ngô đặng 4050 năm trọn.

Năm 700 dư, thì vua Thượng vị lập thành Kê Chợ, rày gọi là Hà Nội. Khi đầu thì đặt tên là Thành Châu; song đên năm 970, vua Đinh Tiên Hoàng (Thái Bình) bỏ thành ấy mà xây thành Hoa Lô (*Hoa Lu*) ở nơi khác mà làm kinh đô. Đoạn năm 1012, vua Lý Thái Tổ là gốc nhà Lý, lại bỏ thành Hoa Lô mà lập lại Thành Châu, cùng cải tên là Hoàng Long Thành (*Thăng Long Thành*); bởi vì vua ấy ở trong tàu mà nằm ngủ chiêm bao thấy một con rồng vàng, thì lấy làm điềm lành.

Vậy nhà LÊ mới khi đầu trị nước Giao Chỉ là năm 981. Ông Đại Hành Vương là gốc nhà Lê cùng làm vua trị dặng 24 năm, thì thăng hà. Đoạn con cái làm loạn cùng giết lộn nhau.

Nhơn vì sự ấy qua năm sáu năm, quan lớn kia, tên là Hồ Lý (*Hâu Lý*) làm nguy, thì nhà Lê mất nước; mà năm 1010 ông Hồ Lý là gốc nhà LÝ tức vị. Đền sau thì đặt tên ông ấy là Thái Tổ. Đời ông Lý Anh Tông, đền năm 1139, thì cái Giao Chỉ mà gọi là Yên Nam (An Nam) Quốc.

Vậy nhà Lý trị nước 216 năm; đoạn ông Lý Huệ Tông chẳng có con trai; thì bà Chiêu Hoàn, là con gái ông ấy, lên trị vì. Mà năm 1226 bà ấy kết bạn với ông Thái Tông thuộc về nhà TRẦN: thì từ ấy cho đến năm 1414, là 188 năm trọn, nhà Trần trị nước An Nam.

Song bởi nhà ấy làm khổn dân lắm, thì có kẻ đến cáo với vua Thượng vị, đời ông Trùng Quang Đế là năm 1409. Vua Thượng vị sai hai quan lớn cùng nhiều binh sĩ mà đánh vua nước An Nam. Các quan cùng dân sự chẳng có lòng với vua Trùng Quang Đế, thì người đã thua cùng phải bắt sống. Các quan có ý đưa ông ấy sang Bắc Kinh cho vua Thượng vị phạt. Nhưng mà ông ấy thoát khỏi tay quân canh, thì trâm mình mà chết.

Các quan nước Ngô đã phá tuyệt dòng nhà Lý và nhà Trần, thì chẳng những là chẳng trả nước An Nam cho nhà Lê, mà lại cũng giữ lấy làm một xứ riêng thuộc về nước Ngô. Vốn dân có lòng ước ao cùng đã xin cho được người nhà Lê làm vua, mà chẳng dặng, thì phàn nàn lắm. Vả lại

các quan nước Ngô làm nhiều đều cực lòng người ta; vì đã bắt bỏ luật phép người An Nam quen giữ xưa nay mà theo những thói phép nước Ngô; phải mặc áo cụt và cạo đầu như nước Ngô, và chẳng còn được nhuộm răng nữa, *van van*. Hơn vì sự ấy người ta sinh lòng phiền muộn, dên đổi muốn lo dấy loạn.

Đến năm 1423, có một người thứ dân kia, tên là Nguyễn Tiên, tìm được một người thuộc về nhà Lê, tên là Lê Lợi, thì người tụ tập chiêu quân mà đánh quân Ngô. Hai bên đánh nhau nhiều trận, mà ông Nguyễn Tiên khôn ngoan, tốt trí cùng hay nghề võ, cho nên dần dần đánh được quân Ngô, cùng đuổi nó ra khỏi nước An Nam. Đến năm 1428, thì ông Nguyễn Tiên đặt ông Lê Lợi làm vua; và khi người thắng hà, thì các quan theo phép tôn người là Lê Thái Tổ. Ông Nguyễn Tiên lập lại nhà Lê thì làm vậy. — Khi ông Lê Lợi còn làm vua, thì cũng có ý dên ơn trả nghĩa cho ông Nguyễn Tiên, nên đã đặt ông ấy làm đầu các quan, và phú các việc nhà nước cho người xem sóc, lại phong làm *quốc công*, cho nên ông ấy là gốc nhà Nguyễn.

Trong các vua nhà Lê thì chẳng có ông nào danh tiếng cho bằng ông Thánh Tông, gọi là vua Hồng Đức. Ông ấy tức vị làm vua năm 1460, là năm Canh Thìn, và trị nước dặng 38 năm trọn. Ông ấy khôn ngoan lập nhiều lệ luật mới, thiên hạ phục lắm. Trong lệ luật ấy có nhiều đều người ta còn cứ cho đến rày. Vả lại ông Hồng Đức ấy có tài đánh giặc; đã đánh dặng nhiều trận với vua Xiêm Thành, cùng lấy hơn nửa phần nước Xiêm Thành,

là hai xứ rất lớn mà nhập với nước An Nam. Đời ấy gọi hai xứ ấy là Thuận Hoá và Quảng Nam; song đã chia ra năm xứ, vì thuở ấy nước An Nam có 13 xứ mà thôi, là kể từ Bình Chính mà ra. Còn từ Bình Chính mà vào thì thuộc về nước Xiêm Thành. Vậy ông Hồng Đức ấy đã mở nước An Nam ra cho rộng.

Còn ông Nguyễn Tiên thì giữ lấy chức *Quốc Công* mà truyền lại cho con cháu mà giúp nhà Lê.

Nhưng mà năm 1521, là năm Tân tị, đời vua Chiêu Tông, là chất ông Hồng Đức, thì quan kia, tên là Lê Du, lại làm ngụy. Vậy Mạc Đăng Dong, khi trước làm nghề thủy cơ (*bắt cá*), mà đến sau đã lên làm quan lớn, thì đã đánh được nhà Lê lại. Như vì sự ấy vua Chiêu Tông có ý thưởng ông Mạc Đăng Dong, bèn đặt làm quan *Quận Công* coi các binh sĩ nước An Nam. Nhưng mà qua hai năm, ông Mạc Đăng Dong làm ngụy, cùng ép ông Chiêu Tông từ chức vua mà đặt ông Cung Hoàng, là em ruột ông Chiêu Tông, làm vua. Cách hai năm, ông Mạc Đăng Dong lại chiếm lấy vị vua nước An Nam, là năm Giáp sinh 1527; song dặng làm vua hai năm mà thôi; đoạn để cho con dẫu lòng, là ông Mạc Đăng Dinh, làm vua.

Vốn khi trước ông Mạc Đăng Dong muốn phá tuyền nhà Lê mặc lòng, song cũng ra dẫu thương nhà Nguyễn cách riêng, hoặc là vì nhà Nguyễn chẳng có trung với vua Lê là bao nhiêu, mà đã ám trợ nhà Mạc, hay là vì lẽ nào khác chẳng biết. Nhà Mạc cũng dùng người nhà Nguyễn làm quan lớn song chẳng còn cho làm *Quốc công* nữa, một cho

làm quan *Thái sư*, là chức nhỏ hơn mà thôi; cho nên nhà Nguyễn chẳng bằng lòng.

Bởi đó ông Thái sư, tên là Nguyễn Kim, nghe tin có con vua Chiêu Tông đã trốn ẩn trong nước Lào, thì liền sai đi rước về. Đoạn ông Nguyễn Kim tụ tập nhiều binh mã mà đánh giặc, nên nhà Mạc phải thua. Nhờ vì sự ấy, năm 1533, là năm Quý tị, thì nhà Nguyễn lại đặt ông Lê Trang Tông làm vua. Vua ấy liền trả nghĩa cho ông Nguyễn Kim, chẳng những là đã phong cho làm quan *Quốc công* lại như xưa, song cũng có ý làm chức ông ấy đã lập mình làm vua, nên đã thêm chữ *hưng* mà gọi là *Hưng quốc công*.

Khi ấy ông Nguyễn Hưng quốc công có một con trai còn trẻ tuổi lắm, và một con gái đã đến tuổi khôn. Vả lại trong các đầy tớ ông ấy thì có một người, tên là Trịnh Kiểm, tốt trí khôn biết đàng lo việc cùng hiền lành nết na; cho nên ông Hưng quốc công thương và đặt làm quan nhỏ. Đến sau thấy người đã làm nên nhiều việc trọng, cùng có tài đánh giặc, thì dần dần đặt làm quan lớn. Người lại gả con đầu lòng cho ông ấy, và đặt lên làm *Võ quận công* nữa.

Qua ít lâu, khi ông Hưng quốc công đã già yếu, chẳng còn làm gì đặng nữa, thì phú việc nhà nước cho rỗi, là Trịnh Kiểm; lại xin vua ban chức *Hưng quốc công* cho ông ấy nữa. —Vua Lê Trang Tông có chức vua không mà thôi, còn các việc nước thì mặc ông Nguyễn Hưng quốc công. —Ông Nguyễn qua đời đoạn, mà con trai ông ấy, tên là Doan Công, hãy còn trẻ tuổi, cùng chưa có chức

cao trọng là bao nhiêu, thì ông Hưng quốc công, là Trịnh Kiểm, nối quyền ông ấy.

Ông Trịnh Kiểm muốn lên làm vua lâm; song sợ e ông Đuan Công, là em ruột vợ mình ngăn trở, thì ra sức tìm phương mà giết. Ông Đuan Công chẳng biết ý anh rể thế nào, nên sợ hãi lắm cùng bàn các việc với chị, là vợ ông Trịnh Kiểm. Hai chị em yêu dấu nhau lắm, cho nên em cứ lời chị đã bàn mà giả dại, cùng làm nhiều điều lạ, cho ai nấy ngờ là mình ra hoàng hốt điên cuồng. Vậy ông Đuan Công giả dò uống thuốc, cùng tỏ ra dấu lạnh, chẳng còn hoàng hốt như trước, song xem hình người ngờ ngăn ngày muội chẳng biết gì. Bấy giờ bà Hưng quốc công, là chị Đuan Công, xin chồng lo liệu mà đưa em mình vào trong Cửa Đại, là xứ cuối nước An Nam, để cho xa di, và mình khỏi mang tiếng. Ông Hưng quốc công ngờ là em dại đột thật, thì vui lòng mà cho xuống tàu vào trong ấy.

Nhưng mà ông Đuan Công vào Đàng Trong chẳng còn lo sợ ông Hưng quốc công nữa, thì ở cách khôn ngoan, cùng tụ tập nhiều người văn võ hỡi Đàng Ngoài mà theo mình vào đó, thì dần dần đặt mình lên làm vua cai trị các xứ Đàng Trong. Khi đầu thì hãy còn chịu lụy ông Hưng quốc công, mà theo *tiền công* những vua nhà Lê. Đền năm 1600, cùng là năm Canh tí, thì đặt mình lên làm vua gọi là Tiên Vương; song hãy còn nhìn lấy nhà Lê làm vua cùng đi *tiền công*. Nhưng mà chẳng còn biết gì đền nhà Trịnh nữa; mà lại đền khi ông Nguyễn Đuan Công, là Tiên vương, gần

chết, thì trời mọi sự cho con đầu lòng, là ông Toại Công, gọi là Tể (Sãi) Vương. — Nhà Nguyễn lên làm *Chúa* cai trị các xứ Đàng Trong thì làm vậy.

Ông Trịnh Kiểm, là Hưng quốc công, thấy em là ông Đoan Công, đã lừa mình thế ấy, thì giận lắm cùng sai nhiều binh sĩ mà đánh phạt. Lại đến khi ông Trịnh Kiểm qua đời đoạn, thì ông Trịnh Tráng, là con Trịnh Kiểm, càng ra sức đánh nhà Nguyễn hơn nữa; nhưng mà phải thua mãi. Hai bên đánh nhau nhiều lần; song nhà Trịnh sai quân vào Đàng Trong lần nào, thì bị trận hay là phải trốn đi lần ấy. Cho nên đến sau nhà Trịnh chẳng dám làm gì nữa.

Từ ấy về sau nhà Nguyễn và nhà Trịnh ghét nhau lắm, cùng chỉ ra sức làm hại nhau; mà bởi nhà Nguyễn đã lấy tên vua mà cai trị dân Đàng Trong, nhà Trịnh cũng đã lấy tên vua mà cai trị dân Đàng Ngoài, thì dân Đàng Trong và dân Đàng Ngoài ra như hai dân khác nhau. Vì chưng dân Đàng Trong chẳng ưa dân Đàng Ngoài, mà dân Đàng Ngoài cũng chẳng ưa dân Đàng Trong. Tuy rằng nhà Trịnh và nhà Nguyễn thì đều nhận lấy nhà Lê làm vua, song bởi các vua nhà Lê kém tài lắm, chẳng biết gì đến việc nhà nước, một lo sự ăn uống, chơi bời, say sưa mà thôi; cho nên có tên vua, còn các quyền phép thì ở tại hai nhà, là nhà Nguyễn và nhà Trịnh hết thấy.

Dân thì quen gọi hai nhà ấy là *Chúa Nguyễn* và *Chúa Trịnh*. Nhưng mà khi các vua nhà Lê ban sắc phong cho hai Nhà ấy, thì phong vương tở

tường. Cho nên *Các Chúa* ấy ra sắc chỉ hay là làm tờ bởi gì thì xươg mình là *Vua*.

Lại đầu các vua nhà Lê chẳng làm gì mà trị nước giặc lòng, song bởi quen đi về tại Kê Chợ, thì dân Đàng Ngoài cũng biết các vua nhà Lê ít nhiều, và các chúa nhà Trịnh cũng tỏ ra lòng cung kính. Còn dân Đàng Trong ở xa, thì chẳng biết gì đến các vua nhà Lê, một biết nhà Nguyễn mà thôi. Cho nên các chúa nhà Nguyễn lấy các vua nhà Lê làm *niên hiệu*, còn mọi sự khác thì mặc ý mình.

Lại khi đầu, phần đàng nhà Nguyễn cai trị, thì còn ít lắm, vì có một xứ Thuận Hóa và xứ Quảng Nam, là hai xứ khi trước thuộc về Xiêm Thành mà vua Hồng Đức đã lấy. Vậy nhà Nguyễn chẳng còn đánh giặc với nhà Trịnh nữa, thì chỉ đánh với nước Xiêm Thành và một phần Cao Mên gọi là Đồng Nai, rày đã chia ra làm năm tỉnh. Cho nên nước Đàng Trong là bởi nước Xiêm Thành và nước Cao Mên mà ra.

Còn nhà Trịnh chẳng đánh giặc với nhà Nguyễn nữa, thì phải đánh với nhà Mạc. Vì chưng trước ông Nguyễn Kim đã đánh được nhà ấy mặc lòng, song chưa chịu thua cho dứt, thì còn cai trị xứ Bắc và xứ Cao Bằng. Mà năm Giáp sinh 1603, là Lê Kính Tông tam niên cùng là năm Quý mao, thì ông Khang Hi, là vua thượng vị, gởi sắc cho nhà Mạc mà phong vương cai trị xứ Cao Bằng. Song qua hai ba năm, nhà Mạc ấy mất mọi sự cùng trốn sang nước Đại Minh; thì từ ấy về sau xứ Cao Bằng thuộc về nước An Nam.

Sở các Vua trị nước An Nam
từ nhà Lê về sau.

Ông Đại Hành Vương tức vị 981 là năm Tân
tị, trị nước dặng 24 năm. Đoạn con cái vua ấy bất
thuận cùng sinh bè làm loạn, mà chẳng ai làm
vua.

Qua năm sau, ông Trung Tông, là con ông Đại Hành
Vương, tức vị được ba ngày. Đoạn phải em giết đi,
và soạn lấy nước làm vua. Thiên hạ gọi người là
Ngọa Triều, vì người hay nằm.

Nhà Lý.

Năm 1010, là năm Canh tuất, ông Thái Tổ, là đầu
nhà Lý, tức vị được 48 năm

Năm 1028, là năm Mậu thìn, ông Thái Tông tức
vị được 27 năm.

Năm 1055, là năm Ất vị, ông Thánh Tông tức
vị được 47 năm.

Năm 1072, là năm Nhâm tí, ông Nhân Tông tức
vị được 56 năm.

Năm 1128, là năm Mậu thân, ông Thần Tông, là
cháu ông Thái Tông, tức vị được 11 năm.

Năm 1139, là năm Kỷ mão, ông Anh Tông tức

vị được 37 năm. — Bảy lâu nước An Nam gọi là Giao Chi Quận, thì ông Anh Tông đổi tên là An Nam Quốc.

Năm 1176, là năm Bính thân, ông Cao Tông tức vị được 35 năm.

Năm 1211, là năm Tân vị, ông Huệ Tông tức vị được 14 năm.

Năm 1225, là năm Ất dậu, ông Huệ Tông thăng hà, mà chẳng có con trai; thì bà Chiêu Hoàng, là con gái đầu lòng, tức vị. Qua một năm, bà ấy kết bạn với nhà Trần, thì nhà Lý mất nước, mà nhà Trần lên làm vua.

Nhà Trần.

Năm 1226, là năm Bính tuất, ông Trần Thái Tông kết bạn với bà Chiêu Hoàng, thì lên làm vua, cũng là đầu nhà Trần, trị nước được 32 năm.

Năm 1258, là năm Mậu ngũ, ông Thánh Tông tức vị được 21 năm.

Năm 1279, là năm Kỷ mão, ông Nhân Tông tức vị được 14 năm.

Năm 1293, là năm Quý tị, ông Anh Tông tức vị được 21 năm.

Năm 1314, là năm Giáp dần, ông Minh Tông tức vị được 15 năm.

Năm 1329, là năm Kỷ tị, ông Hiến Tông tức vị được 12 năm.

Năm 1344, là năm Tân tị, ông Dũ Tông tức vị được 29 năm; ông ấy là em ông Hiến Tông.

Năm 1370, là năm Canh tuất, ông Nghệ Tông, là em ông Hiến Tông, tức vị. Làm vua ba năm đoạn, nhường chức cho em.

Năm 1373, là năm Quý Sửu, ông Duệ Tông, cũng là em ông Hiến Tông, tức vị được 4 năm.

Năm 1377, là năm Đinh tị, ông Phế Đế tức vị. Qua 12 năm, ông ấy phải chú, là ông Nghệ Tông, thất cố mà chết đi, cho nên gọi là Phê Đê.

Năm 1389, là năm Kỷ tị, ông Thuận Tông là con ông Nghệ Tông, tức vị. Song le qua chín năm, ông ấy phải nhường lại cho con; đoạn phải người ta giết đi.

Năm 1398, là năm Mậu dần, ông Thiệu Đế tức vị. Làm vua hai năm, đoạn mất nước, là năm 1400; vì quan lớn kia, tên là Hồ Quý Ly, làm nguy lấy nước mà làm vua được một năm mà thôi.

Đoạn ông Hán Thương, là con ông ấy, làm vua mà người ta giết đi.

Năm 1407, là năm Đinh hợi, ông Giản Định, là con ông Nghệ Tông, đánh được vua nguy Hán Thương, thì tức vị được hai năm.

Năm 1409, là năm Kỷ Sửu, ông Trưng Quang Vương, là cháu ông Nghệ Tông, tức vị. Vua ấy làm khổ dân lắm, cho nên các quan xin vua Thương vị nước Ngò cứu giúp nước An Nam. Vua Thương vị sai hai quan tướng cùng nhiều binh sĩ đánh phạt vua Trưng Quang; thì ông ấy đã phải bắt sống, đoạn trảm mình mà chết; nên nhà Trần mất nước là năm 1414. Song le vua Thương vị chẳng đặt vua khác; một giữ lấy nước An Nam làm xứ riêng nước Ngò.

Nước An Nam phá vỡ thế ấy mà chẳng có vua đã mười bốn năm trọn. Vậy người kia, tên là Nguyễn Tiên, là người xứ Thanh Hóa, nghe tin còn có một người dòng dõi nhà Lê, tên là Lê Lợi, thì ra sức lo cho ông ấy làm vua. Ông Nguyễn Tiên đánh giặc với quân Ngô mười năm trọn; đoạn năm Giáp sinh 1428, là năm Mậu thân, mới lập lại nhà Lê, đặt ông Lê Lợi, gọi là Thái Tổ, mà trị nước bảy năm, niên hiệu là Thuận Thiên.

Năm 1433, là năm Ất mao, ông Thái Tông, là con ông Thái Tổ, trị nước tám năm; niên hiệu là Thiệu Bình.

Năm 1443, là năm Quý Hợi, ông Nhân Tông, là con ông Thái Tông, tức vị làm vua được mười bảy năm; niên hiệu là Thái Hoà.

Năm 1460, là năm Canh Thìn, ông Thánh Tông, niên hiệu là Hồng Đức, là con ông Nhân Tông, tức vị làm vua được ba mươi tám năm. Trong các vua An Nam chẳng có vua nào có danh tiếng cho bằng vua ấy.

Năm 1498, là năm Mậu Tuất, ông Hiến Tông, là con ông Thánh Tông, tức vị làm vua sáu năm; niên hiệu là Cảnh Thuận (Kiềng Thống).

Năm 1504, là năm Giáp Tý, ông Túc Tông, là con ông Hiến Tông, tức vị làm vua một năm mà thôi; niên hiệu là Đoan Khánh (Thoại Khánh).

Năm 1505, là năm Ất Sửu, ông Mục Đế, là con ông Hiến Tông, tức vị đặng bốn năm. Ông ấy chẳng cải niên hiệu.

Năm 1509, là năm Kỷ Tỵ, ông Tương Đế, là cháu ông Thánh Tông, tức vị làm vua bảy năm.

Đoạn phải người ta giết đi. Niên hiệu Hồng Thuận.

Năm 1516, là năm Bính tí, ông Chiêu Tông, là chắt ông Thánh Tông, tức vị cùng làm vua bảy năm: đoạn bị nhà Mạc làm nguy, mà mất nước; niên hiệu là Quang Thiệu.

Năm 1523, là năm Quý vị, ông Cung Hoàng, là em ông Chiêu Tông, tức vị; vì tuy nhà Mạc đã làm nguy song chưa chiếm lấy chức vua. Nhưng mà qua bốn năm (1527), ông Mạc Đăng Dung tôn mình lên làm vua, và trị nước hai năm. Đoạn nhường vị cho con đầu lòng, là ông Mạc Đăng Dinh. Bấy giờ quan Nguyễn Cẩm (Kim), hiệu là ông Thái sư, lập lại nhà Lê.

Năm 1533, là năm Quý tị, ông Trang Tông tức vị làm vua mười lăm năm; niên hiệu là Nguyên Hòa.

Năm 1549, là năm Đinh vị, ông Trung Tông tức vị làm vua tám năm; niên hiệu là Thuận Bình.

Năm 1557, là năm Đinh tị, ông Anh Tông, là chắt ông Thái Tông, tức vị làm vua mười lăm năm; niên hiệu là Đại Hựu.

Năm 1572, là năm Nhâm thân, ông Thế Tông, là con ông Anh Tông, tức vị làm vua hai mươi tám năm; niên hiệu là Quang Hưng.

Năm 1600, là năm Canh tí, ông Kính Tông, là con ông Thế Tông, tức vị làm vua mười chín năm; niên hiệu là Thần Đức.

Năm 1619, là năm Kỷ vị, ông Thần Tông, là con ông Kính Tông, tức vị làm vua hai mươi bốn năm; niên hiệu là Vĩnh Tộ. Đoạn nhường vị cho con. — Đời vua ấy thì mới giảng đạo trong nước An Nam.

Năm 1643, là năm Quý vị, ông Chân Tông,

là con ông Thần Tông, tức vị làm vua năm năm; niên hiệu là Phước Thái.

Năm 1648, là năm Mậu tí, ông Thần Tông lên làm vua lại, mà còn cai trị nước mười bốn năm; niên hiệu là Khánh Đức.

Năm 1663, là năm Quý mao, ông Huyền Tông, là con ông Thần Tông, tức vị làm vua mười năm; niên hiệu là Cảnh Trị.

Năm 1673, là năm Quý sửu, ông Gia Tông, là em ông Huyền Tông, tức vị làm vua ba năm; niên hiệu là Dương Đức.

Năm 1675, là năm Ất mao, ông Hi Tông, là con ông Thần Tông, sinh ra khi cha đã chết rồi, tức vị làm vua được ba mươi năm; niên hiệu là Đức Nguyên.

Năm 1705, là năm Ất dậu, ông Dũ Tông, là con ông Hi Tông, tức vị làm vua hai mươi bốn năm; niên hiệu là Vĩnh Thịnh.

Năm 1729, là năm Kỷ dậu, ông Vĩnh Khánh tức vị. Ông ấy là con nuôi ông Dũ Tông; mà bởi ông ấy mê sắc dục quá, thì làm vua ba năm, đoạn chúa Trịnh Giang, cũng gọi là Uy Vương giết đi, mà chẳng có niên hiệu.

Năm 1732, là năm Nhâm tí, ông Thuần Tông, là con ông Dũ Tông, tức vị làm vua ba năm; niên hiệu là Long Đức.

Năm 1735, là năm Ất mao, ông Ý Tông tức vị lấy niên hiệu là Vĩnh Hựu. Đời ấy thiên hạ phải nhiều sự khốn lắm. Ông Ý Tông làm vua 5 năm, đoạn nhường ngôi cho cháu là ông Hiến Tông, còn trẻ tuổi; liệu làm vậy thì có ý cho thiên hạ được bình yên.

Năm 1740, là năm Canh thân, ông Hiến Tông, là con ông Thuần Tông tức vị làm vua bốn mươi sáu năm; niên hiệu là Cảnh (Kiểng) Hưng. — Đời ông ấy thì quân Tây Sơn dấy lên.

Năm 1786, là năm Bính ngũ, ông Chiêu Thống, là con ông Hiến Tông, tức vị làm vua không đầy hai năm. Đoàn quân Tây Sơn chiếm lấy ngôi. Ông Chiêu Thống trốn sang Đại Minh, mà khi đã già lắm mới qua đời.

Năm 1788, là năm Mậu thân, ông Long Nhữong chiếm lấy ngôi vua, cùng lấy tên Quang Trung, mà xưng mình là hoàng đế và trị xứ Đàng Ngoài nước An Nam mười ba năm.

Năm 1801, là năm Tân dậu, ông Cảnh Thịnh, là con ông Quang Trung, làm vua; sau lại cải tên là Bảo Hưng; qua một ít lâu thì người ta bắt mà nộp cho vua Gia Long, thì phải ngũ mã phân thân.

Năm 1802, là năm Nhâm tuất, ông Gia Long tức vị lấy tên hoàng đế cai trị cả nước An Nam. Khi quân Tây Sơn cai trị các xứ Đàng Ngoài, thì ông Gia Long, gọi là Nguyễn Anh, cai trị các xứ Đàng Trong hai mươi ba năm. Đền sau thì lại cai trị cả nước An Nam mười tám năm.

Năm 1820, là năm Canh thìn, ông Minh Mạng là con ông Gia Long, tức vị làm vua hai mươi một năm.

Năm 1841, là năm Tân sửu, ông Thiệu Trị, là con ông Minh Mạng, làm vua bảy năm.

Năm 1848, là năm Mậu thân, ông Tự Đức, là con ông Thiệu Trị, tức vị làm vua ba mươi sáu năm.

Năm 1883, là năm Quý vị, ông Hiệp Hòa tức vị làm vua dặng năm tháng; đoạn cũng một năm ấy, ông Kiên Phước tức vị làm vua, dặng tám tháng mà thôi.

Năm 1884, là năm Giáp thân, ông Hàm Nghi tức vị, làm vua dặng một năm; đoạn phải bá thiên.

Năm 1885, là năm Ất dậu, ông Đồng Khánh tức vị làm vua năm năm.

Năm 1889, là năm Kỷ sừu, ông Thành Thái tức vị.

Sở các Chúa nhà Nguyễn trị các xứ Đàng Trong.

Năm 1600, là năm Canh tí, ông Nguyễn Tiên Vương tức vị. Ông ấy là con ông Nguyễn Kim lập lại nhà Lê. Khi đầu thì gọi là Đoan Công hay là Nguyễn Hoàng, và làm quan trấn mà thôi. Đến sau nhà Lê mới phong vương cho cai trị các xứ Đàng Trong mười bốn năm.

Năm 1614, là năm Giáp thâu, ông Tế (Sãi) Vương, là con ông Tiên Vương, tức vị làm chúa hai mươi một năm.

Năm 1635, là năm Ất hợi, ông Thượng Vương, là con ông Tế Vương, tức vị làm chúa 14 năm.

Năm 1649, là năm Kỷ sừu, ông Hiền Vương, là con ông Thượng Vương, lên làm chúa 37 năm.

Năm 1686, là năm Bính dần, ông Văn Vương, là con ông Hiền Vương, lên làm chúa 6 năm.

Năm 1692, là năm Nhâm thân, ông Miuh Vương, là con ông Văn Vương, lên làm chúa 32 năm.

Năm 1724, là năm Giáp thìn, Đức Ninh Vương, là con ông Minh Vương, tức vị làm chúa 13 năm.

Năm 1737, là năm Đinh tị, Đức Hiền Vũ Vương, là con Đức Ninh Vương, lên làm chúa 28 năm.

Năm 1765, là năm Ất dậu, Đức Thượng Hoàng (cũng là Huệ Vương) tức vị làm chúa 12 năm; đoạn quân Tây Sơn giết đi.

Năm 1777, là năm Đinh dậu, ông Hoàng Tôn, là con ông Đức Mục (Mục), tức vị lên làm chúa thay vì ông Huệ Vương. Song chẳng khỏi bao lâu phải quân Tây Sơn bắt mà giết đi.

Ông Hoàng Tôn chết rồi, dòng dõi nhà Nguyễn gần mất đi, thì ông Nguyễn Anh tức vị. Khi đầu thì cai các xứ Đàng Trong mà thôi. Đến năm 1802, là năm Nhâm tuất, thì làm vua cai cả cả và nước An Nam, và lấy tên Gia Long. Từ ấy về sau trong nước An Nam chẳng còn chúa nữa, có tên vua mà thôi.

Sở các Chúa nhà Trịnh cai trị các xứ Đàng Ngoài.

Năm 1545, là năm Ất tị, ông Trịnh Kiểm, là rể ông Nguyễn Kim Hưng quốc công, làm Hưng quốc công 25 năm. Khi chết rồi thì mới phong vương.

Năm 1570, là năm Canh ngũ, ông Trịnh Tông, là con ông Trịnh Kiểm, nối quyền cha. Vậy năm 1598, là năm Mậu tuất, nhà Lê phong vương cho ông ấy, cùng gọi là An Quốc Vương. Người làm chúa 25 năm. Từ ấy về sau nhà Trịnh mới lấy tên chúa.

Năm 1623, là năm Quý Hợi, ông Trịnh Trạng, gọi là Thanh Đô Vương, làm chúa 28 năm.

Năm 1654, là năm Tân Mão, ông Trịnh Thạc, gọi là Tây Bình Vương, tức vị làm chúa 22 năm.

Năm 1673, là năm Quý Sửu, ông Trịnh Càng, gọi là Định Nam Vương, tức vị làm chúa 35 năm. —
Đời ấy các vua nhà Lê còn quyền trị nước; song ông Trịnh Càng chuyên lấy mọi quyền phép, và lấy tên nhà Lê làm niên hiệu mà thôi. Còn mọi sự khác thì mặc chúa Trịnh định liệu. Vua thì biết sự ăn uống, chơi bời, dưỡng nhân ngao du mà thôi.

Năm 1708, là năm Mậu Tý, ông Trịnh Cương, hiệu là Yên Đô Vương, là cháu ông Định Nam Vương, tức vị làm chúa 25 năm.

Năm 1733, là năm Quý Sửu, ông Trịnh Giang, gọi Uy (Oai) vương, tức vị làm chúa 16 năm.

Năm 1749, là năm Kỷ Tỵ, ông Trịnh Đình, gọi là Minh Đô Vương, tức vị làm chúa 17 năm.

Năm 1766, là năm Bính Tuất, ông Trịnh Sâm, gọi là Tĩnh Đô Vương, tức vị làm chúa 15 năm.

Năm 1781, là năm Tân Sửu, ông Trịnh Giai tức vị làm chúa 4 năm.

Năm 1785, là năm Ất Tỵ, ông Trịnh Phụng tức vị làm chúa, và ít lâu sau toan nguy cùng nhà Lê, mà thất trận cùng biên đi mất.



SỬ KÝ ĐẠI NAM VIỆT

PHẦN THỨ NHỨT.

DOÃN TÍCH TỪ HIỀU VŨ VƯƠNG CHO ĐẾN
KHI ĐỨC THẢY VÊRÔ VỀ MÀ XIN VUA
NƯỚC PHALANGSA GIÚP NHÀ NGUYỄN
PHỤC QUỐC.

ĐOẠN THỨ NHỨT.

Hiều Vũ Vương (1737-1765).

Hiều Vũ Vương thuộc về nhà *Nguyễn*, cũng là con ông Ninh Vương, làm chúa cai trị các xứ Đàng Trong 28 năm trọn, là từ năm 1737 cho đến năm 1765, là từ năm Đinh tị cho đến năm Ất dậu, cũng là từ Vĩnh Hựu tám niên cho đến Lê Cảnh Hưng nhị thập lục niên. (Khi ấy nhà *Lê* đang làm vua cai trị cả nước An Nam, quen ở nơi gọi là Thăng Long Thành, mà Lê Cảnh Hưng làm vua trị 46 năm, là từ năm 1740 cho đến năm 1786. Cảnh Hưng thăng hà, đoạn thì Chiêu Thống tức vị cũng cứ lấy niên hiệu Cảnh Hưng.)

1. — Hiền Vũ Vương gây các sự khốn nạn loạn lạc trong nước An Nam.

Ông Hiền Vũ Vương đã sinh ra mọi sự khốn khó loạn lạc, và làm cho nước An Nam mắc phải triều nguy Tây Sơn ; vì ông ấy phần thì sống lâu, phần thì độc dữ làm khốn cho người ta quá lẽ, chẳng có ai thoát khỏi tay vua nầy. Ông ấy có lòng tham cùng xấu tính nết, cho đến đến hề biết ai có của gì, hay là sản vật gì quý trọng, như chó, ngựa, chim, vượn, hay là hoa quả, cây cối, như cam, quít, mít, hồng, cùng những giống khác thế ấy, hay là vợ con đẹp dễ xinh tốt, thì cướp lấy, cùng bắt nộp những của trọng vật lạ ấy nữa. Dầu ai ở xa thế nào cũng phải lo mà đưa đến nơi. Có nhiều lần vì xa đường, chưa kịp đến nơi mà các giống vật ấy, và các giống hoa quả chêt đi hay là hư đi, thì bắt tìm kiếm lại cho có nhiều hơn. Bằng chẳng kiếm được vì hoặc đã quá mùa, hay là bởi khó kiếm lắm, thì phải đòn, phải gông, phải bỏ vào ngục, cùng phải mất nhiều của, rồi mới khỏi tội. Còn các việc quan nặng nề Vũ Vương bắt người ta chịu, thì chẳng biết đau mà kể cho xiết dạng. Cho nên thiên hạ khốn nạn cay đắng, vì ông ấy chẳng biết thương, một yêu mình mà thôi, và chỉ muốn cho người ta đói khát khốn cực hết thấy : vì Vũ Vương ăn ở thế ấy nên chẳng còn phép tắc gì. Trong nhà nước các quan muốn làm sao thì làm, ai nấy cũng bắt chước Vũ Vương mà hiệp dân sự.

Sau nữa ông ấy mê sắc dục, ra như chẳng còn tính loài người, chẳng những là có nhiều vợ kẻ chẳng xiết, lại cũng lấy con và chị em làm vợ, mà đã sinh nhiều con lắm.

2. — Vua bắt đạo thế nào.

Ông ấy lại ghét đạo cách riêng, nên đã cấm đạo thái nghiêm. Các thầy cả bất luận Tây Nam đều phải ẩn mình kỹ lắm. Các nhà thờ đã phải triệt hạ hết. Các bốn đạo không dám hiệp lại đọc kinh xem lễ nữa. Vì các quan thấy ai có đạo, thì bắt khoá quá xuất giáo cùng lay ma quỷ bụt thần; bằng chẳng chịu thì phải bao phong gia tài, cùng phải đòn hay là bỏ vào ngục. Song chẳng luận xử tử mấy người vì đạo; có năm ba người chẳng chịu bỏ đạo thì dạy giam cho chết đói, còn kẻ khác thì phải khảo trượng, hay là làm nô tĩ trọn đời. Vậy những kẻ đã bất luận thế ấy vì đạo, thì chẳng có bao nhiêu song những kẻ khoá quá xuất giáo thì nhiều hơn bội phần. Cũng có nhiều kẻ khi đầu thì ra dấu sốt sáng sẵn lòng chịu khó vì đạo; dấu quan nói làm sao, hay là tra khảo thế nào, cũng chẳng chịu bỏ đạo. Nhưng mà bởi chẳng chém tức thì, mà lại phải nhiều sự khổ sở lâu dài, thì dần dần ngã lòng mà xuất giáo.

3. — Vũ Vương tôn Chương Vũ làm Đông cung thế cho Đức Mục.

Con dấu lòng Hiếu Vũ Vương, tên là Đức Mục (Mục), có nết na cùng khác tính chạ lắm. Ai ai

cũng khen ông ấy khoan nhơn, hiền lành, hay thương dân và có nhơn đức; vua cha cũng đã đặt làm Đông cung. Chẳng hay ông Đứơc Mục qua đời khi mới dặng một con trai, tên là Hoàng Tôn, mà thôi.

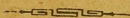
Con thứ hai ông Vũ Vương, tên là Chương Vũ, chẳng khác tính cha là bao nhiêu. Trong các vợ ông ấy có một dứa con hát sinh dặng nhiều con trai; trong những con trai ấy, thì con thứ hai, tên là Đứơc Hoàng Nguyễn Anh, có danh tiếng, vì đến sau được nối dòng cùng tôn lên làm vua gọi là Gia Long.

Vậy bởi ông Đứơc Mục là con đầu lòng đã qua đời, thì Hiền Vũ Vương đặt con thứ hai, là Chương Vũ, làm Đông cung để sau làm chúa thay vì mình. Các quan cùng cả và dân đã biết sự ấy, thì ai ai cũng đều tin thật sau ông ấy sẽ nối quờn cha. Hiền Vũ Vương lấy em làm vợ, và đã sinh dặng một con trai là Hoàng Thượng. Vũ Vương yêu Hoàng Thượng cách riêng, và có ý cho lên làm chúa; song đã đặt ông Chương Vũ làm Đông cung rồi, mà cả và triều đình đều thuận hết.

4. — Vũ Vương dùng mưu mà tôn Hoàng Thượng lên ngôi.

Nhơn vì sự ấy, năm 1765, là năm Cảnh Hưng nhì thập lục niên cùng là năm Ất Dậu, Vũ Vương chẳng dám từ ông Chương Vũ tố tởng; song trở cho hai ông quan đại thần đầu triều mà rằng: « Bao giờ mình qua đời rồi, thì phải lo liệu cho Hoàng Thượng lên làm vua. » Hai quan ấy lấy đều ấy làm mừng lắm. Vốn đã biết ông ấy ít trí khôn cùng mê ả.

uống, chơi bời, xem trò xem hát, cũng ham săn bắn; cho nên các quan ấy có ý tìm ích riêng mình vì tin thật ông Hoàng Thượng mê chơi bời làm vậy, thì sẽ có tên là chúa mà thôi, còn quyền thế chi thì tại mình. Bởi vậy, hai ông ấy bàn tính với nhau mà lập một phe kín, và cứ lời Vũ Vương mà giúp ông Hoàng Thượng. Bao nhiêu quan chẳng hiệp một lòng một ý với mình, hay là có ý binh ông Chương Vũ, thì tìm lẽ nọ lẽ kia mà bắt tội cất chức; kẻ thì phải giam, có kẻ phải chết chém. Khi đầu hai ông ấy chưa dám bắt tội ông Chương Vũ; song cũng có ý tứ mà canh giữ lắm. Hai ông ấy đã lập phe mạnh lắm, không còn ai dám chống trả, vì chính mình Hiền Vũ Vương đã bày cho.



ĐOẠN THỨ HAI.

Huệ Vương (1765-1777). -- Hoàng
Tôn (1777).

1. — Ông Huệ (Đuê) Vương tức vị.

Ông Hiền Vũ Vương chết nội năm ấy (1765), là năm Cảnh Hưng nhị thập lục niên; đoạn hai quan lớn phong vương cho Hoàng Thượng cùng đặt là Huệ Vương. Còn ông Chương Vũ, là cha Đức Hoàng Nguyễn Anh, thì phải giam trong ngục; qua năm ba tháng đã phải bệnh mà chết trong ấy. Cho nên có kẻ nghi rằng: đã phải thuốc độc. Lại có kẻ nghi rằng phải mất. Khi ấy Nguyễn Anh mới nên ba tuổi mà thôi. Ông Chương Vũ còn để lại hai em

đồng một mẹ, là ông Chương Văn và Chương Hiến. Vậy ông Huệ Vương còn trẻ tuổi mà mê chơi bời, xem trò xem hát, chẳng biết gì đến việc nhà nước, một để mọi sự mặc quan triều thần mà thôi.

Trong hai ông đã đặt người lên làm chúa, thì có một quan chiếm lấy quyền phép cũng gọi là quốc phó, mà ra như làm vua; cho nên dân sự phải khổ nạn quá hơn đời Hiếu Vũ Vương nhiều phần. Bởi đó dầu các quan, dầu dân sự, ai ai đều tụ tập mà làm ngụy. Quan quốc phó thấy vậy thì lấy làm lo; mà bởi tin ông Chương Văn, nên sai ông ấy đi mà dẹp loạn. Ông Chương Văn, đến đâu thì các quan cùng thiên hạ rước và thết đãi trọng thể, vì ông ấy có danh tiếng như đức và hay thương dân chẳng kém ông Đức Mục. Cũng có nhiều kẻ lo mưu kế cho dựng đặt ông ấy lên làm chúa thay vì ông Huệ Vương.

2. — Ông Nhạc lo mưu cho ông Chương Văn lên làm vua.

Trong những kẻ phục ông Chương Văn và giúp ông ấy lên làm vua, thì nhất là ông Nhạc, là người xứ Qui Nhơn. Nguyên trước là tướng kẻ cướp cùng hay cờ bạc lắm, song bạo dạn gan dăm và tốt trí khôn khéo liệu các việc. Ông ấy làm đây tờ hầu hạ riêng ông Chương Văn; những thật lòng mèn thảy, cùng chỉ làm hết sức cho dựng giúp lên bậc cao. Song ông Chương Văn chẳng nghe, một giữ lòng trung với ông Huệ Vương mà thôi.

Vậy ông Nhạc lấy tên ông Chương Văn mà viết

thơ cho năm ba ông quán triều, để rủ theo mình mà đánh Huệ Vương. Ông Nhạc ngờ là phò ông ấy có lòng với ông Chương Văn, và sẵn lòng bỏ ông quốc phó cùng ông Huệ Vương. Nhưng mà phò ông ấy chẳng biết việc sẽ ra làm sao, thì lấy làm sợ mà chẳng ai chịu lời; lại cáo ông Chương Văn làm ngục. Vậy khi ông Chương Văn đã liệu các việc dân vừa rồi, mà chẳng biết ông Nhạc lo mưu chước thế nào, thì về Phú Xuân, liền phải bỏ vào ngục. Vì chung trong triều ai ai cũng tin ông ấy toan làm ngục. Dầu ông ấy nói làm sao mà chữa mình, thì quốc phó cũng chẳng nghe.

Qua hai năm, có đờn bà kia quen ra vào trong ngục ông Chương Văn phải giam, lo mưu cho ông ấy trốn đi đặng. Khi dẫu thì vào ẩn mình trong chùa kia, mà các sư có lòng thương thì giấu đi cùng nuôi đã lâu. Đền sau ông quốc phó tìm bắt đặng thì đã trốn nước đi.

3. — Ông Nhạc dầy loạn.

Khi ông Nhạc thấy thấy mình, là ông Chương Văn, phải bỏ vào ngục làm vậy, thì liền họp với anh em, cùng nhiều người anh em bạo hữu ở xứ Qui Nhơn, mà làm giặc. Nguyên quân ấy khi đi ăn cướp thì đã quen ẩn mình trên núi kia, ở hướng tây xứ Qui Nhơn; nên đã gọi quân ấy là quân *Tây Sơn*. Vậy ông Nhạc đã biết thiên hạ chẳng phục ông Huệ Vương, cùng ghệt ông quốc phó; người lại có ý dỗ người ta theo mình, thì trách ông Huệ Vương chẳng phải là vua chính, vì là con vợ mọn.

Vốn khi trước ông Đứơc Mụ, làm Đông Cung, cho nên ông Hoàng Tôn là vua chính. Nhờ bầy ông Hoàng Tôn chẳng được làm vua, thì còn có ông Chương Văn. Ông Nhạc lại xưng rằng: « Minh « chẳng có ý đánh giặc mà tìm ích riêng dẫu, một « có ý cứu lấy vua chính mà thôi. » — Cho nên bao nhiêu quân kẻ cướp cùng quân Ngò ở xứ Qui Nhơn, đều nhận ông Nhạc làm tướng.

Vậy trước hết, quân ấy bắt được quan trấn cùng các quan thành Qui Nhơn, và cắt chức mà lấy lễ rằng: « Chẳng có lòng trung với vua chính, « cùng chẳng có lòng thương dân, » — Người ta thấy làm vậy thì mừng lắm, vì ngờ quân ấy thật lòng cứu giúp Hoàng Tôn hay là ông Chương Văn. Lại cũng có ý trông cho sau này ra nhẹ việc quan, nên đua nhau theo ông Nhạc. Vậy chẳng khỏi bao lâu đã thêm được nhiều quân lắm. Những quân lính Đàng Ngoài giữ lấy xứ Quảng Nam, cùng gọi là xứ Chăm, thì ông Nhạc đuổi ra hết: đoạn thì đem xứ Quảng Nam về xứ Qui Nhơn, và cứ việc đánh giặc một ngày một thắng. — Ấy là gốc giặc Tây Sơn thì làm vậy.

4. — Nhà Trịnh vào Đàng Trong hãm lấy Huế.

Khi ấy dân sự một ngày một khốn cực, vì ông quốc phó bắt việc quan cùng ức hiếp quá lễ, chẳng ai chịu được nữa. Cho nên, năm 1774, là năm Canh Hưng tam thập ngũ niên, cùng là năm Giáp ngũ, thì các quan đồng tình với nhau mà sai kẻ đến với ông Trịnh Sum, là chúa cai Đàng Ngoài,

xin cứu giúp dân Đàng Trong vì khốn nạn lắm. Các quan cũng bàn cho lính Đàng Ngoài dặng vào trong Huế. Ông Trịnh Bồ Vương chẳng ưa Đàng Trong là bao nhiêu, cho nên khi được dịp mà vào lấy xứ ấy thì mừng lắm, cùng toan đem dân sự quan quân vào Đàng Trong.

Dân Đàng Trong trông cho được nhờ, thì cũng lấy làm mừng. Song bởi ông Trịnh Sum chưa biết tỏ ông quốc phó khôn ngoan và có tài đánh giặc thế nào, nên chẳng dám lấy sức lực mà đánh vuổi, một lập mưu kế cho dễ bắt ông ấy mà thôi. Khi đầu thì đồn tiếng ra cho chúa Huệ Vương, cùng cả và dân Đàng Trong hay rằng : « Chẳng có « việc gì mà sợ, vì chẳng có ý dèn đánh giặc làm « chi, một có ý dèn cứu giúp dân cho khỏi phải « ông quốc phó hà hiệp, và làm khốn dèn nỗi ấy « mà thôi. » Người lại viết thơ mà trách ông Huệ Vương nhiều dều nặng lắm, vì mình là chúa cai trị nước, mà chẳng biết đàng thương dân, lại để cho ông quốc phó làm khốn dân dèn nỗi ấy, thì cảm là đều rất xấu hổ lắm. Vậy nếu có muốn cho yên việc, thì phải nộp quan quốc phó ; đoạn sẽ giao hòa vuổi nhau, mà mình sẽ trở về Đàng Ngoài tức thì.

Ông Huệ Vương nghe làm vậy, thì kinh khiếp bối rối, vì ít trí khôn, chẳng biết đàng lo việc gì, một biết chơi bời mà thôi. Vả lại người đã biết tỏ các quan cùng cả và dân đã sẵn lòng nội công, và trở lại cùng quân Đàng Ngoài mà phản mình, thì càng sợ hãi hơn nữa. Như vì sự ấy, Huệ Vương hội triều đình lại mà bàn việc ấy. Bấy giờ

ai ai đều cũng bàn rằng: *phải nộp ông quốc phó cho yên nhà nước.* — Nhưng mà quân Đàng Ngoài được quan quốc phó thì thiệt dãi cách lịch sự; và bởi ông ấy đã thuộc các xứ Đàng Trong tường tận, cho nên quân Đàng Ngoài biết dặng mọi sự. Ấy vậy Trịnh Sâm đem quân vào Đàng Trong cho đến gần thành Huế, có ý vây thành ấy, vì quân Đàng Trong đã trốn đi hết.

5. — Huệ Vương trốn vào Đông Nai.

Khi Huệ Vương biết mình đã mắc lừa, thì chẳng biết làm sao hay là cậy ai nữa. Nên ông ấy đem mẹ cùng anh em chị em, con cháu, và quan quân bỏ thành Huế mà xuống tàu trốn vào Đông Nai. Trong các cháu ấy có ông Hoàng Tôn là con Đức Mục, và Nguyễn Anh, là con ông Chương Vũ. Ông Hoàng Tôn đã nên mười hai tuổi, mà ông Nguyễn Anh thì mới chín tuổi. Khi vua vào trong ấy, thì khó đến nơi lắm, vì quân Tây Sơn đã cấm các cửa biển; nên cũng có lúc vua phải ẩn mình mà đi bộ.

Khi ấy ông Đidaô, là người bên tây, cùng là thầy cả dòng ông thánh Phanxicô, giảng đạo trong Đông Nai, đã lập nhà tại làng Chợ Quán. Ông Huệ Vương thương ông ấy lắm, đã nghe người có tài năng khôn ngoan, bèn đặt làm quan lớn trong Đông Nai. Cho nên ông ấy có thân thể đã xin được vua phá chỉ cấm đạo đời Hiên Vũ Vương đã ra khi trước. Bởi vậy các bốn đạo Đàng Trong được bằng yên vô sự.

6. — Đức Thầy Vêrô (Mgr d'Adran) qua Cao Mên lập nhà trường tại Cần Thơ.

Cũng một khi ấy có Đức Thầy Vêrô mới đến Sài Gòn. Người đã được sắc Tòa Thánh đặt làm Giám mục phó Đàng Trong; song chưa chịu chức Giám mục. Người cũng đến châu, thì vua thết đãi trọng thể lịch sự; người cũng làm quen với vua cùng các quan. Chẳng khỏi bao lâu, Đức Thầy Vêrô phải sang bên Cao Mên, có ý đem học trò sang và lập nhà trường gần họ Cần Thơ. Người lấy nơi ấy làm tiện cho học trò, phần thì vì có nhiều bốn đạo ở xung quanh, phần thì vì tốt khí, tốt nước, tốt đất, và dễ sắm sửa các đồ ăn mặc hơn trong Đồng Nai.

Thuở ấy, trong họ Cần Thơ, có hai thầy dòng ông thánh Phanxicô, là ông bề trên Gioang, và ông Gioang thiên hạ đặt tên là *lừa*, vì nóng tính. Cả hai người ở nước Italia mà sang giảng đạo trong nước An Nam; mà đức Giám mục trước có ý cho dễ hòa thuận, thì đã cho phò thầy ấy xem sóc địa phận riêng. Nhưng mà phò thầy ấy chẳng chịu lụy Giám mục trong mọi sự như các thầy cả khác. Bấy giờ hai thầy ấy cả lòng vô phép mà luận phạt Đức Thầy Vêrô phải vạ cắt phép; không cho làm việc bốn phận, vì rằng: « người đem học trò đến và lập nhà trường trong địa phận mình, thì là như cướp lấy quyền phép mình. » Hai ông ấy ở làm vậy là đều lỗi cả thể lắm, song le Đức Thầy Vêrô làm thinh.

Vậy vua Cao Mên có lòng kính Đức Thấy Vêrô cách riêng mà rước trọng thể, và ban đất để lập nhà ở và nhà trường trong họ Cấn Thơ. Vua làm vậy chẳng phải có ý mướn sự đạo đâu, một có ý nhờ phần đời mà thôi. Vì chưng vua nghĩ rằng: « Đức giám mục ở đâu thì cũng có nhiều bốn đạo Đàng Trong theo đó. Mà lại các ông Tây lập nhà trong nước Cao Mên thì dễ liệu cho các tàu tây sang buôn bán, và mình sẽ được lợi. » Thật khi ấy các bốn đạo Đàng Ngoài chẳng được yên, vì giặc giã cả thể lắm, cho nên kẻ trốn sang bên Cao Mên thì kẻ chẳng xiết.

Song Cao Mên chẳng được bình yên bao lâu, vì anh em quan trấn xứ Ba Thục làm ngụy, thì sinh ra xôn xao loạn lạc trong cả và nước. Quân giặc ấy phá phách cùng ăn cướp nhà trường Đức Thấy Vêrô đã lập, nên mất hết mọi sự; lại có bốn người học trò phải tay nó giết. Trong những người ấy thì có một thầy có chức gọi là thầy già Nhiên, quê ở Đàng Ngoài. Vả lại quân giặc có ý bắt đờn bà, con gái; nên có bảy người nhà phước phải chết, vì chẳng chịu để cho nó làm sự quấy quá.

7.— Giặc Tây Sơn càng ngày càng thêm. — Lấy dạng xứ Đàng Ngoài.

Khi ấy cả và nước An Nam phải khốn khó lắm, vì dầu đó cũng có giặc giã loạn lạc. Dầu quân Đàng Ngoài đã lấy cùng giữ xứ Quảng Trị, Quảng Nam và Huế mặc lòng, song cũng chưa dặng yên, vì phải đánh với quân Tây Sơn, mà khi thì nó thua,

khi thì nó dặng. Dân Đàng Trong thì phục quân Đàng Ngoài, vì chẳng bắt việc quan là bao nhiêu cùng hay thương dân; lại khi đói khát thì phát gạo lúa cho dân. Các bốn đạo càng dặng nhờ hơn nữa, vì quan trấn xứ Định Cát và Quảng Nam và Huê có đạo; lại quan đại tướng quân, gọi là quan Quốc Lão, cai các quân Đàng Ngoài, cũng có đạo nữa. Ông ấy quen ở trong thành Hội Yên; còn các xứ khác, từ Huê cho đến gần Đông Nai, thì thuộc về quân Tây Sơn hết.

Huê Vương cũng đã sai nhiều quan quân mà đánh với quân Tây Sơn. Ông Nguyễn Anh khi ấy dẫu mới nên mười ba hay là mười bốn tuổi mà thôi, mà vua cũng đã đặt làm quan cai quân đánh giặc. Khi dẫu ra như hai bên bằng nhau; song le dần dần quân Tây Sơn dặng trận cả thể và lấy dặng các xứ. Năm 1776, cũng là năm Bính thân, Cảnh Hưng tam thập thất niên, thì quân ấy cũng lấy dặng cả xứ Đông Nai, và bắt dặng ông Hoàng Tôn nữa. Còn Huê Vương và ông Nguyễn Anh cùng các quan thì ẩn mình nơi nọ nơi kia, hay là trốn sang bên Cao Mên. Quân Tây Sơn chẳng những là chẳng giết ông Hoàng Tôn, mà lại tỏ lòng kính và thiết đãi trọng thể. Khi nó lấy dặng xứ Đông Nai, cũng lấy dặng tàu dầy những vàng bạc cùng những của khác đoạn, thì chở về Qui Nhơn, lại đem ông Hoàng Tôn về với nó nữa; và đặt quan quân giữ lấy các thành và các xứ nó đã lấy dặng.

Quân Đàng Ngoài bắt dặng quan quốc phó, và nhờ ông ấy mà lấy dặng các xứ Đàng Trong. Khi

dem ông quốc phó từ Huế mà ra cho đến Kế Chơ, thì không ai làm đếu gì cực khổ ông ấy; mà lại vua Lê Cảnh Hưng cũng thết đãi ông ấy cách lịch sự. Người còn sống lâu năm bình yên vô sự; song chẳng còn chức tước gì.

Trong Đồng Nai, thì Huệ Vương nhờ vua Cao Mên và quan trấn Hà Tiên giúp, cùng lập dựng nhiều binh mới mà đuổi binh Tây Sơn ra khỏi xứ Đồng Nai, và lấy lại cả và xứ ấy.

Ông Nhạc, là tướng Tây Sơn, có ý lấy lòng dân, thì khoe danh rằng: « Huệ Vương chẳng phải là vua chính; mình có ý đánh giặc cho dựng giúp ông Hoàng Tôn là vua chính mà thôi. » Vả lại, ông Nhạc đòi gả con cho Hoàng Tôn, thì ông Hoàng Tôn sinh lòng buồn bực lắm, vì mình là dòng dõi vua mà phải lấy con tướng kẻ cướp, thật là xấu hổ ngàn trùng. Song người cũng chịu vậy, kéo từ chối thì phải chết chẳng khỏi. Bề ngoài thì ông Nhạc cũng tỏ ra lòng kính ông Hoàng Tôn; nhưng mà thật chẳng để cho người quờn phép gì, nên ra như phải giam vậy, và mọi sự tại ông Nhạc hết.

8. — Các quan tôn ông Hoàng Tôn.

Ông Hoàng Tôn thấy tỏ tướng quân Tây Sơn lấy tên mình mà lừa đảo dân, có ý cho mình dựng ich riêng mà thôi; khi đã được việc rồi, thì sẽ bỏ hay là giết mình chẳng sai: nên đã lên xuống thuyền mà trốn vào Đồng Nai về cùng Huệ Vương. Ở đó các quan phục ông ấy lắm, vì người khôn ngoan

thượng trí, và hay thương dân; còn ông Huệ Vương thì các quan đã chán rồi, vì chẳng biết đàng lo việc gì; mà lại dẫu phải loạn lạc khôn khó thể nào, thì cũng lo một sự chơi bời, xem trò xem hát mà thôi. Bởi vậy có nhiều người tỏ ra lòng dể dui ông Huệ Vương; các quan cũng chia làm hai phe. Phe đông hơn thì đặt ông Hoàng Tôn làm vua mà đặt tên là Thái Hoàng Đế, vì có ý lừa ông Huệ Vương; còn phe trung với ông ấy thì ít lắm. Ông Huệ Vương hiểu ý thì trẩy sang Hà Tiên, để ông Hoàng Tôn và ông Nguyễn Anh ở lại Đồng Nai.

9. — Những sự khốn khó dân phải chịu.

Quân Tây Sơn đã mất Hoàng Tôn và xứ Đồng Nai, ông Nhạc chẳng lừa dân được nữa, thì chẳng còn nói đến vua chính, một xưng mình là hoàng đế cai các xứ, từ Qui Nhơn cho đến Đồng Nai, cùng lấy tên Thái Đức; nên sự khốn khó các xứ Đàng Trong một ngày một thêm.

Về sự đạo thì bằng yên, vì quân Tây Sơn chẳng lo đến việc đạo. Bà di ông hoàng thì cũng có đạo và giúp nhiều việc cho thanh sự đạo. Cũng có lẽ mà ngờ rằng mẹ ông Thái Đức cũng có đạo nữa. Bởi đó các thầy giảng đạo, dẫu Tây dẫu Nam, đi đâu hay là làm việc gì cũng không ai ngăn cấm.

Còn về phần đời thì dân đói khác quá lẽ. Thường khi trong xứ Qui Nhơn quen bán một cái lương năm sáu tiền, thì khi ấy bán mười lăm quan, vì thiên hạ thấy quân kẻ cướp làm vua làm quan,

thì lấy làm xấu hổ, chẳng ai muốn phục tùng. Nền sinh loạn lạc giặc giã và ăn cướp nhiều nỗi khổ nạn kẻ chẳng xiết. Vả lại quân Tây Sơn chẳng có phép ~~đ~~ gì; các quan muốn làm sao thì làm. Đạo tặc phá phách, ăn cướp, đốt nhà mà chẳng ai can gián, cho nên dân sự phải khổ khó không biết kể sao cho cùng. Sau nữa, dẫu quân Tây Sơn, dẫu ông Hoàng Tôn đều phải dùng oai phép mà ép lòng dân tùy phục mình; cứ lời nói mà thôi, thì chẳng hề dặng việc gì. Bởi đó thiên hạ khổ cực lắm, vì phải giặc hai bên chỉ đánh nhau luôn. Khi thì bên nọ thắng, khi thì bên kia thắng; thiên hạ chẳng biết vâng cứ ai, chẳng biết mình thuộc về ai. Hoặc bên nọ lấy dặng xứ nào một ít lâu, mà dền sau phải thua chạy bỏ xứ ấy; thì bên kia liền bắt tội những người xứ ấy, vì đã theo giặc.

10. — Quân Tây Sơn giết ông Hoàng Tôn.

Đền sau, quân lính Hoàng Tôn đã phải thua một trận cả thể lắm; quân giặc bắt dặng ông Huệ Vương mà giết ông ấy đi với các anh em. Ông Hoàng Tôn và ông Nguyễn Anh thì trốn được vào đồn kia với một ít quân. Song bởi quân ấy thấy ông Hoàng Tôn cô thế, thì chẳng có lòng với ông ấy là bao nhiêu, nên giao với quân Tây Sơn, mà chịu hàng cùng nộp ông Hoàng Tôn với ông Nguyễn Anh cho nó. Song ông Nguyễn Anh trốn khỏi. Vậy quân giặc bắt ông Hoàng Tôn mà giết đi cách kín đáo, chẳng dám giết trước mặt người ta, kéo còn phiếu kẻ phục ông ấy mà thêm loạn lạc chẳng.



ĐOẠN THỨ BA

Nguyễn Anh lập binh đánh cùng Tây Sơn (1777). — Tức vị lên ngôi (1782).

1. — Nguyễn Anh trốn giặc.

Ấy vậy tông tộc nhà Nguyễn đã gần tuyệt, còn lại một ông Nguyễn Anh cùng ba anh em mà thôi. Chẳng khỏi bao lâu thì ba anh em ấy lại phải sự khốn khó mà chết hết. Vậy còn một ông Nguyễn Anh mới nên mười bốn hay là mười lăm tuổi mà thôi.

Ông ấy tuy khỏi chết, song đã phải túng cực lắm vì chẳng còn của gì, chẳng còn ai giúp cùng chẳng biết tin ai nữa. May còn một đứa nhà trò có lòng trung tín, ban đêm đã kiếm dựng một chiếc thuyền nhỏ, thì hai thầy tớ liền đem nhau về rừng lau mà trốn. Tình cờ lại gặp thuyền ông Phaolô, là thầy cả bốn quốc, cũng đang chạy giặc. Bấy giờ ông Nguyễn Anh, tuy chưa quen biết thầy Phaolô, song đã biết là thầy đạo, thì xưng mình là người nọ người kia và xin thầy Phaolô cứu. Thấy Phaolô liền chịu và đem qua giấu trong thuyền mình và chèo thẳng về Hà Tiên giao người cho Đức Thầy Vêrô. Khi ấy Đức Thầy Vêrô đã sang bên Cao Mên, cho nên thầy cả Phaolô vội vàng gởi tin cho người biết sự ấy cho kịp.

Ông Phaolô có ý giấu ông Nguyễn Anh trong nhà Đức Thầy Vêrô cho kỹ; nên chẳng cho ai biết. Song cũng khó lắm, vì quân Tây Sơn đã biết tỏ ông ấy đã trốn sang Hà Tiên, nên đã truyền tìm bắt người mà nộp. Vậy qua một tháng, thì chẳng còn lẽ nào mà giấu trong nhà nữa, nên ông Phaolô phải đưa ông Nguyễn Anh lên trên rừng nơi vắng vẻ. Đọa hoặc ông Phaolô, hoặc thầy giảng kia, tên ông Toán, thỉnh thoảng lên bới cho mà ăn mà thối. Vậy ông Phaolô chịu khó mà liệu cách khôn ngoan thể ấy đặng hai ba tháng, thì có công với ông Nguyễn Anh cả thể lắm. Vì chừng nếu chẳng có thầy cả ấy, thì ông Nguyễn Anh chẳng khỏi phải bắt.

Khi ấy quan phủ kia, tên là Nhất Trịnh, nghe tin ông Nguyễn Anh hãy còn, thì lấy một ít quân mạnh bạo đi tìm mà giết. Quân Tây Sơn canh giữ đồn kia áp xứ Đông Nai và Cao Mên, nhứt ra sức tìm cho đặng ông Nguyễn Anh. Dần dần thì nó biết đặng ông ấy còn ẩn mình trong thuyền ông Phaolô trong Rạch Giá. Cũng một khi ấy Đức Thầy Vêrô ở Cao Mên mà về tìm được ông Nguyễn Anh; người lại đem một người Phalangsa, tên là Gioang, có nghề võ cùng bạo dạn gan dăm, và có tài đánh giặc lắm.

2. — Ông Nguyễn Anh nhờ ông Gioang giúp việc đánh quân nguy.

Khi ông Nguyễn Anh đã tu binh mã ít nhiều, thì ông Gioang đã giúp người nhiều việc.

Vậy trước hết, khi thấy quan Nhất Trịnh đã lấy dặng đồn kia, thì ông Gioang cứ phép tây mà làm nhiều trái phá, đoạn xuống thuyền lớn. Bấy giờ Nhất Trịnh chưa ngờ điều gì thì vào Long Hồ là nơi quân Tây Sơn đóng nhiều tàu lăm. Vậy ông Nguyễn Anh làm tướng cai quân, và ban đêm, thỉnh linh, thì xông vào đánh quân Tây Sơn. Khi ấy ông Gioang chỉ đốt và bắn trái phá, nên quân Tây Sơn bất thỉnh linh nghe tiếng trái phá, và thấy nhiều người chết, thì sợ hãi lắm, vì chưa từng biết sự làm vậy, cũng chưa thấy trái phá bao giờ; nên bỏ tàu mà nhảy xuống sông. Những kẻ phải chết chém hay là bị trái phá thì chẳng bao nhiêu; song kẻ chết đuối vì sợ mà vội nhảy xuống sông dè lộn nhau, thì không biết là ngần nào. Trong trận này ông Nguyễn Anh đã làm tướng rất khôn ngoan và gan dăm lăm, vì cũng đánh như lính; dầu xung quanh người chết gần hết, song ông ấy chẳng phải nao. Khi đã tan trận, mà thấy ông ấy những máu dầm dề cả và mình, mà chẳng bị tích gì, thì ai ai đều kể là phép lạ. Những tàu quân Tây Sơn ở trong Long Hồ, thì ông Nguyễn Anh lấy được hết.

3. — Quân Đông Sơn lấy dặng xứ Đổng Nai.

Khi ông Nguyễn Anh đã đánh dặng quân Tây Sơn đoạn, thì có quan kia, tên là Chương Thuyền Thạch (*Đó Thanh Nhơn*), sau làm quan đại tướng. Quan ấy khi trước đã trốn ẩn mình trong sông Ba Giồng làm một với ít quân; khi nghe ông Nguyễn Anh đã đánh được quân Tây Sơn, cùng

đã lấy được nhiều tàu, thì liền tụ hiệp quân kẻ cướp làm một cơ quân, mà đến hãm thành Sài Gòn, là đầu xứ Đồng Nai. — Đến sau gọi quân kẻ cướp là quân Đông Sơn.

Quân Tây Sơn thua trong Long Hồ đoạn thì về Qui Nhơn; song cũng còn để nhiều quan quân mà giữ thành Sài Gòn. Ông Thuyền Thạch với quân Đông Sơn vây thành ấy và đánh rất mạnh lắm, nên đã lấy được. Lại đánh nhiều trận với quân Tây Sơn; mà hễ quân Đông Sơn đánh trận nào thì được trận ấy, và đuổi quân giặc ra cho khỏi Đồng Nai.

4. — Các quan tôn Nguyễn Anh làm Nguyễn soái.

Bấy giờ ông Nguyễn Anh đem những tàu đã lấy được tại Long Hồ mà sang Sài Gòn. Thiên hạ rước trọng thể cùng vui mừng. Đức Thầy Vêrô đã trốn sang Cao Mên với thầy cả Phaolô và mười tám học trò. Song khi nghe tin ông Nguyễn Anh đã lấy lại được xứ Đồng Nai, thì trở về xứ ấy và đem học trò về theo nữa.

Ông Nguyễn Anh thì cậy ông Gioang sắm sửa khí giới cùng đóng nhiều tàu, và sắm nhiều đồ khác cho dựng đánh giặc theo phép bên Tây. Khi ấy ông Nguyễn Anh đã gần hai mươi tuổi, thì các quan tôn là *Đại Nguyên Soái*, cùng lo cho ông ấy lấy vợ. Người lấy con quan đại thần kia, là ông Thượng Trông (*Tổng Phước Khuôn*), mà vợ ông ấy thì bởi dòng vua mà ra. Qua một năm thì ông Nguyễn Anh sinh được một con trai; và đến sau,

Đức Thầy Vêrô đã đem con trẻ ấy sang nước Phalangsa, cho được xin vua nước ấy giúp, như sẽ nói sau này. Ông Chương Thuyền Thạch có công cả thể lắm, nên ông Nguyễn Anh ban cho người dâng chức cao trọng gọi là *Hữu Ngoại*.

5. — Lúc bình yên thanh lợi.

Đức Thầy Vêrô lập nhà trường trong Gò Mít: người đã kết nghĩa với ông Hữu Ngoại, nên ông ấy đã giúp mà làm nhà thờ rất trọng thể. Nhà Đức Thầy Vêrô ở thì gần ông Nguyễn Anh lắm, cho nên Đức Thầy và ông ấy năng qua lại. Chẳng mấy ngày mà chẳng thăm viếng nhau. Ông Nguyễn Anh có ý liệu việc gì, thì quen bàn việc ấy với Đức Thầy trước đã. Khi ấy có ba ông Tây là ông Beret, ông Thảo tổ, và ông Liot, đã sang giảng đạo trong nước An Nam; lại có ba ông An Nam gọi là cậu Phaolô, cậu Anrê, cậu Gioang ở một nhà với Đức Thầy Vêrô. Các ông ấy dâng phép rộng mà giảng giải, làm các việc về sự đạo chẳng kém bên Tây.

Luận về sự bề ngoài thì xem ra bằng yên; song các quan và quân lính xứ Trà Vang (Trà Vinh) trong nước Cao Mên, trước đã theo Nguyễn Anh, thì rày đây loạn, làm nguy chẳng còn muốn thuộc về nước An Nam nữa. Cho nên ông Nguyễn Anh sai ông Hữu Ngoại đi với người Phalangsa kia, đã sang với Đức thầy Vêrô mà ở lại giúp việc nhà nước, tên là Manoe (Emmanuel). Ông Hữu Ngoại có ít quân mặc lòng, song bởi có tài bày mưu kế mà đánh giặc, nên chẳng khỏi

mấy ngày xử Trà Vinh dặng binh yên lại, và quân giặc chịu hàng hết. Bởi đó ông ấy sinh lòng kiêu ngạo, và cậy thế quân mình là quân Đông Sơn, đến đờ xưng mình là quan Thượng Tướng. Ông Nguyễn Anh sợ quan ấy lắm, nên phải làm thỉnh.

Khi trước ông Huệ Vương và ông Hoàng Tôn chết đoạn, mà cả tông tộc vua đã hầu tuyệt rồi, còn lại một mình ông Nguyễn Anh mà thôi, ví bằng ông ấy xưng mình là vua thì cũng chẳng còn ai giành được: song bởi người đã mất mọi sự và túng cực lắm, thì chẳng còn ai nhìn. Khi đã lấy lại dặng xứ Đông Nai, và xem ra có dấu yên ít nhiều, thì các quan mới đặt ông ấy làm Vua, là năm 1782, cùng là năm Cảnh Hưng tứ thập tam niên. Khi ấy vua đã đầy hai mươi tuổi.

6. — Ông Hữu Ngoại trở lòng kiêu căng gian ngược .

Ông Hữu Ngoại càng ngày càng thêm lộng lược, nên chẳng còn thềm chức Thượng Tướng nữa. Người xin vua phong cho chức cao hơn. Vua phải nghe mà đặt ông ấy là *phó chính*, nghĩa là kẻ làm đệ nhị sau vua. Vua ban chức cao trọng làm vậy, chẳng phải là bởi lòng thương, song bởi sợ ông ấy, nên chẳng dám chối đều gì. Ông Hữu Ngoại thấy mình đã lên dặng bậc cao trọng dường ấy, thì càng sinh ra lòng cậy mình kiêu ngạo hơn khi trước và khinh dể các quan; lại chẳng còn xem vua là gì. Dầu các quan dẫu vua đều thì phải cứ lời ông ấy mà liệu các việc: cho nên xem vua còn có tên vua không, vì chính

quờn vua thật ở tại một ông phó chính mà thôi.

Ông ấy đã biết tỏ sự mình được làm vậy, thì tại quân Đông Sơn đã giúp mình và hằng theo mình. Bởi vậy ông ấy ở cách rộng rãi với các quan và quân lính thuộc về cơ ấy hầu lấy lòng nó. Quân ấy ăn lương cấp và ức hiệp người ta lắm; còn vua thì ông phó chính cứ tháng mà phát lương, là ít nhiều tiền gạo cho đủ nuôi mình cùng đầy tớ riêng trong nhà, như đã quen phát cho các quan mà thôi. Các việc riêng trong nội về vợ con cùng kẻ nội thị và kẻ giúp, thì mọi sự mặc ông phó chính; vua chẳng có quờn mà liệu việc gì. Ông ấy cũng chỉ ra mặt với người ta cách trọng thể, các quan và những quân Đông Sơn hầu hạ đông lắm, cho nên ai ai cũng sợ hãi chịu phép. Có khi ông ấy cũng chê vua nữa mà rằng: « ít trí khôn lắm, chẳng có sức trị nước được. » — Bởi vậy chẳng cho vua đi đâu, khác chi là giam cầm vậy. Hoặc một hai khi vua bước ra đàng, thì ông phó chính bắt quân Đông Sơn theo mà giữ lấy. Sau nữa ông phó chính làm bết sức cho được khuyên dụ Đức Thấy Vêrô bỏ vua mà về phe mình; song le chẳng dặng.

Ông phó chính hay chơi bởi xà xỉ, những cậy nhờ quân Đông Sơn là quân kẻ cướp, mà chẳng lo cho vua; cho nên kho vua chẳng đủ mà chịu các đều tổn phí hằng ngày. Quân Đông Sơn ức hiệp dân sự, bắt người ta nặng việc quan quá lẽ. Ông phó chính có lòng ghét ai, thì kẻ ấy chẳng có lẽ nào mà khỏi tội dặng. Vậy bởi người chẳng ưa ông thượng Trờng, là quan đại thần đã gả

con cho vua, nên đã truất chức ông ấy, lại ép vua bỏ vợ là con ông ấy đi nữa.

Ông phó chính làm nhiều điều quái gở hơn nữa. Vì lẽ lấy tình anh em mà trách một hai điều vì ở trái phép công bình, tức thì ông ấy giận quá sức mình, mà cậy kẻ bỏ vợ tội rất nặng cho vợ mà luận xử tử. Bởi đó ai ai cũng ghét; có những quan Đông Sơn phục ông ấy mà thôi. Thiên hạ sợ phép người, thì chẳng ai dám nói điều gì; lại vua càng ngày càng thêm sợ ông ấy hơn nữa.

Ông phó chính đã chiếm lấy quyền phép thế ấy cũng có ý liệu việc khác, là lo mưu kẻ mà giết vua. Vả lại người thấy Đức Thấy Vêrô chẳng chịu bỏ vua mà theo mình, thì sinh lòng muốn giết Đức Thấy làm một cùng vua. Dầu ông ấy giấu, mới bàn với một hai người mà thôi, song vua cũng đã biết. Nên vua giữ mình lắm, hề bao giờ ăn uống vật gì thì biểu người ta ăn trước, nếm trước đã, đoạn vua mới dám ăn; lại vua cũng xin Đức Thấy Vêrô gởi nước lã cùng đồ ăn cho, vì sợ ông phó chính bỏ thuốc độc vào trong đồ ăn uống chẳng.

7.— Vua cứ thẳng phép mà giết ông phó chính.

Vua phải cực khổ thế ấy thì buồn lắm, cũng năng nói chuyện với Đức Thấy Vêrô, mà bàn cho biết phải liệu làm sao. Vua chỉ quyết lo mưu chước mà giết ông ấy khi xuất kì bất ý, vì ông ấy ở vô phép làm vậy chẳng còn chịu dặng. Đức Thấy Vêrô hết sức khuyến bảo vua đừng là sự quái gở thế ấy, chẳng những vì là điều chẳng phải, mà lại

vì là đều chẳng khôn nữa. Vì quân Đông Sơn thân thế cùng có lòng mến ông phó chính, mà vua thì yêu thê lắm, cho nên nếu vua giết ông ấy đi, thì quân Đông Sơn sẽ làm giặc oán thù chẳng khỏi, nên thêm xôn xao loạn lạc mà thôi.

Vua lấy những lẽ ấy làm phải, thì chẳng còn nói việc ấy cùng Đức Thầy nữa; nhưng mà bởi người giận lắm mà chịu chẳng đặng, thì đã bàn các việc với một người trong nội thị là người trung tín và gan dạ. Người dạy nó ẩn lại nơi riêng cách phòng vua quen nằm. Vậy ban đêm vua giả đau bụng quá. Khi ông phó chính nghe tiếng vua rên siết thì gởi thuốc vào dâng. Vua chẳng uống; song cũng giả như đã uống thật, lại kêu rằng: càng uống thì càng thêm đau. Đoạn thì vua sai kẻ đi mời ông phó chính đến cho kịp, vì có việc rất cần phải nói riêng. Vậy những thuốc ông phó chính gởi thì là thuốc độc cả; ông ấy bèn nghĩ vua đã uống rồi và tin thật người đã gán chết. Nên vội vàng dền, chẳng hồ nghi đều gì, và ngồi gần vua và xơi trà như đã quen lệ. Bấy giờ vua dạy người ta ra đi cho hết, như thể có ý nói đều gì riêng với ông phó chính. Khi người ta lui ra đoạn, thì vua ra hiệu, liền thấy những quân đã ẩn mình xông vào mà đâm ông ấy chết.

8. — Vua đổ lòng quân Đông Sơn theo mình.

Bấy giờ vua và mừng và lo cùng mời Đức Thầy Về đến cho biết việc đã rồi mà bàn phải liệu làm sao. Vua có ý lấy phép thẳng mà luận ông

phó chính phải mất chức, cùng đánh xác cho xấu hổ. Đức Thấy có ý trách vua vì chẳng cứ lời mình đã bàn ngày trước; nếu vua lại luận phạt thầy, thì càng ra thêm đều rối rắm, và làm có cho quân Đông Sơn càng giận hơn nữa. Nhưn vì sự ấy Đức Thấy bàn với vua phải cứ sự thật mà nói tỏ tường: Vốn ông ấy có công cả thế trong nhà nước; song cũng có lỗi nặng riêng với mình, thì mình đã cứ phép mà phạt. Vả lại vì đã biết công ông ấy, thì có ý liệu cất xác cách trọng thể cho xứng đáng kẻ trọng công đương ấy.

Đền sáng ngày, quân Đông Sơn nghe thấy mình đã phải chết cách dữ làm vậy, thì giận lắm cùng toan làm giặc. Nhưng mà vua cứ lời Đức Thấy Vêrô đã bàn, mà truyền dạy cất xác cách trọng thể cho quân ấy bớt giận mà ở yên lòng. Dầu vậy mặc lòng, nó cũng đã biết tỏ chẳng lẽ nào vua tha cho mình được nữa, vì khi trước nó đã chích máu mình ra mà thể giữ nghĩa cho trọn với ông phó chính, mà giúp người giết vua Nguyễn Anh. Nhưn vì sự ấy, các quan lớn thuộc về cơ quân ông ấy chẳng còn dám ở lại cùng vua, đều đem nhau trốn ẩn mình trong sông Ba Giồng và trên núi xung quanh, như đã làm xưa khi còn làm nghề ăn cướp. — Vua nhũ bảo các quan nhỏ và cả hững quân còn ở lại hãy dèn ra mặt, và nói tỏ tường mình đã truyền giết ông phó chính vì lẽ nào. Lại bởi quân ấy chẳng biết đến các đền ấy, một biết đảng vương lời thấy mình mà kiếm ăn mà thôi, cho nên vua chẳng phạt nó riêng, một nhập tịch nó vào các cơ quân khác; nên chẳng còn làm cơ quân Đông Sơn

nữa. Vua liệu làm vậy thì yên việc, mà ai nấy cũng bằng lòng cả.

9. — Vua dùng mưu mà giết quân Đông Sơn làm nguy.

Các quan cai quân Đông Sơn trốn sang bên sông Ba Giồng đoạn, gửi thư cho quân Tây Sơn xin chịu hàng và giúp việc giặc giã; cho nên nó lại ra sức tìm thế đánh giặc, cùng dỗ người ta bỏ vua mà theo nó. Nó dỗ được nhiều quân đạo kiếp rồi, thì ăn cướp làng nọ, đốt làng kia, bắt bớ người nọ, chém giết người kia, chỉ làm khổn cho thiên hạ. Nó càng làm cho dân kinh khiếp hãi hùng, thì càng lấy làm vui lòng toại chí. Cho nên ai ai cũng nép ẩn sợ hãi phép nó; chẳng ai dám chống trả với nó, vì sợ nó báo thù độc dữ hơn nữa chẳng.

Dẫu vua chúa cũng chẳng dám đi đánh nó, mà hoặc có sai quân đi đánh nó thì một là phải chịu thua, hai là phải về không; vì khi nào nó thấy quân lính vua đông dẫn, mình chẳng có sức đánh đặng, thì nó trốn lên trên rừng trong những nơi quen ở, mà chẳng ai theo nó đặng. Khi quan quân kéo về thì nó lại ra làm hỗn hào dữ tợn hơn khi trước, khác chi nó đã mặc lấy tính con hùm vậy.

Vua lấy sức lực mà bắt nó chẳng đặng, thì người nghĩ dùng mưu kế mà hủy hoại nó cho tuyệt. Vậy có một quan lớn kia, tên là Đạo Bình (Vị Khảo), đã bị cáo đều nặng, mà chẳng ai biết tỏ ông ấy mắc tội thật hay là bõi chước vua bày; song thật quan ấy phải giam cùng luận xử tử. Đến khi quản lý hình điệu ông ấy đi chém, bỗng

chức thấy những quân lính ông ấy cai khi trước, rút gươm ra mà đánh quân lý hình, cùng cứu lấy ông Đạo Binh. Tức thì ông ấy trốn sang với quân Đông Sơn ở sông Ba Giồng, cùng kể ra các điều trước sau mình đã bị oan thế nào. Quân ấy nghe, thì vui mừng thiết đãi ông ấy trọng thể; lại đặt làm tướng, vì nó đã biết người có tài đánh giặc. Vậy quân ấy dặng ông Đạo Binh làm tướng cho, thì càng ra mạnh thế và làm khốn cho người ta hơn nữa.

Có một lần kia, ông ấy đi ăn cướp về dặng nhiều của lắm, thì có ý ăn mừng trọng thể, cùng mời những quân đạo kiếp Đông Sơn ăn yến cho vui. Khi nó đã say cùng mê ngủ cả, thì ông ấy truyền chêm hết, và bỏ đầu xuống thuyền, trở về mà dâng các đầu ấy cho vua. — Cứ sự bề ngoài thì có lẽ đoán rằng: ầu là khi trước vua đã bàn việc ấy với ông Đạo Binh. Vì chừng khi ông ấy về, thì vua thiết đãi trọng thể và trả các chức tước lại cho ông ấy.

10. — Vua An Nam giúp nước Cao Mên khỏi giặc Xiêm.

Ông Trạch Nga Tác, là vua nước Xiêm, là người thứ dân, mà thông minh; cha là người Đại Minh, mẹ là người Xiêm. Vậy khi đầu ông ấy đã phải nhiều sự khốn khó lắm, song bởi tốt trí khéo bày mưu chước, thì dần dần dặng lên làm quan lớn. Đến sau lại lập bè đảng làm loạn trong cả và nước Xiêm mà cướp lấy mọi sự; lại bắt vua vào chùa làm thầy sãi, và tôn mình làm vua. Khi làm vua

thì ở cách độc dữ, làm khổn dân quá lẽ, những ép làm việc quan nặng nề lắm. Người lại có tính hay hồ nghi mọi người: nhớ mình xưa ở cách đối trá với vua chính thể nào, thì rầy lại sợ các quan ở với mình thể ấy. Nên chỉ lấy phép dữ má hiệp cả và dân, ép mọi người chịu phục mình.

Vậy vua dữ ấy tụ tập nhiều binh, và sai một cơ quân sang nước Lào cho đặng ăn cướp, và phá nước ấy đi. Quan tướng cai quân ấy, tên là Chức Kỳ Ri. Đến sau vua lại sai hai cơ quân khác mà cướp nước Cao Mên nữa. Khi ấy nước Cao Mên dẫu có vua mặt lòng, song cũng phải đi tiên cống và nộp thuế cho vua An Nam.

Vua An Nam nghe sự quân Xiêm đánh nước Cao Mên, thì sai nhiều binh sĩ đi cứu, và đòi quan lớn kia, tên là ông Giám Quốc, làm quan đại tướng quân, cai những binh sĩ ấy. Nguyên ông Giám Quốc là người rất hiền lành hay thương quân lính, và có tài hay nghề võ. Vậy hai bên giáp trận đánh với nhau đã lâu ngày, mà chưa ai đặng, chưa ai chịu thua, vì hai bên đồng sức và đồng tài thừ nhau. Song quan tướng cai quân Xiêm nghe nhiều tin vua Xiêm, là ông Trạch Nga Tắc, ở cách bực bội ra như người chẳng có trí khôn, thì quan tướng ấy cầu hòa với ông Giám Quốc. Hai ông làm tờ giao với nhau, để sau hoặc trong hai người ấy, người nào khổn khó, thì người kia sẽ ra sức cứu giúp. Vậy quân Xiêm bỏ nước Cao Mên mà trở về. Quan tướng đã giao hòa với ông Giám Quốc thì là anh ông Chức Kỳ Ri đã sang ăn cướp nước Lào.

11. — Vua nước Xiêm phải tay người kia giết.

Quan Xiêm còn có cơ quân khác muốn làm hại nước Cao Mên, mà em vua Xiêm, tên là Chiêu Nỗi, làm tướng cai quân ấy. Ông Chức Kỳ Ri phá phách nước Lào rồi trở về với anh; còn em vua Xiêm, là ông Chiêu Nỗi, toan đánh cướp lấy nước Cao Mên. Song le người đánh trận nào, thì thua trận ấy, vì ông Giám Quốc có tài đánh giặc hơn ông ấy nhiều phần; cho nên ông Chiêu Nỗi phải trốn trở về Xiêm. Chẳng hay khi chưa kịp về nhà, thì hai anh em, là ông Chức Kỳ Ri và ông Xa Xôi, khi trước làm quan tướng bên Lào và bên Cao Mên, cả hai đồng tình với nhau mà đánh ông Chiêu Nỗi đi.

Vả lại quan lớn kia, tên là Bi Gia Săn, quê ở xứ Chà Và, đã giết vua Xiêm nữa; chẳng phải là vì người có lòng độc dữ hay là có ý làm loạn, song có ý cứu lấy nước Xiêm cho khỏi vua dữ ấy mà thôi. Vì chưng vua đã ra kêu ngạo cho đến đổi đã mất tính người mà ra như điên cuồng. Vua ấy đã in trí mình có sức bay như chim. Khi ấy có hai ông Tây đã sang giảng đạo bên ấy, là ông Giude và ông Antoniô. Vua đòi mà hỏi rằng: « Có tin thật mình có sức bay được chăng? » Hai ông ấy cứ sự thật mà rằng: « Minh tin thật vua là loài người ta chẳng bay được. » Vua nghe đều ấy, thì giận quá, và truyền đánh hai thầy ấy gân chết. — Các đều điên cuồng và độc dữ khác vua ấy đã làm thì ta chẳng kể làm chi.

12. — Ông Chương Xuân phải mưu ông phó chính mà chết chém.

Vua ấy đã giết quan lớn An Nam, tên là Chủ Trấn, cùng các con trai người. Ông Chủ Trấn là quan trấn cai Hà Tiên; mà đời ông Huệ Vương phải sự khôn khéo và trốn quân Tây Sơn, thì đã sang bên Xiêm. Lại khi ấy, cũng có ông Chương Xuân, là chú vua Nguyễn Anh, và nhiều người An Nam trốn sang bên Xiêm; mà vua nước ấy truyền bắt hết cả thầy cùng giam lại, có ý đốt sống nữa.

Vậy ta phải nhắc lại một hai điều cho ai nấy được hiểu cho tỏ, vua Xiêm ở cách độc dữ với người An Nam là thế nào. — Khi đầu, ông Huệ Vương và ông Hoàng Tôn phải thua Tây Sơn như đã nói trước đây, thì ông Chương Xuân, là con ruột ông Hiền Vương, đã trốn sang nước Xiêm với nhiều quân lính. Đầu hết, thì vua thiết đãi trọng thể, cùng làm tờ giao và hứa sẽ ra sức liệu cho ông Chương Xuân lên làm vua nước An Nam; song le đã giao rằng: *Từ nầy về sau nước An Nam phải đi tiên công nước Xiêm.* Ông Chương Xuân đã chịu làm vậy. Khi ấy ông Huệ Vương và ông Hoàng Tôn đã chết rồi, mà ông Nguyễn Anh mới lên làm vua. Cho nên quyền phép ở tại ông phó chính như lời đã nói trước đây.

Ông phó chính nghe tin ông Chương Xuân giao với vua Xiêm thế ấy, thì giận lắm; chẳng chịu ông ấy chiếm lấy chức vua An Nam, bèn lập kế dùng vua Xiêm mà giết ông Chương Xuân. Khi ấy ông phó chính ở Sài Gòn mà gửi thư cho ông Chương Xuân và ông Chủ Trấn ở Xiêm. Trong thư

ấy thì giả như nghĩa bản hồi lâm, nhưng khuyên bảo hai ông ấy ra sức lập phe mà làm loạn trong nước Xiêm. Người lại định tháng hẹn ngày phải đốt kho gạo thuốc súng của vua Xiêm, bởi vì mình cũng đã sắm sửa nhiều binh sĩ cho sẵn, mà đến cứu giúp và cướp lấy cả nước Xiêm nữa. Trong thư ấy đã dặn hai ông ấy lo mọi việc cho khôn khéo và cho kín đáo.

Bấy giờ ông phó chính dùng quan lớn kia, tên là Pha Ra, cũng là người Cao Mên, mà đưa thư cho hai ông ấy. Ông phó chính đã biết ông Pha Ra có nghĩa riêng với vua Xiêm, và có lòng ghét người An Nam; cho nên người dặn đi dặn lại cho ông ấy đưa thư cho ông Chương Xuân và ông Chủ Trấn cách kín đáo, đừng cho vua Xiêm biết, vì là việc trọng. Ông phó chính đã biết tỏ ông Pha Ra có lòng gian mà giả trung tín và có ý tứ lâm. Bởi vậy ông Pha Ra càng thấy ông phó chính lấy việc ấy làm trọng, và ra dấu muốn giữ cho kín đáo, thì người càng dốc lòng sẽ vội vàng cho vua Xiêm biết mọi sự cho tường tận. Cho nên khi người đến Xiêm vừa rồi, thì chẳng lo gì đến ông Chương Xuân, một đưa thư cho đến vua Xiêm. Khi vua đã mở ra và thấy các điều ông phó chính dặn cho hai ông Chương Xuân và ông Chủ Trấn, ngờ là thật hai ông ấy nội công, và đồng tình với ông phó chính mà làm hại cho mình. Cho nên vua giận lắm: liền truyền giết hai ông ấy và con cái hai ông ấy tức thì; còn bao nhiêu người An Nam đã trốn sang nước Xiêm, thì truyền bắt hết, và giam lại để thiếu sống đi. Vua chưa kịp làm

đều quái gở ấy, vừa phải ông Bi Gia Săn giết đi, như lời đã nói trước đây.

13. — Hai anh em làm vua nước Xiêm.

Hai anh em, là ông Chức Kì Ri và ông Xa Xôi, làm quan lớn nước Xiêm, đã giao nghĩa riêng với ông Giám Quốc và đã giết em vua rồi, đoạn thì cũng có ý giết vua nữa. Nhưng mà khi nghe tin ông Bi Gia Săn đã giết đi rồi, thì càng vội vàng trở về. Trong lòng thì vui mừng, song bề ngoài thì bắt tội ông Bi Gia Săn và luận phạt vì đã cả lòng giết vua. Bấy giờ hai anh em cướp lấy nước Xiêm cùng làm vua làm một với nhau.

14. — Vua Nguyễn Anh đánh thua quân Tây Sơn. — Ông Manoe tử trận.

Khi quân Tây Sơn đã dẹp loạn trong các xứ thuộc về mình, mà thấy quân Đông Sơn rước nó và xin giúp mà đánh vua, thì sấm sừa đem binh sĩ trở vô Đồng Nai đánh giặc một lần nữa. Vua nghe tin ấy, chẳng lấy làm lo chút nào. Bởi vì có nhiều tàu nhiều nghe, cùng khí giới sẵn; lại có nhiều binh sĩ lắm. Vậy xua bắt các quan và binh sĩ đi đón quân giặc. Trước hết có một ông Manoe, là người Phalangsa cai một chiếc tàu lớn. Chẳng hay những tàu vua xuống sông đi ngược nước chưa ra cửa, liền gặp những thuyền quân giặc Tây Sơn vào cửa đi xuôi nước. Mấy tàu vua có một chiếc đi trước là tàu ông Manoe, phòng triệt chẳng cho quân Tây Sơn vào cửa.

Bấy giờ quan quân thấy tàu quân Tây Sơn vào cửa mà chạy xuôi nước thuận gió lắm vậy, thì kinh khiếp cả. Vả lại ông Manoe chẳng quen dăng, thì tàu phải cạn chẳng còn đi được; lại chẳng ai có gan đến cứu người. Quân trong tàu thấy làm vậy, lại quân giặc ở gần lắm, thì mất vía. Lại thấy tàu đã bẻ vào bờ, nên quân ấy chạy trốn, chẳng còn ai ở lại. Ông Manoe ở một mình trong tàu túng lắm; song chẳng ngã lòng, một cứ thói quân lính bên Tây mà đánh cho dền chệt. Quân giặc thấy tàu phải cạn thì đua nhau đến. Nhưng mà bao nhiêu người xuống dưới tàu ấy thì ông Manoe chém đi hết. Song bởi quân ấy đông quá, mà ông Manoe thì một mình, chẳng làm chi được. Bấy giờ ông ấy thấy tàu đã đầy quân giặc, thì xuống lòng vét dưới nơi đã quen trừ các thuốc súng mà đốt đi. Cho nên bỗng chốc cả thuyền vỡ ra cháy cách góm ghìềc lắm; bao nhiêu người trong tàu chệt hết; và những chiếc tàu ở xung quanh thì phải vỡ cả. — Ông Manoe chệt sách khốn nạn làm vậy; song thiên hạ khen là *Anh hùng*.

Nguyên ông Manoe chẳng phải làm quan, cùng chẳng phải là người có danh tiếng gì bên Phương tây. Ông ấy ở một quê cùng Đức Thủy Vêrô, mà đã sang Macao cho được buôn bán, thì làm bạn tàu mà thôi. Đền sau, người xuống tàu Bútughê mà sang nước Cao Mên; mà bởi đã biết Đức Thủy Vêrô khi trước, thì xin ở lại làm đầy tớ giúp người. Vậy ông ấy làm mọi việc trong nhà Đức Thủy như nấu ăn, may quần áo vân vân. Người có ý tứ lắm, và có lòng đạo, nên Đức Thủy thương

cách riêng. Vả lại người quen nghề võ và việc đi tàu, thì Đức Thủy đứng cho vua để giúp các việc dọn khí giới, và đóng tàu như phép bên Tây. Vua thấy ông ấy khôn ngoan và có ý liệu các việc giúp vua, thì trọng người cách riêng và đặt làm quan. Đến sau, khi vua nghe ông ấy đã liệu mình chết cách bạo dạn thế ấy, thì người thương tiếc lắm.

Ông Manoe chết rồi, thì quân Tây Sơn lấy được các tàu của vua hết thủy; và ngày hôm sau đã lên Sài Gòn, mà hãm lấy đặng cùng cướp hết mọi của cải trong ấy, nhứt là quân lính và các đồ thuộc về vua. Các nơi khác và các đồn khác trong Đông Nai, thì quân Tây Sơn chưa lấy đặng. Vì chừng các quan đã thua trận thủy, bây giờ có ý rửa hổ, thì ra sức mà đánh bộ. Vua cũng làm tướng mà đánh, nên quân càng phấn phát đánh mạnh hơn nữa.

Năm ấy 1786, là năm Bính ngũ, Cảnh Hưng tứ thập thất niên, thì có bảy mươi chiếc tàu Ngô sang Sài Gòn, phân thì cho được buôn bán như đã quen mọi khi, phần thì cho được kiếm ăn, bởi vì năm ấy trong nước Ngô mất mùa, thiên hạ đói khát quá lẽ. Những người trong các tàu ấy thì có tính với nhau mà bỏ vua. Nó thấy quân Tây Sơn đến, tức thì nó liền ra rước mà xin tờ cho đặng buôn bán hay là làm những nghề khác kiếm ăn.

15.— Quân Ngô thuộc giúp vua, mà phải quân Tây Sơn bắt.

Vả lại, có nhiều quân Ngô khác trong thành Sài Gòn, và trong các làng Đông Nai đã cất nhà đã lâu, có vợ con và đã lập nhiều phố, thì đã nên

như người An Nam. Quân Ngô thuộc ấy chẳng chịu phục quân Tây Sơn, nên hiệp lại với nhau cho dặng đánh quân ấy; và ông Tiết Chê Dũ, là người lòng dối nhà Nguyễn, thì làm quan tướng quân Ngô thuộc ấy. Ông ấy có lòng với vua, cùng có tài đánh giặc.

Có một lần, ông ấy đang ẩn mình với các quân Ngô trong rừng kia, gần cầu Tham Lương, vừa có một quan lớn quân Tây Sơn, tên là Hộ Giá Ngân, có danh tiếng gan dăm, và hay nghề võ, cùng có họ với vua ngự Thái Đức nữa. Vậy người vào trong rừng ấy cùng những quan nhỏ và nhiều quân lính; mà ông ấy vô tình, đi trước có ý tìm bắt quân Ngô, vì đã biết nó đang ở trong ấy. Xảy có một người Ngô đang ẩn trong bụi tre xông vào khi xuất kì bất ý đâm ông Hộ Giá Ngân phải dấu. Ông ấy chẳng chêt tức thì, hãy còn sống hai ba ngày; mà bởi giận quân Ngô lắm, thì nài xin ông Thái Đức và hai anh em ông ấy phải ra sức tuyệt các quân Ngô ở trong nước An Nam mà trả thù cho mình.

Quân Tây Sơn sẵn lòng ưng đều ấy; cho nên khi đã chôn xác ông ấy rồi, mà bắt dặng quân Ngô ở đâu trong nhà hay là trong tàu, thì giết hết, chẳng tha người nào sống. Các năm trước chưa hề thấy sự gở lạ đến nỗi ấy trong nước An Nam bao giờ. Nó giết nhiều quân Ngô lắm; có kẻ tính hơn một vạn Ngô phải chêt, cho nên sông Sài Gòn gần đây những xác ấy, mà nước sông đã đỏ như máu nữa. Qua năm ba tháng quân Tây Sơn đã cướp lấy mọi sự, cùng giết nhiều người trong Đồng Nai, đoạn thì

trở về Qui Nhơn, là chính nơi nó quen ở ; mà tàu nó chở đầy những vàng bạc , và những của cải đã cướp được.

16. Vua lập kế cứu vợ con.

Vậy khi trước vua và Đức Thầy ở trong thành Sài Gòn những bằng yên vô sự, chẳng hồ nghi đến gì. Song khi đã thua trận thủy, mà quân Tây Sơn vào thành Sài Gòn bất thành liêh, thì phải trốn đi, chẳng kịp dọn dẹp vật gì sót. Kê thì trốn dằng nọ, kê thì chạy dằng kia. Vua túng cực lắm, thì giao vợ con và đầy tớ cho Đức Thầy đem trốn sang bên Cao Mên. Đức Thầy cũng đem các học trò nhà trường đi theo nữa.

Khi đầu vua chẳng biết tính làm sao, thì bỏ các quan và quân lính mà ẩn mình xung quanh đồn Sa Đéc ở gần Cao Mên. Bấy giờ quân Cao Mên sợ quân Tây Sơn dặng trận mà oán trả mình, vì đã chứa vợ con cùng kê thuộc về vua làm vậy ; cho nên nó bán bạc mà bắt nộp cho quân giặc. Vua nghe sự gở lạ thế ấy, thì lập kế khéo lắm, cho dặng cứu lấy vợ con. Vậy vua gửi thơ cho Đức Thầy Vêrô ở bên Cao Mên mà rằng : « Quân mình « đã dặng trận cả thế, đã lấy lại dặng thành Sài Gòn ; « cho nên quân Tây Sơn đã trốn hết rồi. Nhơn vì « sự ấy Đức Thầy Vêrô phải liệu lấy tên vua mà « truyền cho quân Cao Mên hay, và đem vợ con « cùng những người nội các trở về, vì mọi sự đã « yên rồi. » — Quân Cao Mên nghe đều ấy, nghĩ là thật ; liền vội vàng đưa vợ con vua về cách trọng

thể. Mà Đức Thầy cũng mắc lừa nữa; song khi đã biết sự thật thì mọi người đều cười và khen vua khôn ngoan.

Vua đã cứu lấy vợ con cho khỏi hiểm nghèo thể ấy đoạn, thì còn phải trốn ẩn một ít lâu; khi thì núp mình nơi nọ nơi kia, khi thì làm tướng cai quân đánh giặc. Dân sự thì ghét quân Tây Sơn hết lòng hết sức, vì nó làm khổ người ta lắm; nên ai ai cũng sẵn lòng giúp vua.

17. — Ông Tiếp đánh mà đem vua về Sài Gòn.

Vậy quan lớn kia, tên là ông Tiếp, đánh đặng một trận cả thể cùng lấy lại thành Sài Gòn. Quân Tây Sơn phải trốn về Quý Nhơn; mà vua trở về Sài Gòn, lần ấy là lần thứ ba. Ông Tiếp ấy là người hiền lành có lòng trung cùng gan dăm hay nghề võ, khi trước đã theo quân Tây Sơn, vì nghĩ là có lòng giúp ông Hoàng Tôn. Nhưng mà khi biết tỏ nó có lòng gian, chỉ có ý lấy tên Hoàng Tôn che mình mà thôi, thì bỏ quân ấy mà trốn theo vua. Từ ấy về sau ông ấy cũng giúp vua nhiều điều.

Đức Thầy Vêrô nghe tin quân Tây Sơn đã trốn, mà vua đã về đặng thành Sài Gòn, thì người cũng bỏ Cao Mên mà trở về làng Chi Nhân. Song chưa dám về ở Sài Gòn. Bao nhiêu sách vở của người thì cũng để lại trong làng ấy hết, lấy những đồ cần mà thôi. Người đã liệu thể ấy thì phải lắm, vì chưa đến cuối năm mà quân Tây Sơn đã đánh lại.



18. — Quân Tây Sơn đánh trả mà thắng. — Vua phải trốn
khôn nạn.

Bấy giờ vua chưa kịp dọn tàu hay là khí gái cho
đặng ngũ giặc, thì lại phải trốn đi đàng nọ qua
đàng kia. Đức Thấy Vêrô về làng Chi Nhân mà
dam học trò sang Hà Tiên. Ngày hôm sau, vua cũng
đến nơi ấy cùng vợ con và những kẻ nội thị. Qua
một hai ngày lại phải xuống tàu mà sang gò kia,
gọi là Phú Quốc. Cối ấy ở xa cùng chẳng có mấy
người ở trong ấy, nên chẳng sợ quân giặc. Đến
sau, vua lập nhà trong Bãi Bà Tích, mà Đức Thấy
Vêrô làm nhà trong rạch Trần cho gần vua. Đức
Thấy Vêrô ra sức tích nhiều gạo thóc cho đặng
nuôi học trò; mà vua đã hết lương thực, nên Đức
Thấy cũng phải giúp vua về sự ăn uống. Những
người thuộc về vua và những người thuộc về Đức
Thấy thì như là con một nhà ở chung với nhau.

Đến sau Đức Thấy đã đi qua làng Tây Nhâm và
dam các học trò theo mình. Khi ấy có hai thầy cả
về dòng ông thánh Phanxiô, là thầy Giacôbê
và thầy Manoe, khi trước theo Đức Thấy sang
gò Phú Quốc, sau lại ở làng Tây Nhâm mà coi sóc
bầu đạo. Hai ông ấy thì rất có lòng sốt sắng đạo
đức và khôn ngoan. Vậy bởi hai ông ấy là người
nước Iphanho, thì vua xin chịu khó lấy tên
mình mà đi sứ sang bên Manila, xin quan Quận
Công cai thành ấy thay mặt vua Iphanho sai
tàu cùng nhiều binh sĩ đến cứu giúp mình. Đức
Thấy cũng thêm lời bảo hãy bằng lòng chịu khó

cho được giúp vua. Hai ông ấy chịu mà xuống tàu mà đi. Ai dè là quân do Tây Sơn bắt lấy mà đưa sang Sài Gòn. Đến sau lại phải về Qui Nhơn mà chịu tra khảo cách dữ tợn, và mắc phải nhiều sự khổn khó khác kể chẳng xiết.

19. — Đức Thầy Về sang nước Xiêm và lo giúp vua.

Vua cùng Đức thầy ở trong cõi Phú Quốc được sáu tháng tròn, đang trái mùa gió ngược; cho nên chẳng có tàu nào ở Đồng Nai sang cõi ấy đặng. Khi đã đến mùa khác, mà chẳng còn lẽ nào ở lại trong cõi ấy đặng nữa, thì phải tìm nơi khác mà ẩn mình. Đức thầy Về với ông Liốt và ông Phaolô cùng học trò nhà trường, thì dốc lòng sang bên Xiêm mà kiếm nơi cho yên.

Khi qua gần cõi Gò Công, thì có ý ghé vào cửa ấy ban đêm; song ngược lắm, vào chẳng đặng. Sự ấy thì là bởi Đức Chúa Trời thương cách riêng, vì chừng khi ấy có nhiều tàu ở Chà Và đang đóng trong cửa ấy. Khi đã sáng ngày rồi, quân tàu ở thấy thuyền Đức Thầy Về thì có ý lừa; mà nó chẳng biết là thuyền ai, bèn sai kẻ đến khuyen bảo vào cửa cho yên. Bấy giờ Đức Thầy ẩn mình kĩ càng, và người An Nam ở trong thuyền sinh lòng nghi nan; nên chẳng chịu vào, mà lấy lẽ nợ lẽ kia chữa mình cho khỏi chước quân ấy. Những kẻ đã đến mà lừa đảo, thấy làm vậy, thì sấm súa đánh và cướp thuyền ấy. Nhưng mà bỗng chốc gió lên, thì thuyền Đức Thầy chạy mau lắm, quân kẻ cướp theo chẳng kịp. Đức Thầy đến Xiêm

bằng yên vô sự; còn vua Nguyễn Anh thì trốn sang ăn mình trong hòn Dừa cách xa đất Xiêm ba ngày đàng; song Đức Thấy chẳng biết đức vua đã đi đâu.

Vậy trước hết, Đức Thấy đã vào cửa Chấn Ta Bun, là thành lớn nước Xiêm; người dễ học trò lại trong thành ấy. Ông Liốt cũng ở lại cho được coi sóc và dạy dỗ các học trò. Còn Đức Thấy và cậu Phaolô thì đi sang Bang Cóc, là kinh đô nước Xiêm, cách xa thành Chấn Ta Bun 150 dặm đàng. Người có ý xin phép ở lại tạm trong nước Xiêm, làm một cùng học trò. Vua Xiêm thết đãi người trọng thể; lại xin thể nào, thì vua bằng lòng cho thể ấy.

Trong thành Chấn Ta Bun có nhiều bốn đạo An Nam đã sang làm nhà đã lâu; kẻ thì đã sang có ý cho dựng buôn bán; lại có nhiều kẻ bởi trốn giặc mà bỏ quê sang bên ấy.

Đức Thấy Vêrô chẳng biết vua Nguyễn Anh ăn tại chỗ nào, nên dặn thuyền ông Liốt phải sai kẻ tìm trong cõi xung quanh cho biết người ở đâu. Ông Liốt đã vưng lời Đức Thấy mà sai thuyền đi tìm nhiều nơi lắm, mà chẳng gặp nơi nào. Đền sau có người bốn đạo, ở thành Chấn Ta Bun, tên là ông trùm Nam, người có ý đi tìm tìm trăm mà bán; khi tìm cờ vào cõi hòn Dừa, thì gặp vua Nguyễn Anh tưng cực mọi đàng, chẳng có của gì ăn sót. Vậy ông trùm Nam có bao nhiêu gạo thì dựng cho vua hết; đoạn trở về thành Chấn Ta Bun mà tin cho ông Liốt dựng biết vua ở đâu, và phải gian nan thiêu thốn thể nào, tức thì ông Liốt

vội vàng sai thuyền chở đầy gạo, cá khô, gà vịt, heo, cùng các đồ ăn khác mà dâng cho vua; thì vua và các đầy tớ mới khỏi chết đói. Ông Liốt cũng gởi thơ cho Đức Thấy dâng biệt các đêu ấy, thì Đức Thấy liền xin vua Xiêm mà trở về Chấn Ta Bun; và người mua dâng bao nhiêu gạo cùng đồ ăn khác, thì mua hết cho đầy thuyền lớn; đoạn người sang hôn Dừa với vua. Hai bên gặp nhau thì vui mừng quá bội.

20. — Ông Nam Đĩnh viết thơ đòi vua Xiêm phải nộp vua An Nam.

Khi quân Tây Sơn trở về Qui Nhơn, thì để ông quan lớn, tên là ông Nam Đĩnh, ở lại trong thành Sài Gòn làm quan Quận Công cai trị xứ Đồng Nai và các xứ khác xung quanh. Vậy ông Nam Đĩnh ấy gởi thơ cho vua Xiêm mà nói cách rất kiêu ngạo, cùng lấy quyền bề trên mà truyền dạy vua Xiêm, hoặc có vua An Nam, là ông Nguyễn Anh, sang bên Xiêm, hay là có gặp vua ấy ở đâu, thì phải bắt mà nộp cho mình; bằng không thì sẽ đem quân sang đánh mà lấy cả và nước Xiêm. Vua Xiêm thấy thơ ấy nói cách vô phép làm vậy thì giận lắm, cùng quyết sang đánh bên An Nam để phạt quân ấy; song chẳng có ý cứu vua An Nam đâu.

Đức Thấy Vê rô biết ý vua Xiêm, nên đã xin vua An Nam dẫu khốn cực thế nào, thì cũng đừng bao giờ tin cậy vua Xiêm, vì vua ấy có ý làm hại nước An Nam mà thôi. Cho nên khi Đức Thấy còn ở bên Xiêm mà xin phép về, thì chẳng nói tỏ mình có ý giúp vua An Nam, một lấy lẽ khác. Người lại thứ

ý lòng vua và các quan Xiêm, thì dặng biệt mọi sự. Vậy người lại vào trong cõi hòn Đira, ở lại hai tháng trọn, mà bàn các việc cùng người. Khi ấy vua chẳng biết tính liệu làm sao; vì chưng quân Tây Sơn đã lấy dặng cả nước An Nam và nước Cao Mên rồi nữa. Các quan đã bỏ vua hết; còn một chiếc tàu và hai ba trăm quân mà thôi. Vua cũng chẳng còn của gì mà nuôi bầy nhiều người ấy: chẳng còn dân nào giúp người nữa. Đức Thầy Vêrô đã dưng bao nhiêu lương thực cho vua thì còn bầy nhiều mà thôi.

21. — Vua xin Đức Thầy đi sứ bên Phalangsa, xin vua nước ấy giúp mình cho dặng phục quốc.

Vậy vua thiêu thốn thể ấy, thì xin Đức Thầy Vêrô sang bên Tây, xin vua Phalangsa sai binh sĩ qua cứu giúp mình. Vua giao ấn nhà nước cùng ban phép rộng cho người được giao cùng vua Phalangsa thể nào, thì mình sẽ ưng thể ấy. Vả lại có ý cho vua Phalangsa càng dễ tin và sẵn lòng thương, thì phú con đầu lòng, là Đông Cung, cho Đức Thầy đưa sang nước Phalangsa nữa.

Khi đầu thì Đức Thầy lấy làm sợ hãi lắm, vì là việc trọng, mà chẳng biết ra thể nào. Nhưng mà bởi thấy vua thiêu thốn mọi đảng, thì động lòng thương người; lại nghĩ rằng: Nếu có thể mà giúp vua cho được bằng yên và được phục quốc lại, thì ắt là sau nầy vua sẽ biết công mà dễ giảng đạo trong nước An Nam. — Bởi vậy người càng sẵn lòng chịu khó liệu mình làm hết sức cho được giúp vua.

Cho nên, đầu năm 1786, là Cảnh Hưng tứ thập thất niên, cùng là Bính ngũ, thì người dọn mình sang bên Tây làm một cùng con đầu lòng vua An Nam. Khi ấy ông Đông Cung mới sáu bảy tuổi. Vua cũng cho bốn người An Nam khác theo giúp con, mà trong bốn người ấy thì có em bà hoàng hậu, tên là Sóc. Lại có hai quan lớn vua sai làm thầy dạy con. Bảy nhiều người ấy chưa có đạo; nhưng mà bởi đã sẵn lòng trở lại, thì Đức Thầy Vêrô làm phép rửa tội cho, cùng ra sức dạy dỗ cho thuộc kinh mà sinh nên lòng mộ sự đạo. Ông Đông Cung sáng dạ và tính hiền lành, mau thuộc kinh và có lòng mến sự đạo. Có một điều nầy lạ, là đầu khi ấy người ít tuổi, chưa biết mình có ý đi đầu mặc lòng, song le cũng sẵn lòng theo Đức Thầy tức thì, chẳng khóc lóc chẳng ra dấu nhớ cha mẹ chút nào. Cho nên kẻ ngoại đạo quen nói rằng: *đầu là Đức Thầy có bùa mới đứng thế ấy*. Sau nữa, Đức Thầy cũng đem ba mươi học trò theo cho dựng lập nhà trường bên Thiên Trước.

22.— Vua phải mưu quân Xiêm đem đi nước Xiêm.

Còn về phần riêng vua, khi bớt lo đảng nọ vì đã có sẵn lương thực, thì lại phải lo đảng khác, vì chẳng còn biết cậy ai nữa. Quân Tây Sơn những tìm bắt người, nên phải cứ ẩn mình trong hòn Dừa, và sai kẻ đi do trong các xứ xung quanh cho biết việc ra thế nào.

Quân do ấy đến Hà Tiên, thì gặp một đội quân Xiêm đang sắp sửa đi đánh quân Tây Sơn. Quan

đại tướng quân Xiêm biết là quân do vua An Nam sai, thì tỏ lòng thương cùng cho xem sắc chỉ vua Xiêm đã sai mình đánh quân Tây Sơn, và nói nhiều lời cho quân do tin thật, bởi vua Xiêm có nghĩa riêng với vua An Nam, mới sai mình đi đánh giặc mà cứu. Cho nên nếu vua An Nam có sẵn lòng hiệp cùng mình, thì càng dễ lo liệu các việc. Quân Xiêm lại gởi nhiều của lễ quý trọng mà mừng vua.

Vua nghe các điều ấy thì chẳng vội tin, một sai người khác hai ba lần cho đặng biết quân ấy có ý đánh giặc mà giúp mình chẳng. Kẻ ấy trở về cũng nói như những người trước, và quyết quân Xiêm có lòng ngay và có ý cứu giúp vua thật. Bởi đó vua mới sang Hà Tiên cho đặng gặp quan đại tướng Xiêm. Nhưng mà khi đến nơi, thì quân Xiêm bắt lấy và chẳng nói đến sự đi đánh giặc nữa, một sớm sửa trở về mà nộp vua An Nam cho vua Xiêm. Bấy giờ vua thấy mình mắc mưu làm vậy, thì phàn nàn cho đến đổi la khóc cùng trách mình đại; vì nhớ khi trước Đức Thầy đã nói đi nói lại rằng: *« Không nên tin quân Xiêm bao giờ, bởi vì quân ấy chẳng thật lòng, song hối bất cập. »*

Vậy quan tướng đem vua về Bang Cóc mà nộp cho vua Xiêm. Khi ấy hai anh em cai trị nước Xiêm làm một cùng nhau, như lời đã nói trước đây. Khi vua An Nam đến Bang Cóc, thì quân Ngô quen buôn bán cho vua Xiêm liền chạy đến cách vui mừng, mà đứng sợ kiện vua An Nam nhiều điều rằng: Khi trước mình vượt biển mà đi buôn, thì vua An Nam sai quân mà cướp lấy tầu mình. Nó cũng nói thêm nhiều điều rất nặng mà bỏ vạ cho vua

An Nam. Vua anh tin các điều ấy mà ra dấu giận lắm, cũng muốn phạt giết vua An Nam.

● 23. — Vua nhờ hai vua nước Xiêm giúp.

Nhưng mà vua em tỏ lòng thương vua An Nam, mà trách quân Ngô nặng nề, và đuổi nó ra. Đoạn thì cầm tay vua An Nam mà ép ngồi một phần cùng mình, cũng nói nhiều lời an ủi rằng: « Số phận người ta thế gian này thì khổn khó là dường nào! « Chẳng có sự gì vững bền sốt; hôm nay dặng « bình yên vui mừng cùng phú quý sang trọng, đến « mai thì tan mất đi cả. » Vua ấy còn nói nhiều điều khác về mình, vì hai anh em khi trước ở bực hèn, mà một ý một lòng cùng nhau mới dặng lên bực cao phẩm cả. Bấy giờ lại đãi vua An Nam cách lịch sự, cũng bảo giao nghĩa với nhau, và quyết đánh quân Tây Sơn. Vua An Nam đã biết tỏ các điều ấy là chước bề ngoài, vì hai vua Xiêm chẳng thật lòng cứu giúp mình. Vậy vua An Nam ở trong Bang Cốc, mà tuy rằng, chẳng phải giam, lại hai vua ở lịch sự bề ngoài, song chẳng khác chi như phải giam, vì hằng có kẻ rình chực canh giữ luôn.

Hai vua Xiêm ra dấu như thể có ý giữ lời đã hứa, mà sai nhiều binh sĩ sang đánh giặc cho yên, mà chia ra hai toán; một toán đi bộ, một toán đi thủy. Cháu đồng tông hai vua ấy, tên là Triều Cẩn, thì làm quan đại tướng quân coi các toán ấy. Vua An Nam thì cũng có quan tướng An Nam, tên là ông Thê, vua đã gặp tình cờ trong thành Bang Cốc. Khi trước ông ấy vốn có lòng trung

cùng vua; và khi vua trốn quân Tây Sơn cùng sang ẩn mình trong cõi Phú Quốc, thì ông ấy theo chẳngặng mà phải ẩn mình nơi nọ nơi kia. Đến sau có ý tìm vua lại, mà đèn nhiều nơi, song chẳng nghe tin tức gì sốt, cho nên người tin thật vua sang bên Xiêm. Bởi vậy đã dốc lòng sang bên ấy choặng tìm vua. Ông ấy đi bộ làm một với năm ba quan khác, là ông phó tướng Lương, ông thông Toán, ông thủ Quân, ông thống binh Hạn, ông Lưu Thủ Quang, vân vân. Khi ông Thê mới đèn nơi, thì chưa thấy vua, song chẳng khỏi mấy ngày gặpặng. Người thấy vua đã mắc quân Xiêm lừa đảo mà bắt ở thành Bang Cóc.

Vậy hai vua Xiêm đặt ông Thê làm quan cai nhiều binh sĩ đi trước những quân thủy. Còn quan đại tướng quân Xiêm, là ông Triều Cẩn, cùng là cháu vua, thì đi qua xứ Ba Thắc ở nước Cao Mên. Xứ ấy rất giàu có, nhiều quân Ngô quen sang buôn bán ở đó; thì ông Triều Cẩn ở lại với quân cơ đặng ba tháng, những chơi bời ăn uống, ăn cướp của người ta mà thôi.

Quan lớn An Nam thấy vậy thì buồn lắm, nhưng mà chẳng làm gì đặng. Song bởi ông ấy đã đưa vua cùng quân lính đến Trà Ôn, ở gần đồn Sa Đương là lũy rất mạnh áp Cao Mên và Đồng Nai, vừa gặp quân Tây Sơn đóng binh đó, thì hai bên đánh nhau nhiều trận, mà chẳng ai đặng, vì hai bên đánh rất mạnh bạo cả và hai. Như vì sự ấy, ông Thê giận lắm mà quyết đánh cả thể cho xong; bên vưng lời vua mà xông vào dinh quân giặc ban đêm khi xuất kỳ bất ý. Hai bên đánh nhau đã

lâu, thì quân giặc đã phải thua vỡ chạy. Bấy giờ ông Thê toan đem quân về, chẳng hay người phải đạn súng bắn nhằm mà chết. Vua tiếc ông ấy lắm; vì là người trung thân gan dăm xứng đáng làm quan tướng.

Đang khi ấy quân Xiêm còn ở nhưng chơi bời trong xứ Ba Thắc như lời đã nói trước nầy. Vua ngự Thái Đức, ở xứ Qui Nhơn, nghe tin đều ấy, thì vội vàng chạy vào Sài Gòn mà đem nhiều binh theo, vì người qua xứ nào thì bắt các binh sĩ theo mình. Vả lại có nhiều quân sẵn ở Đông Nai rồi. Bấy nhiêu quân ấy hiệp lại làm một cơ quân đông đảo lắm. Bấy giờ ông Thái Đức đem quân đi tìm binh Xiêm, và chắc mình sẽ dựng trận chẳng sai.

24. — Quân Tây Sơn dựng trận. — Vua lại phải gian nan.

Khi ấy binh bộ và binh thủy quân Xiêm đã hiệp lại cùng nhau và đóng trong Trà Suốt, lại lập nhiều lũy nơi nọ nơi kia. Quân Tây Sơn đến nơi, thì chẳng kịp nghĩ, nhờ xuôi nước thuận gió thì binh thủy giáp trận trước mà xông vào đánh tàu Xiêm dữ lắm. Khi đầu quân Xiêm chẳng ra đầu sớ, chỉ đánh mà thôi. Chẳng khỏi bao lâu nó thấy quân mình chết đã nhiều, và quân Tây Sơn lấy được hai ba chiếc tàu, thì ngã lòng trốn hết. Bao nhiêu tàu nó thì quân Tây Sơn lấy hết, chẳng sót chiếc nào. Bấy giờ lại giáp trận đánh bộ; mà bởi quân Xiêm đã kinh khiếp rồi, thì chẳng dám đánh trận nào nữa, một chỉ ra sức cầm quân trong các lũy đã lập. Nhưng vậy chẳng dựng ích gì, vì

quân Tây Sơn hãm lấy bêt, nên quân Xiêm bị tử trận hay là phải bắt làm tời thì nhiều lắm. Mấy quân trốn khỏi, thì ra sức tìm đường lên rừng mà trở về Xiêm; song cũng không về được mấy người, vì khi thất lạc, người thì đã phải chết trôi, kẻ thì phải chêt đói, kẻ thì nhọc nhằn quá, đuối sức đi mà chêt dọc đường gần bêt. Quân Xiêm phải nạn làm vậy, thì từ ấy về sau chẳng còn dám đánh giặc trong nước An Nam nữa.

Quân Xiêm đã bại trận cả thể làm vậy, mà vua An Nam lại đã mất ông Thê, thì chẳng biết cậy ai làm tướng cai quân mình nữa; nên khi thấy quân Xiêm trốn, thì vua cũng xuống tàu mà tháo lui. Vua đã biết vợ con và các đầy tớ riêng còn ở trong hòn Dừa, thì chạy sang bên ấy. Đoạn vua sai kẻ sang bên Xiêm, mà cáo chữa mình cùng hai vua vì đã thua, và đã mất các tàu Xiêm; lại xin hai vua miễn trách sự ấy. Hai vua nghe lời cáo chữa mình thế ấy, thì ra dấu bằng lòng, chẳng tỏ dấu giận vua An Nam chút nào vì rằng: quân đã thua làm vậy thì chẳng phải tại vua An Nam. Vì chưng ông ấy chẳng làm tướng cai quân, nên các điều lỗi thì tại cháu mình, là quan đại tướng chẳng biết làm tướng; nên có một mình Triều Cấn có lỗi và đáng phạt mà thôi. Hai ông ấy lại xin vua An Nam sang bên Xiêm nữa, chớ đem lòng sợ đều gì.

25. — Vua liêu minh trở về Xiêm một lần nữa.

Vua An Nam đã mắc lừa lần trước thì sợ hãi

lắm. Song bởi chẳng còn lễ mà ẩn mình trong
hòn Dừa được nữa, lại chẳng biết đi đâu, vì quân
Tây Sơn được trận cả thế, càng ra sức tìm mình
cho được; lại những quân mình thất lạc thì qua
Xiêm hết: nên vua liền mình đem vợ con cùng cả
và nhà mình mà sang Xiêm một lần nữa.



ĐOẠN THỨ BỐN

Tây Sơn đánh Đàng Ngoài và chiếm ngôi
(1786—1791).

1. Quân Tây Sơn đánh giặc Đàng Ngoài.

Vậy quân Tây Sơn một ngày một thịnh. Nó được
tàu và lấy hết mọi của quân Xiêm, thì vui mừng
khoe khoang và trở về thành Sài Gòn. Vả lại nó
chẳng còn thấy quân giặc nữa, thì nghỉ yên trong
thành ấy ít lâu cho được bỏ sức lại; đoạn thì về
Qui Nhơn là kinh đô nước nó. Qua năm sau, thì
đi ra đánh giặc Đàng Ngoài. Vậy khi trước, nó
đã đánh các xứ Đàng Trong và ăn cướp thế nào,
thì nó cũng làm trong các xứ Đàng Ngoài thế ấy.
Các việc ấy thì kể ra sau này.

Lê Cảnh Hưng làm vua trị nước An Nam, song
có tên vua mà thôi; vì chưng nhà Nguyễn làm chúa
trị riêng các xứ Đàng Trong, và nhà Trịnh làm
chúa trị riêng các xứ Đàng Ngoài. Hai chúa lấy tên

vua nhà Lê làm niên hiệu cùng tiến cống và tỏ ra lòng phục tùng bề ngoài; còn các việc trị nước thì mặc hai chúa như đã thấy trong *Tiểu dẫn* trước đây.

2. — Chúa Trịnh độc dữ và chết yểu.

Chúa nhà Trịnh thì độc dữ lắm, làm cho các xứ Đàng Ngoài phải loạn lạc khốn nạn quá lẽ. Sự đạo thì càng khốn nạn hơn nữa, vì nhà Trịnh chỉ cấm đạo mãi; cho nên, năm 1775, cùng là Lê Cảnh Hưng tam thập lục niên, thì ông Hyaxintê, là người dòng ông thánh Đominicô, và ông Vincentê, là thầy cả bốn quốc thuộc về Địa phận bên Đông, đều phải luận xử tử vì đạo. Năm sau, lại có một thầy giảng, tên là Đominicô Thao, cũng phải chết chém vì đạo. Các sự khốn khó bốn đạo mảc phải, vì mất tiền bạc đàng nợ hay là phải bắt bớ đàng kia, thì ta chẳng kể đặng cho hết.

Năm 1784 cùng là Cảnh Hưng tứ thập ngũ niên, chúa Trịnh phải bệnh xấu hổ lắm, bởi khi trước mê rượu cùng mê sắc dục, nên đã chết yểu khi mới nên ba mươi lăm tuổi. Ông ấy đã đặt con đầu lòng mười chín tuổi làm Đông Cung, để nối quờn làm vua. Nhưng mà khi gần chết, thì từ con đầu lòng mà đặt con vợ mọn kia mới nên mười bốn tuổi làm Đông Cung. Mà bởi chưa có trí khôn cùng chưa làm chi được, thì người đặt mẹ ông Đông Cung ấy lên làm bà quốc công, và phong quan lớn khác làm phó chính mà trị nước, cho đến khi ông Đông Cung đã lớn lên.

3. — Các quan dầy loạn, chẳng chịu phục nhà Trịnh nữa.

Chẳng ai bằng lòng muốn đều ấy sốt; cho nên ông ấy chết vừa rồi, thì các quan đồng tình cùng nhau mà làm loạn, cùng giết quan phó chính; lại đuổi vua nhỏ và bà quốc công, mà đặt con đầu lòng làm chúa trị nước. Vậy ông ấy có ý thưởng kẻ đã cứu mình, thì ban nhiều chức tước; nhưng mà những kẻ ấy đã sinh lòng kiêu ngạo lắm. Kẻ chức nhỏ thì muốn đặng chức cao, mà kẻ đã được chức cao lại muốn cho được chức cao hơn nữa; vì ai ai cũng kẻ mình có công trọng, nên chẳng lấy phần thưởng nào làm xứng công mình. Như vì sự ấy, năm 1784, là Lê Cảnh Hưng tứ thập ngũ niên, thì những quân nghịch đảng ấy giết nhiều quan đại thân; lại đốt và ăn cướp trong cung đền chúa cùng ngấm đe giết chúa nữa. Ông ấy ít tuổi và chẳng có gan, thì sợ hãi lắm, chẳng biết đàng dẹp loạn, và chẳng biết tính làm sao, vì càng lấy lời ngọt mà nói cùng quân ấy, thì nó càng kiêu ngạo. Vả lại nó cũng tràn ra các xứ các làng, mà ở chẳng khác gì kẻ cướp. Bởi vậy sự khốn khó đã thêm một ngày một hơn.

Bấy giờ các quan lại lập một phe mà bỏ nhà Trịnh, và lập lại nhà Lê làm vua cho xong, chẳng còn phải dùng chúa nữa. Vả lại bởi dân Đàng Ngoài có lòng phục nhà Nguyễn, thì có nhiều kẻ ước ao rước nhà Nguyễn cho được giúp nhà Lê. Khi ấy nhà Nguyễn chẳng còn quyền gì nữa, vì quân Tây Sơn đã cướp lấy các xứ Đàng Trong;

lại Nguyễn Anh trốn sang Xiêm, mà dân Đàng Ngoài chẳng biết cho tỏ các việc Đàng Trong thế nào.

4. — Ông Cồng Chính kèn quân Tây Sơn ra Đàng Ngoài.

Khi ấy có quan văn kia, tên là Cồng Chính, sợ nhà Trịnh lắm, và có ý lo mưu làm hại nhà ấy, thì trốn vào Đàng Trong với quân Tây Sơn mà giục ra đánh Đàng Ngoài cùng bắt nhà Trịnh. Ông ấy quả quyết nên ông Thái Đức có sẵn lòng lấy tên nhà Nguyễn mà ra đánh giặc Đàng Ngoài, thì mình sẽ liệu cho nhà Lê cùng cả và dân mắc lừa. Bấy giờ ông ấy gởi thơ cho các quan Đàng Ngoài dặng biết nhà Nguyễn đang dọn ra giúp nhà Lê, lại sai nhiều kẻ dối trá người ta trong các xứ cũng như làm vậy.

Quân Tây Sơn có lòng muốn lấy các xứ Đàng Ngoài đã lâu, nghe ông Cồng Chính bày cho, thì vui lòng. Ấy vậy ông Thái Đức sai em nhỏ, tên là Long Nhưông, có danh tiếng tốt trí lắm, và gan dâm; người lấy tên nhà Nguyễn mà đem nhiều binh sĩ ra Đàng Ngoài. Trước hết thì gởi thơ khắp mọi nơi mà dối người ta rằng: « Nhà Nguyễn đã đánh được quân Tây Sơn cùng đã lấy các xứ Đàng Trong yên rồi; vậy lại ra Đàng Ngoài, một là có ý cứu lấy dân, và đánh phạt nhà Trịnh vì xưa nay làm khổn cho dân; hai là cứu lấy Nhà Lê; ba là vốn xưa nhà Nguyễn làm chúa trị các xứ Đàng Ngoài mà giúp Nhà Lê, nên cũng muốn lấy chức ấy lại nữa. » Cho nên

những binh sĩ cầm cờ viết chữ rằng: *Nguyễn triều phục nghiệp, phạt diệt Trịnh, phò Lê*.— Khi ấy, em thứ hai ông Thái Đức, tên là Đức Ông, thì cai các cơ đội cùng các xứ Đông Nai và Cao Mên thay vì anh.

Vậy ông Long Nhữong lấy tên nhà Nguyễn mà đối trá dân Đàng Ngoài làm vậy, là năm 1786, cùng là Lê Cảnh Hưng tứ thập thất niên, cùng là năm Bính ngũ. Khi đầu thì lấy xứ Huế cùng các xứ khác Đàng Ngoài mau lắm. Vì quan quân và dân ngờ là nhà Nguyễn thật, thì vui mà rước trọng thể, chẳng phải đánh trận nào sốt. Bấy giờ chúa Trịnh thấy thiên hạ bỏ mình thể ấy thì ngã lòng mà trốn đi; song cũng chẳng biết ẩn mình ở đâu thì đã tự vận. Ông Long Nhữong ra Kẻ Chợ, thì cũng lấy tên nhà Nguyễn mà đèn châu Lê Cảnh Hưng và nhìn lấy là vua. Vua ấy cũng mắc lừa, vì ngờ là nhà Nguyễn và vui mừng; lại gả con cho ông Long Nhữong. — Lê Cảnh Hưng đã già cả, mà khi biết mình đã mắc lừa thể ấy, thì xấu hổ cùng lo buồn cho đèn nổi muốn chết; mà cho cháu, gọi là Chiêu Thống, lên làm vua. Chiêu Thống chẳng dám cải niên hiệu; cho nên từ ấy cho đèn khi Gia Long lấy đặng cả và nước An Nam, thì còn lấy tên Cảnh Hưng làm niên hiệu. Khi ấy vua Gia Long còn gọi là Nguyễn Anh.

5. — Dân Đàng Ngoài phải khôn.

Dân Đàng Ngoài khi biết mình đã mắc quân Tây Sơn lừa đảo thì giận lắm. Các quan chia làm

nhiều phe mà làm loạn và đánh quân Tây Sơn; song đã muộn quá, vì quân ấy đã chiếm lấy các kho, các thành, các đồn, cùng chiếm hết mọi sự, nên chẳng ai làm gì đặng. Các phe ấy lại thêm khổn cho dân; vì chưng quân Tây Sơn thấy người ta ghét mình dường ấy, cùng tụ tập làm loạn chống trả với mình, thì lấy phép dữ mà dẹp loạn cùng bắt người ta nộp thuế nặng lắm. Vả lại, có bao nhiêu của trong kho vua, và những vàng bạc cùng của khác thuộc về nhà Lê hay là nhà Trịnh, thì quân Tây Sơn cướp lấy cả. Còn những của riêng các quan hay là của người ta, mà quân Tây Sơn cướp lấy, thì ta chẳng nói đến làm chi.

6. — Long Nhữong trở về chia của ăn cướp cùng anh mà sinh ra sự bất hòa.

Ông Long Nhữong thấy dân chẳng phục mình cùng sắm sửa đánh giặc thì sợ, nên dọn đem quân về Huê. Vậy khi trở về, qua nơi nào, thì nơi ấy khổn khó, vì quân Tây Sơn chẳng giữ phép tắc gì; nó thấy gì vừa ý thì lấy hết. Cũng có khi nó đốt làng nọ làng kia và đánh người ta. Nhưng mà chẳng nơi nào đã phải khổn khó cho bằng xứ Thanh Hóa và xứ Nghệ An; vì quân Tây Sơn thù hai xứ ấy, vì trước đã tỏ lòng ghét nó và đã đánh lại với nó dữ lắm. Vậy tuy ông Long Nhữong trở về Huê mặc lòng, song cũng có ý giữ lấy các xứ Đàng Ngoài làm như của riêng mình, và xưng mình là Bình Bắc Vương làm chúa thay vì nhà Trịnh giúp Lê Chiêu Thống.

Ông Thái Đức ở Qui Nhơn nghe tin em mình, là Bình Bắc Vương, đã liệu các việc Đàng Ngoài, cùng đã lấy dặng nhiều của cải lắm, thì đi ra rước cho dặng lấy phần của ấy. Bấy giờ hai anh em sinh ra nhiều đều bất thuận cùng nhau lắm, vì ai ai cũng muốn lấy phần nhiều. Vả lại, ông Bình Bắc Vương thấy anh đã lấy ý riêng mà luận xử từ nhiều quan lớn, mà chẳng bàn đều gì cùng mình, thì biết là anh khinh dể mình, và có ý giữ lấy các quyền phép, chẳng dể cho mình làm chúa trị các xứ Đàng Ngoài.

7. — Ba anh em đánh giặc cùng nhau; sau lại làm hòa mà chia nước An Nam ra làm ba phần, cho một người một phần.

Bởi đó ông Bình Bắc Vương hiệp với Đức Ông, là anh thứ hai, ở trong Đông Nai, mà đánh giặc cùng ông Thái Đức. Vậy hai anh em vậy thành Qui Nhơn, đánh cùng anh cả đã lâu lắm, song chẳng bên nào dặng, chẳng bên nào thua. Ba anh em làm hại nhau và làm hại cả và thiên hạ.

Năm sau, là năm 1787, là Lê Cảnh Hưng tứ thập bát niên, cùng là năm Đinh vị, ông Bình Bắc Vương nghe dân Đàng Ngoài làm loạn thật mà đuổi các quan mình đã đặt, thì ba anh em giao hòa cùng nhau, mà chia cả nước An Nam ra làm ba phần, mà làm ba nước. Phần giữa có bốn xứ, là Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Phú Yên, và Nha Trang, thì thuộc về ông Thái Đức là anh cả; mà kinh đô nước ấy là Qui Nhơn. Phần Đàng Trong cũng có bốn xứ là Bình Thuận, trước trước gọi là

nước Xiêm Thành, Đông Nai, Ba Lạt, Hà Tiên thì thuộc về Đứơc Ông, đã lấy tên Đông Vương; mà kinh đô nước ấy là Sài Gòn. Còn phần thứ ba thì có hai xứ mà thôi, là xứ Quảng Nam, gọi là Chăm, và Huế; các xứ Đàng Ngoài thì cũng thuộc về phần ấy. Phần ấy rộng hơn hai phần kia; mà kinh đô nước ấy thì gọi là Phú Xuân. Ông Bình Bắc Vương lấy các xứ ấy làm phần riêng mình.

8. — Đàng Ngoài loạn lạc hỗn độn.

Ba anh em giao hòa cùng chia nước An Nam đoạn, thì ông Bình Bắc Vương trở về Huế, lại đi ra Đàng Ngoài cho được dẹp loạn. Vì chưng các quân Đàng Ngoài ghét quân Tây Sơn hết lòng hết sức, và đã chia ra làm hai phe; kẻ thì muốn ép Lê Chiêu Thống lập lại nhà Trịnh, cùng chọn chúa nhà Trịnh như khi trước. Kẻ thì chẳng muốn nhà Trịnh, lại chẳng muốn chúa nào nữa; một muốn nhà Lê làm vua, cầm quyền thiên hạ cho xong mà thôi.

Hai phe ấy đánh nhau khốn nạn lắm, nên các xứ Đàng Ngoài sinh hỗn độn loạn lạc quá lẽ; chẳng còn phép tắc thứ tự, ra như chẳng còn vua nữa. Làng nọ đánh làng kia, chẳng biết cậy ai cứu giúp. Nhà nào thì mặc nhà ấy giữ lấy mình. Đâu đó cũng có kẻ cướp, người ta giết lộn nhau. Dầu các quan, dầu quân lính ra như kẻ cướp bêt thầy.

Năm ấy, họ Trang Cảnh, ở xứ Nghệ An, phải kẻ cướp đốt đi. Có một nhà thờ và nhà khách khỏi cháy mà thôi, thì người ta kẻ là phép lạ. Họ Mỹ cũng phải nhiều sự khốn khó vì đạo, và mất

nhiên tiên của lằm. Vả lại năm ấy phải đại hạn, đoạn phải bão cùng lụt cá thể. Các bờ đê Đàng Ngoài về xứ Nam Định vỡ hết. Hai huyện Quỳnh Lưu và Đông Thành thì càng khổn nạn hơn nữa: bão lớn lằm, cửa nhà sập hết; cây cối cùng sanh hoa đặng vật hao hại tận tuyệt chẳng còn giống gì. Trong họ Thuận Nghĩa có một nhà thờ không sập mà thôi. Nước biển tràn ra lằm hư lúa, còn bao nhiêu khối lụt hư, thì lại phải sâu keo. Năm ấy chẳng có ai gặt được, mà lúa năm trước còn lại ít nhiều, thì kẻ cướp lấy hết, cho nên thiên hạ đói khát quá lẽ. Dầu có tiền bạc cũng chẳng biết liệu làm sao mà mua ăn, vì chẳng còn đồ ấu gì nữa. Kẻ đã chết đói thì vô ngàn vô số kẻ chẳng xiết. Người ta chỉ ấu cỏ như bò hay là ăn những rễ cây, gốc chuối, thì lại sinh bệnh dịch mà càng thêm chết hơn nữa. Có kẻ tỉnh lại trong cả nước An Nam đã chết nửa phần người ta. Trong xứ Nghệ An có xã chẳng còn sót người nào, hoặc chết đói, hoặc chết bệnh hết.

9. — Bình Bắc Vương chiếm lấy quyền làm vua.

Đầu năm Chúa giáng sanh 1789, là năm Kỷ Dậu cùng là Cảnh Hưng ngũ thập niên, khi bớt dịch và đói khát, thì ông Bình Bắc Vương mới đem quân ra mà dẹp loạn Đàng Ngoài. Khi đầu ông ấy chưa lấy tên vua, một xưng mình là chúa, có ý tuyệt cả tông tộc nhà Trịnh cho nhà Lê được yên. Nhưng mà khi dẹp loạn và tuyệt nhà Trịnh đoạn, thì lại ra sức làm hại cả và nhà Lê nữa. Cho

nên ông ấy bắt được bao nhiêu người nhà Lê thì giết hết. Lê Chiêu Thống thoát khỏi thì trốn sang nước Đại Minh.

Vậy ông Bình Bắc Vương khi đã liệu các việc Đàng Ngoài, cùng bắt các quan và dân sự chịu phục mình vì nhà Trịnh chẳng còn, lại nhà Lê đã trốn đi đoạn, thì ông ấy xưng mình là Hoàng đế cùng cái niên hiệu là Quang Trung. Đoạn lại về Huê là kinh đô nước mới; người có ý ở thông thả chơi bời cho vui, vì nghĩ rằng: chẳng còn ai đánh cùng mình nữa. Nhưng mà trong thế giới chẳng ai được bằng yên cho trọn, và kẻ dữ thì lại càng khó trông choặng bằng yên thật.

10. — Nước Đại Minh sai binh dẹp loạn y như Chiêu Thống xin.

Khi vua Lê Chiêu Thống đã trốn sang bên nước Đại Minh, thì đã kêu van với vua Thượng vị Gia Khánh xin cứu mình. Vua Đại Thanh chịu, hoặc có lòng thật cứu nhà Lê, hoặc có ý muốn lấy nước An Nam mà nhập với nước Đại Minh như đời trước, thì chẳng hẳn. Vậy vua Thượng vị sai mười vạn binh sang nước An Nam mà rằng: có ý đánh quân Tây Sơn mà cứu Nhà Lê.

Vậy khi đã bước chơn sang nước An Nam vừa rồi, thì quan đại tướng Đại Minh ra chỉ dụ cho vua Quang Trung, mà nói nhiều điều rất kiêu căng rằng: « Vua Thượng vị là đứng cao cả có quyền « phép, đã sai mình sang nước An Nam cùng muôn « vạn binh sĩ, cho nên mình sẽ làm cho các núi non

« ra bình địa, bao nhiêu đá sẽ cưa xẻ ra làm hai,
« bao nhiêu sông biển sẽ vét cho cạn cho khô.

« Lại có ý sang An-Nam cho được cứ phép công
« binh mà bắt ai nấy phải khừ tà qui chính, và
« quân của ai thì trả cho nấy, cùng đoán xét mọi sự
« cho minh. Như vì sự ấy, hoặc ông Quang Trung
« có dên phục tội cùng mình cách khiêm nhượng,
« thì mình sẵn lòng lấy tên vua Thượng vị mà tha
« tội cho, chẳng phải sự gì dữ sốt. Nhược bằng
« chẳng dên phục tội, thì ngày nào tháng nào phải
« phạt chẳng khỏi. »

Trong khi ấy quan đại tướng khuyên bảo người ta ở yên, vì có ý phạt kẻ nghịch và kẻ có tội mà thôi; còn kẻ lành và kẻ phục tội thì sẽ được sự lành.

11. — Quang Trung dặng trận cả thể.

Ông Quang Trung thấy chỉ nói xác xược thế ấy, thì giận quá. Có bao nhiêu binh sĩ sẵn thì đem đi tức thì, cho được đánh quân Đại Minh. Ông ấy đi vội vàng bắt phân nhứt dạ, cho nên trong 15 ngày thì đã đến Vạn Lãng, là nơi quân Ngô đã đóng trại, cùng xông vào đánh quân ấy xuất kỳ bất ý. Vốn khi trước, ông Quang Trung đánh được nhiều trận cả thể và đã giết nhiều quân giặc; song le chẳng bao giờ được trận cả thể cùng giết nhiều quân giặc cho bằng lần nầy. Vì chường nơi hai bên giao chiến với nhau thì dầy những bùn lầy; mà quân Ngô thì mặc nhiều áo cùng gánh lương thực và khí giới, nó lại dùng những giày nặng nề, cho nên

hễ bước xuống bùn tui phải chịu phép mà thôi, không thể nào mà rút chơn lên được.

Còn quân An Nam thì di chơn không, mặc áo nhẹ và cầm gươm giáo mà thôi, thì đánh quân Ngô chẳng khác gì đánh giống ngoại vật; lại nó mắc lấy chẳng giết dặng người An Nam nào. Vả lại ông Quang Trung đem nhiều voi, mà quân Ngô chẳng quen đánh thể ấy; cho nên khi thấy voi, thì sợ mà tìm đường trốn hết. Vậy những quân Ngô bị tử trận hay là phải chêt đói khi trốn dọc đường thì hằng hà sa số. Còn lính An Nam tử trận không đầy hai trăm. Bao nhiêu lương thực và những đồ khí giới vàng bạc quân Ngô đã đem sang, thì lính An Nam đã lấy dặng cả, mà các giống ấy thì nhiều lắm, vì chừng bấy mười con ngựa mới chở hết những vàng bạc quân ấy bỏ lại.

12. — Quang Trung xin Thượng vị phong vương.

Khi quân Ngô đã thua làm vậy đoạn, thì chẳng còn ai dám chống trả với Quang Trung nữa. Khi trước ông Cố Chính đã rước quân Tây Sơn về cho dựng oán phật nhà Trịnh, mà khi thấy các việc không dựng như mình đã trông, lại thấy quân ấy dữ tợn làm vậy, thì phàn nàn lắm cùng có ý làm hết sức cho dựng cứu dân lại.

Cho nên ông ấy về đầu phe giúp vua Chiêu Thống, cùng đánh nhiều trận với quân Tây Sơn, và những kẻ theo phe chúa Trịnh gọi là chúa Quê. Song đến sau ông ấy phải bắt và phải chém. Bỏ đạo tiềc ông ấy lắm, vì có lòng chính trực chẳng

thiên tư ai, cùng hay thương dân và có lòng mộ sự đạo.

Quan Ngô đã thua trận thì trở về quê; mà quan đại tướng quân ấy chẳng tau cho vua Thượng vị biết mình đã thua, một tau rằng: « Nước An Nam độc khí độc nước, quàn mình chẳng quen, nên đã phải chêt hao nhiều lắm. » — Ông Quang Trung có ý xin vua Thượng vị phong vương cho, thì cũng sai sứ qua mà làm chứng quan đại tướng quân đã tau thật. Vua mắc lừa đã sẵn, thì lấy làm tin; cho nên năm 1791, Lê Cảnh Hưng ngũ thập nhị niên, cùng là năm Tân hợi, thì vua Thượng vị sai sứ đem sắc trọng thể mà phong vương cho ông Quang Trung. Song ông ấy chẳng chịu ra Kê Chợ mà lãnh sắc, một sai quan lớn kia giả là Quang Trung mà lãnh sắc mà thôi. Ông ấy làm vua cai trị các xứ Đàng Ngoài nước An Nam thì làm vậy. Còn vua Lê Chiêu Thống đã sang bên Đại Minh xin vua Thượng vị cứu mà chẳng dặng việc gì, thì ở lại bên ấy như người dân, cùng chêt bên ấy khi đã già.

PHẦN THỨ HAI.

DOẢN TÍCH TỪ ĐỨC THẦY VÊRÔ SANG QUA
NƯỚC PHALANGSA CHO ĐẾN KHI VUA
GIA LONG ĐĂNG TRỊ LẬY CẢ VÀ NƯỚC
AN NAM (1786 — 1812).

ĐOẠN THỨ NHỨT

Từ khi Đức Thầy Vêrô đi sứ cho đến khi
người qua đời (1786 — 1799).

1. — Đức Thầy Vêrô đi sứ bên nước Phalangsa.

Đức Thầy Vêrô đã sang nước Phalangsa với ông Đông Cung cho dâng xin vua Phalangsa cứu giúp; thì năm 1786, là Lê Cảnh Hưng tứ thập thất niên, cũng là năm Bính ngũ, người mới đến nơi. Vậy người đi qua nơi nào mà thiên hạ thấy người An Nam thì lấy làm lạ lắm, vì xưa nay chưa hề thấy người An Nam sang đến nước Phalangsa bao giờ. Song khi người ta biết vua An Nam phải sự khốn khó thế nào, và Đức Thầy đem ông Đông Cung sang nước Phalangsa vì ý nào, thì ai ai cũng thương mà tỏ lòng kính. Thiên hạ bên Tây gọi ông ấy là Constantinô, vì đoán

rằng: thưở trước vua Constantinô đã liệu cho cả và Hội thánh nhờ dâng thẻ nào, thì rày ông ấy sẽ liệu cho Hội thánh An Nam dâng nhờ thẻ ấy. — Mà vua Phalangsa, là Luy thứ mười sáu, thì càng tỏ ra lòng thương hơn nữa, và thết đãi ông Đông Cung cách trọng thể cho xứng đáng bậc con vua. Ông ấy cùng những người An Nam ở trong nước Phalangsa bao lâu, thì vua liệu cho cách rộng rãi: mà bởi ông ấy cùng những người An Nam chẳng thuộc tiếng Phalangsa, mà lại Đức Thầy Vêrô quen trú trong Nhà trường *Missions-Étrangères*, là nhà sai các thầy cả sang giảng đạo trong các nước chưa có đạo, nên cũng cho ông Đông Cung trú trong nhà ấy cho tiện.

2. — Tờ giao.

Vậy khi đã bàn đi bàn lại các việc đã lâu ngày đoạn, đến ngày 28 tháng Novembre, năm 1787, là Lê Cảnh Hưng tứ thập bát niên, cùng là năm Đinh vị, thì mới lập tờ giao với nhau.

Vua Phalangsa thì giao buộc mình thế nầy.

« *Điều thứ 1.* — Vua Phalangsa và vua nước
« An Nam giao nghĩa riêng với nhau choặng gìn
« giữ vâng hộ nhau; nên từ nầy về sau hoặc vua
« An Nam phải sự gì khốn khó, hay là phải quân
« giặc nào làm nguy, hay là phải nước nào toan
« đánh, thì vua Phalangsa sẽ ra sức cứu giúp.
« Cũng một lẽ ấy, hoặc vua Phalangsa phải sự gì
« khốn khó, hay là phải nước nào toan đánh, thì

« vua An Nam cũng sẽ làm hết sức mà cứu giúp.

« *Điều thứ 2.* — Vua Phalangsa buộc mình phải
« chịu hai mươi chiếc tàu trận, đủ khí giới và quân
« lính để mà giúp vua An Nam; mà những tàu ấy
« thì sẽ đóng lớn bé, tùy ý vua An Nam.

« *Điều thứ 3.* — Vả lại vua buộc mình sai bảy
« cơ quân Phalangsa sang nước An Nam cho dựng
« giúp vua nước ấy.

« *Điều thứ 4.* — Sau nữa, vua Phalangsa buộc
« mình sai những tàu và những quân lính ấy đi,
« rồi qua bốn tháng thì sẽ gửi một trăm vạn đồng
« bạc mà giúp cho vua An Nam. Song nửa phần
« thì sẽ gửi thật bạc; và nửa phần khác thì sẽ gửi
« bằng diêm sinh, súng lớn, súng tay, gươm dao
« cùng các giống khí giới thế ấy.

« *Điều thứ 5.* — Những tàu Phalangsa ghé vào
« cửa nào, và binh sĩ Phalangsa lên đất An Nam
« rồi, mà vua muốn dùng làm sao, và sai đi đánh
« giặc đâu, thì quân Phalangsa phải vưng cả, như
« thế vua An Nam là vua mình vậy. »

Còn vua An Nam thì giao buộc mình những điều
sau này :

« *Điều thứ 1.* — Bao giờ đã dẹp được giặc cho
« nước An Nam bình yên, chẳng còn giặc giã nữa,
« thì vua An Nam buộc mình sắm sửa chõ gỗ cùng
« các đồ khác mà đóng mười bốn chiếc tàu cho
« vua Phalangsa; mà quan sứ vua Phalangsa sẽ xin
« đều ấy khi nào, thì vua Phalangsa sẽ sai một đội
« quân riêng lập phố trong nước An Nam, để mà
« áp dọn các đồ cho dựng đóng mười bốn chiếc
« tàu ấy.

« *Điều thứ 2.* — Vua Phalangsa muốn sai một
« quan riêng trong cửa nào về nước An Nam, cho
« đặng coi việc những tàu Phalangsa sang buôn
« bán bên ấy, thì vua An Nam sẽ cho như thói
« quen các nước bên Tây; mà các quan ấy muốn
« mua bao nhiêu gỗ hay là đồ nào khác, cùng thuê
« bao nhiêu người An Nam cho được đóng tàu lớn
« bé mặc ý mình, thì vua An Nam cũng sẽ cho phép
« liệu các việc ấy, chẳng được can gián cách nào.

« *Điều thứ ba 3.* — Vả lại quan Phalangsa ở
« trong nước An Nam, muốn mua gỗ chỗ nào mà
« đóng tàu cũng được.

« *Điều thứ 4.* — Vua An Nam cùng các quan
« triều bằng lòng nhường lại cho vua Phalangsa,
« và cho kẻ sẽ tức vị nối quyền thay vì người, đặng
« trị lấy Cửa Hàn (Tourane) cùng cả địa phận cửa
« ấy, và những gò nhỏ áp Cửa Phố (Faïfo) ở bên
« phía nam Cửa Hàn, và Ai Vân (le Col des Nuages)
« ở bên phía bắc Cửa Hàn; cho nên từ nay về sau
« cho đến đời đời những đất ấy đều thuộc về nước
« Phalangsa.

« *Điều thứ 5.* — Vua Phalangsa có việc phải
« dùng bao nhiêu người hay là những đồ nào mà
« xây thành đắp lũy, làm cầu, đắp đàng, đào
« giếng hay là những việc khác thể ấy trong
« những đất vua An Nam đã nhường cho, thì vua
« An Nam sẽ liệu giúp cho được bấy nhiêu người
« và bấy nhiêu đồ ấy, và sẽ lo liệu cho khỏi quân
« giặc khuấy khóa ngăn trở. Song le vua Phalangsa
« sẽ trả công cho kẻ giúp việc, cùng trả tiền mua
« các đồ dùng tùy nghi.

« *Điều thứ 6.* — Hoặc những người bỏ quốc
« chẳng chịu ở lại trong nơi nước An Nam nhường
« lại cho nước Phalangsa, mà muốn đi làm nhà ở
« nơi khác, thì vua Phalangsa sẽ bằng lòng cho
« đều ấy. Cho nên hoặc nó phải để lại ruộng
« nương vườn tược hay là của gì khác thế ấy, thì
« vua Phalangsa sẽ bồi thường cho khỏi thiệt. Còn
« về phần riêng kẻ sẵn lòng ở lại mà thuộc về
« nước Phalangsa, thì được cứ các thói phép và
« các lễ luật như khi trước; vì chưng vua Pha-
« langsa chẳng có đòi đều gì trong những thói
« phép người ta. Vậy nếu sau này, phải luận xử
« đều gì, hay là người đất ấy có việc kiện cáo gì,
« thì sẽ cứ luật phép An Nam mà đoán xét và luận
« xử các đều ấy. Vả lại ai muốn giữ đạo nào thì
« mặc ý ai.

« *Điều thứ 7.* — Các quan trong những đất ấy,
« sẽ cứ phép nước An Nam mà nộp thuế ruộng
« nương cùng tiền phố và những đều khác thế
« ấy. Quan sứ Phalangsa ở trong nước An Nam,
« thì sẽ bàn với vua An Nam cho được đồng tình
« với nhau, mà đặt kẻ thầu thuế và những kẻ
« cai trưng trong những đất ấy; cho nên phải có sắc
« vua Phalangsa và vua An Nam, cùng phải lấy
« tên hai vua mà thầu thuế. Song le vua An Nam
« chẳng chịu lấy các đều tổn phí nuôi quân lính
« lập lũy và những đều cần khác thế ấy.

« *Điều thứ 8.* — Hoặc sau này, vua Phalangsa
« phải đánh giặc trong nước nào bên Phương
« Đông, thì vua An Nam sẽ phải cho quan sứ vua
« nước Phalangsa được thầu 14 000 binh An Nam

« cho dạy đi giúp, mà những quân lính ấy sẽ nên
« như quân lính Phalangsa; cho nên các quan sẽ
« tập cho quen việc đánh giặc cùng các phép khác
« như đã quen tập quân lính Phalangsa; và các
« đều tốn phí về áo mặc, cùng sự ăn uống, và các
« đồ khác thì mặc vua Phalangsa chịu.

« *Điều thứ 9.* — Hoặc có nước nào ra sức đánh
« những quân Phalangsa đã lập thành lập lũy
« trong những đất vua An Nam đã nhường lại
« cho vua Phalangsa, thì vua An Nam sẽ gửi
« 60 000 quân lính An Nam cho được cứu giúp.»

Sau nữa, hai bên cũng giao thêm năm ba điều khác, mà ta chẳng biên lại đây, vì chẳng trọng là bao nhiêu. Vả lại những điều ấy thì có ý cắt nghĩa các điều trước cho rõ hơn, cho chắc hơn, để sau khỏi sinh sự bất thuận với nhau mà thôi.

Vậy khi hai bên đã làm *Tờ giao* thể ấy đoạn, thì hai ông quan Lục bộ Thượng thư cứ theo phép nước bên Tây mà ký tên vào tờ ấy thay mặt vua. Còn Đức Thấy và ông Đông Cung thì ký thay mặt vua An Nam.

3. — Vua Phalangsa lo sắm sửa binh sĩ sang giúp nước An Nam.

Đức Thấy ở bên ấy mà bàn và liệu các việc gần hai năm tròn, đoạn vua nước Phalangsa có ý tỏ ra lòng thương cách riêng, nên ban nhiều của rất quý giá, cùng đặt người làm *quan hoàng hoả sứ thần* mà liệu các việc nước Phalangsa trong

nước An Nam. Vua ban nhiều của lễ rất trọng cho ông Đông Cung; còn của lễ gởi cho vua An Nam thì càng trọng hơn nữa.

Vua Phalangsa có ý giữ lời đã giao mà cứu giúp vua An Nam, thì sắm sửa gởi nhiều tàu chở binh sĩ, tiền bạc và khí giới như lời đã giao. Song bởi bên nước Thiên Trước, cách nước An Nam chẳng bao xa, mà trong nước ấy có thành thuộc về nước Phalangsa, và sẵn đủ tàu đủ khí giới cùng binh sĩ nữa, nên vua gởi tờ truyền cho quan Quận Công cai thành ấy thay mặt vua Phalangsa, phải sắm sửa mọi sự mà sang giúp vua An Nam như lời đã giao. Vậy quan Quận Công ấy phải làm đại tướng cai các binh sĩ và các tàu sang bên An Nam.

4. — Quan Quận Công ở nước Thiên Trước giong trở.

Vua Phalangsa có ý liệu làm vậy cho mau xong, bởi vì Thiên Trước ở gần nước An Nam. Khi Đức Thầy Vêrô và ông Đông Cung ở nước Phalangsa mà trở về, thì vua bao hai chiếc tàu đưa đến nước Thiên Trước mà thôi. Bấy giờ các việc ra khác đi cả. Dầu quan Quận Công rước cùng thiết đãi ông Đông Cung cách lịch sự trọng thể mặc lòng, song ông ấy chẳng bằng lòng sang giúp nước An Nam.

Bê ngoài thì người lấy lẽ rằng: liệu làm vậy thì là đều nặng cùng thiệt hại nước Phalangsa lắm; còn bê trong thì ghét Đức Thầy Vêrô, vì có thân

thể trước mặt vua đường ấy. Bởi vậy đã sinh nhiều điều bất thuận, chẳng vội vưng lời vua mà lo dọn tàu hay là sắm khí giới, một xin giãn ra xem thử việc sẽ ra thế nào. Vậy ông ấy có ý làm mất lòng Đức Thầy Vêrô, thì giả như chẳng tin lời người, cũng gửi quân do sang An Nam, xem thử có thật như lời người nói chẳng. Ông ấy lại muốn chạy sớ tâu vua Phalangsa các việc mà xin khoan đã.

5. — Đức Thầy Vêrô mắc trở dằng nợ, thì liệu dằng khác.

Đức Thầy Vêrô thấy làm vậy thì buồn lắm, vì đã muốn vội vàng lo cứu giúp vua An Nam cho chóng. Người biết quan Quận Công Phalangsa có lòng thế ấy, thì chẳng có lẽ nào mà làm thành việc; cho nên người cũng chạy sớ tâu vua Phalangsa các việc, mà xin vua đặt ông khác làm đại tướng cai binh sĩ sang An Nam. Khi ấy vua Phalangsa chẳng còn liệu được việc gì nữa, vì nước Phalangsa khổ nạn lắm, phải quân nguy dậy lên làm loạn, phá phách mọi sự; cho nên các điều vua đã giao với vua An Nam đã hầu ra không.

Song le Đức Thầy Vêrô có sức ngần nào, thì quyết làm hết sức ngần ấy choặng giúp vua An Nam. Người có nhiều tiền bạc sẵn, vua Phalangsa đã trao cho y như *lời giao*, nên dùng tiền bạc ấy mà sắm hai chiếc tàu cùng khí giới, và các đồ khác. Vả lại có những người giàu có nước Phalangsa, ở bên nước Thiên Trước, đã phàn nàn cùng trách quan Quận Công vì đã ngăn trở việc ấy; lại các người ấy cũng muốn cho hai người giao nghĩa

với nhau, nên sẵn lòng giúp tiền bạc cùng các việc khác cho Đức Thầy Verô sắm hai chiếc tàu ấy. Lại có nhiều quan hay nghề võ, nghề thủy, và nhiều quân lính xin theo Đức Thầy Verô mà sang giúp vua An Nam. Cho nên hai chiếc tàu ấy đều đầy đầy quan quân cùng các khí giới. Quan Quận Công thấy làm vậy, thì cũng làm hòa lại với Đức Thầy, và sắm một chiếc tàu trận lớn mà đưa người sang An Nam.

6. — Trong nước An Nam đã đồn tiếng về binh sĩ Tây đến cứu giúp Vua.

Khi Đức Thầy còn ở bên Thiên Trước, mà quan Quận Công sai tàu nhỏ sang bên An Nam cho đặng do và xem thử các việc thế nào, thì Đức Thầy cũng đã dùng dịp ấy mà gửi thư cho vua An Nam đặng biết các việc thế nào, và mình đã liệu làm hết sức cho đặng giúp việc nhà nước thế nào nữa. Thiên hạ trong nước An Nam nghe các điều ấy, thì đồn tiêng ra nói thêm nhiều điều mà rằng: Vua Phalangsa sai hàng trăm chiếc tàu và muôn vạn binh sĩ sang đánh quân Tây Sơn. Người ta nói thêm làm vậy, thì dân và kẻ có lòng trung với vua đều mừng rỡ quá sức; mà những kẻ về phe vua Nguyễn mừng là bao nhiêu, thì quân Tây Sơn lo sợ là bấy nhiêu. Người ta thấy tổ tướng tàu đã sang do, thì ngờ các điều thiên hạ đồn là thật cả.

7. — Vua Nguyễn Anh mắng tin Đức Thủy Vêrô hồng về thì trở về Đồng Nai.

Vua đã sang bên Xiêm cùng cả và nhà, như lời đã nói trước nầy. Ở đó người phải khốn khó lắm vì như phải giam lỏng, chẳng dặng đi đâu sốt, cùng có quân do rình mò mãi. Vậy vua nghe tin Đức Thủy đã liệu các việc thế nào, thì trốn ra khỏi nước Xiêm. Bao nhiêu người An Nam ở nước ấy cũng đi theo vua. Khi vua đến Cửa Đại trong Đồng Nai, thì tình cờ gặp chiếc tàu lớn vua Thái Đức ở Qui Nhơn dạy đem thơ cho em, là Trưng Đình Vương, ở trong Đồng Nai.

8. — Vua bắt tàu quân Tây Sơn.

Chúa tàu ấy chẳng ngờ vua An Nam ở gần thế ấy, nên chẳng có ý tứ giữ tàu là bao nhiêu. Vua bắt dặng tàu, và giết hết quan quân ở trong ấy. Trong các đồ bắt dặng, thì có thơ ông Thái Đức gửi mà bảo em, là Trưng Đình Vương, phải chém ông Bảo Tham cho chóng; mà ông Thái Bảo Tham ấy là quan đại thần có danh tiếng trong cả và nước, vì rất khôn ngoan, cùng coi các cơ đội ông Trưng Đình Vương, và giúp nhiều đều lắm. Song le bởi đã bị cáo đều nặng, cho nên ông Thái Đức hồ nghi cho ông ấy mà có ý giết đi. Ông ấy có thân thể và quân lính phục ông ấy lắm, nên ông Thái Đức chẳng dám bắt tội to

trường, một có ý bảo em tính làm vậy cho kín việc má thối.

9. — Vua lăm và thua.

Vua Nguyễn Anh thấy thơ ấy thì mừng lắm cùng vội vàng gởi cho ông ấy, vì ngờ rằng: ví bằng ông ấy biết tỏ ông Đinh Vương có ý giết mình, thì sẽ bỏ Tây Sơn và sẽ đỡ đặng ông ấy theo giúp mình. Song vua đã lăm, vì chưng quan Bảo Tham có ý làm nguy với ông Trùng Đinh Vương cho dặng làm vua trong Đông Nai. Nhon vì sự ấy chẳng những là chẳng chịu phục vua Nguyễn Anh, lại đem quân dên đánh khi xuất kì bất ý; cho nên vua phải thua mất hết mọi sự và phải trốn kiếm nơi ẩn mình.

Bởi vậy khi Đức Thấy Vêrô đem tàu Tây dên thì chẳng gặp vua. Còn ông Bảo Tham khi đã đánh vua rồi, thì lại đem quân đánh ông Trùng Đinh Vương; ông ấy cũng phải thua, thì trốn về Qui Nhơn, xin anh là ông Thái Đức cứu; song chẳng kịp, vì Trùng Đinh Vương đến Qui Nhơn, qua một tháng phải bệnh nặng mà chết.

10. — Vua dặng thè lại ít nhiều.

Vua Nguyễn Anh ẩn mình một hai tháng đoạn, thì sai kẻ cao rao rằng: « tàu Tây dên giúp thì nhiều lắm, cùng đã dên gần.» Bởi vậy có nhiều người tìm dặng mà giúp vua, vì tin thật có nhiều tàu đến giúp, thì bề nào vua cũng sẽ đắc thè. Nhon vì sự ấy vua

lại ra mặt cùng lập lũy nhỏ gần Cửa Đại.

Quan Bảo Tham nghe tiếng các tàu Tây đến thì cũng sợ; lại nghe tin vua ở trong lũy nhỏ, thì đến vội cho đặt bắt khi tàu Tây chưa đến. Bấy giờ quân giúp vua bắn năm ba mũi súng, thì quan Bảo Tham ngờ là vua đã có khí giới bên Tây rồi, nên chẳng dám đánh, lại trốn về. Khi ấy nếu vua có sai quân theo bắt quân giặc thì dễ lắm; song bởi có ít thuốc súng và ít đạn mà bắn thì vua chỉ ra sức giữ, vì chẳng biết sau sẽ ra thế nào.

Vua khôn khéo cùng quý quyết lắm; người già có lòng thương quân giặc và bảo quân mình rằng: « Quân giặc ấy là quân nguy mặc lòng cũng là dân ta phải thương. »—Người ta nghe nói làm vậy, thì khen có nhơn đức lắm cùng hay thương người ta. Bởi vậy thiên hạ càng phục hơn nữa. Vua cậy thế rằng: ít lâu sẽ đặt lính tiếp bên Tây sang, thì sẽ cứ việc đánh với ông Bảo Tham. Hai bên đánh nhiều trận mà chẳng ai thắng hay là thua. Song khi ông Bảo Tham nghe tin tàu Tây đã đến gần, thì chẳng dám ở trong Đồng Nai nữa. Nên đã trốn sang xứ Ba Đáo (Ba Thắc) ở nước Cao Mên, vì có nghĩa riêng với quan Ốc Nhà Sốt làm như chúa cai trị xứ ấy. Vì khi trước hai ông đã giao với nhau cho được giúp nhau, để cho sau một ông làm vua Đồng Nai một ông làm vua Cao Mên.

11. — Ông Bảo Tham thua và ra hàng đầu.

Vậy khi ông Trưng Đình Vương chết rồi, và ông Bảo Tham trốn sang bên Cao Mên rồi, thì chẳng

còn giặc nào trong miền ấy chống trá với vua nữa. Nhưn vì sự ấy vua lại vào thành Sài Gòn; lần ấy là lần thứ bốn. Vua lại lấy dặng cả xứ Đồng Nai và xứ Tam Giang cùng Hà Tiên nữa, vì quân giặc đã trốn đi rồi, mà thiên hạ thì sẵn lòng phục vua Nguyễn Anh.

Qua một ít ngày, vua thâu các binh sĩ mà đem sang bên Cao Mên cho được đánh ông Bảo Tham và ông Ốc Nhà Sốt. Khi đần, thì giáp trận riêng với quân Cao Mên mà được trận, lại quan Ốc Nhà Sốt bị tử trận. Đền sau lại giáp trận với ông Bảo Tham; vừa giáp trận rồi thì quân Cao Mên liền trốn đi hết; nên ông Bảo Tham phải thua mà xuống tàu trốn đi. Ông ấy có ý theo rạch mà ra biển; đoạn thì ẩn mình trong các cối xung quanh hay là ra ngoài Huê. Chẳng hay ông ấy ra rạch, chẳng khỏi bao lâu, phải tay quân vua bắt dặng, Ông ấy mang gông mà chịu hàng, lại đên xin phục tội với vua.

12. — Ông Bảo Tham phải xử tử.

Vua biết tỏ tường ông ấy khôn ngoan, thì đã tha mọi tội cùng trả các chức lại cho. Nhưng mà qua ít lâu, ông ấy cứ tính nghịch mà toan làm nguy lại, thì vua truyền chém đi.

Ông Bảo Tham ấy độc dữ cùng đã làm nhiều đên bạo ngược lắm. Khi trước đã bắt dặng bao nhiêu quân vua thì chém đi hết. Ông ấy chẳng xem người ta là gì, đên đổi ở dữ tợn với kẻ thân thích với mình nữa. Có một lần mẹ ông ấy khuyên bảo

bớt sự bạo ngược, thì ông ấy giận và nhiều nhóc mẹ nhiều dều; lại rút gươm ra mà đe rằng: « Nếu mà có hai mẹ thì mẹ nấy phải chết tức thì. »—Vua luận ông ấy phải chêt chém, thì chẳng ai thương tiếc.

13 — Đức Thầy Vêrô đem tàu vào cửa Đổng Nai.

Đền năm 1789, là Lê Cảnh Hưng ngũ thập niên cùng là năm Kỷ Dậu, thì tàu trận lớn đưa ông Đổng Cung về cùng Đức Thầy Vêrô mới đèn ghé vào cửa Lấp Đổng Nai. Bấy giờ vua mắng rõ thế nào, thì chẳng có lẽ gì mà nói cho xiết. Vì dấu chẳng dặng nhiều tàu và nhiều binh sĩ y như vua đã trông và vua Phalangsa đã giao mặc lòng, song dặng thấy con về bằng yên vô sự. Qua một ít ngày, hai chiếc tàu riêng Đức Thầy Vêrô đã sấm bên nước Thiên Trước cũng vào cửa bình yên nữa.

Vậy vua dặng nhiều tàu và nhiều quan khôn ngoan giúp mình mà cứ việc đánh giặc cho xong. Trong các quan trong tàu thì có nhiều ông có danh tiếng lắm, như ông Disót (Dayot) là quan chánh quản đốc cai tàu ấy. Đền sau người giúp được nhiều việc trong nước An Nam, cùng chẳng trở về bên Tây. Người làm quan Chưởng thủy trong nước An Nam. Lại có ông chúa tàu Long và nhiều ông khác nữa.

Vua mắng rõ lắm, cùng sai các quan đi rước cách trọng thể. Lại viết thư cách lịch sự mà dõn ơn vua Phalangsa, vì đã có ý liệu cho mình được nhờ làm vậy. Trong thư ấy thì rằng: « Chẳng biết

lấy lời nào mà trả nghĩa cho vua Phalangsa ...» Lại nơi khác rằng: «Đã tỏ vì chẳng y như lời đã giao khi đầu, thì sự ấy chẳng tại vua Phalangsa.»— Vua mắng làm vậy thì phải lẽ; vì chưng, chẳng những đã dựng ba chiếc tàu và nhiều quan quân khôn ngoan, mà lại các đồ lễ quý trọng, và những tiền bạc vua Phalangsa gởi, thì đã đến nơi. Cho nên vua dựng những tiền bạc ấy mà mua cùng sắm sửa tàu khác, và dọn các đồ cho dựng đánh giặc.

Thật từ ấy về sau vua một ngày một mạnh; còn quân giặc một ngày một phải kinh sợ, và chẳng dám vào Đông Nai mà trêu vua nữa. Vả lại khi ấy cũng có nhiều tàu buôn bên Tây sang Đông Nai mà buôn bán; bởi vì đất Đông Nai thì tốt lắm, hay sinh ra những lúa, bông, cau, đường cát, hồ tiêu, gừng, sáp, tơ, gà, lợn, hoa quả, sừng gõ rất bền mà đóng tàu, và những giống khác thế ấy. Cho nên những tàu ấy chở đem những khí giới, thuốc súng và các đồ binh khí để bán cho vua mà mua các đồ thổ sản, thì lợi cho vua lắm. Người lại cho mấy lái buôn ấy sang Macao và Manila cho dựng mua tàu, và lấy tên vua mà mời các lái buôn bên ấy sang buôn bán bên Đông Nai nữa.

14. — Ông Quang Trung tìm thấy thuốc tây làm thuốc cho vợ.

Khi ấy vợ cả vua Quang Trung ở tại Huế phải bệnh nặng lắm. Bà ấy là vợ cả, vì ông Quang

Trung đã lấy trước hèn. Song chẳng gọi hoàng hậu, vì đã đặt vợ thứ hai, là con vua Lê Cảnh Hưng, làm hoàng hậu. Vậy bệnh thì một ngày một nặng, mà các thầy thuốc đã chạy rồi, và đồn tiếng rằng: thuốc nào cũng chẳng làm gì; có thuốc tây thì mới chữa đặng mà thôi.

Ông Quang Trung yêu bà ấy lắm, thì truyền dạy phải tìm thầy thuốc nào trong các ông quen sang giảng đạo cho đặng làm thuốc cho bà ấy. Khi ấy các ông Tây ở trong nước An Nam đã phải trốn ẩn; và quân Tây Sơn nghe tâu Tây đã sang giúp vua Nguyễn Anh, thì sinh lòng ghét những người Tây lắm, cùng ra như cấm đạo. Song ông Quang Trung cậy một ông kia có đạo tim cho đặng ông Tây.

Người bốn đạo ấy đã quen biết một ông kia, tên là Phanxicô Vira, có tiếng biết làm thuốc, thì xin ra mặt với vua tại Huế. Khi đầu ông ấy lo lắm vì đã biết tính ông Quang Trung thế nào, nếu chẳng chịu ra mặt, thì e vua giận mà thêm bắt đạo; nhưng bằng có ra mặt và làm thuốc cho bà ấy chẳng đặng, thì khó lòng đàng khác. Bởi đó cho nên ông ấy suy đi nghĩ lại, cùng bàn các việc ấy với Đức Thầy Gioang (Mgr de Véren), mà phú mọi sự trong tay Đ C T, mới ra mặt với vua.

Vua thết đãi ông ấy cách lịch sự; song khi người toan làm thuốc, thì các quan sinh nghi ra, mà rằng: « Ông ấy là ngoại quốc thì khó tin lắm, nên xin vua đừng cho ông ấy làm thuốc. » Đang khi các quan dùng dằng bàn đi bàn lại thế ấy, thì bà ấy chết. Cho nên vua giận mà truyền đóng

gông các quan vì chẳng cho ông ấy làm thuốc.

Ông ấy thì mừng rỡ hết lòng hết sức; vì không làm thuốc cho bà ấy, mà chẳng ai trách mình dặng; lại nhờ đảng khác, là ông Quang Trung có lòng vì nể, thì để các bản đạo bằng an.

Vậy ông Quang Trung cầm ông ấy lại, mà sai sang Macao mời các lái buôn bên Tây sang buôn bán bên An Nam, cùng đem sinh diêm, thuốc súng, khí giải, cùng các đồ binh khí. Bấy giờ ông ấy phải vưng mà trả đi; nhưng mà khi ở Macao, thì chẳng dám trở về với vua Quang Trung nữa. Cũng một khi ấy Đức thầy Gia đã sang chịu chức bên Macao, thì ông Phanxicô Vira liền trở về nước An Nam với Đức thầy Gia.

15. — Đảng Ngoài phải Tây Sơn làm khốn.

Lúc ấy cả và xứ Đảng Ngoài ra xôn xao quá lẽ. Quân lính vua Quang Trung thì ra như kẻ cướp, tràn ra khắp mọi nơi, cướp làng nọ, đốt làng kia, giết người ta. Nó giận ghét hay là muốn oán thù ai thì giết đi, mà chẳng có ai làm gì dặng.

Nó đốt ba làng gần Thọ Ký; lại vào họ Thọ Ký hai ba lần, thì người ta trốn đi hết, cùng ẩn mình trong mía. Nhưng mà ơn Đ C T phù hộ cho họ ấy cách riêng, thì nó chẳng làm hại dặng. Họ Kẻ Gai thì phải đốt đi cả, chẳng sót một nhà nào. Có một nhà thờ với nhà phước khỏi cháy mà thôi. Quân ấy cũng giết một người Kẻ Gai nữa. Các xứ Đảng Ngoài thì xôn xao thế ấy cả. Người ta khốn cực lắm, chẳng ai dặng nghĩ yên trong nhà

sốt; ai cũng phải sợ nó; mà kẻ giàu thì càng phải lo sợ hơn nữa. Quân ấy ăn cướp cùng phá phách mọi sự làm vậy nên thiên hạ đói khát lắm.

16. — Vua Nguyễn Anh nhờ các quan Tây giúp mà đánh giặc lại.

Vua Nguyễn Anh cai trị xứ Đông Nai, xứ Ba Thắc và Cao Mên mà thôi; còn các xứ khác trong nước An Nam, thì về quân Tây Sơn. Nhưng mà bởi quân ấy đã biết đảng sợ ông Nguyễn Anh, thì chẳng dám vào đánh; và ông Nguyễn Anh cũng chưa dám chọc quân Tây Sơn. Vả lại hai bên đã mỗi một, vì cả nước An Nam bị loạn lạc giặc giã đã lâu, thì dân đó cũng đói khát, dân sự cũng đã hao nhiều lắm. Bởi đó hai bên phải ở yên mà giữ nhau vậy đã.

Song vua Nguyễn Anh không chịu ngồi không, một nhờ dịp tạm yên ấy, mà sắm cho sẵn mọi đồ đánh giặc. Lại vì hai bên chẳng có giao hòa với nhau, thì ai ai cũng biết tỏ sau này sẽ đánh nhau chẳng khỏi; và ông Nguyễn Anh có ý lấy lại cả nước An Nam. Bấy giờ vua nhờ các quan bên Tây mà sắm sửa mọi sự như phép bên Tây. Ông Disot áp việc thủy, thì dọn tàu đồng; còn ông Dade (Olivier) thì sửa sang các lũy thành Sài Gòn cho vững, cùng lập nhiều lũy khác. Các quan khác thì tập binh An Nam như phép binh lính bên Tây, và dọn các khí giới khác nữa.

17. — Vua tốt trí khôn và gan dăm.

Các quan thấy vua mau mắn dọn dẹp mọi sự, lại mau hiểu các việc thế ấy, thì lấy làm lạ lắm. Vì chưng đều gì vua chưa thấy cùng chưa biết mặt lòng, song như các quan nói một lần, thì hiểu ngay cùng bắt chước đặng. Cho nên ai ai cũng khen vua là người tốt trí và khôn ngoan lắm. Vả lại, vua chẳng nghĩ yên bao giờ; khi thì đốc suất các thợ, khi thì đi biên các kho; hoặc coi tập binh hay là đắp lũy. Người cũng khéo bày đặt nhiều đều khôn ngoan, lại thượng trí sáng dạ cùng chăm học hành; nên dầu người phải khổn khó từ thuở bé, những chạy đàng nợ nần kia, chẳng mấy khi được ngồi một nơi cho yên, nên chẳng kịp học hành là bao nhiêu, song cũng hay chữ lắm.

Khi nào thấy sự gì lạ, liền chăm học cho hiểu. Vốn vua chẳng biết chữ bên Tây, nên phải cậy các quan cất nghĩa mọi đều, nhứt là các tờ đã vẽ hình tượng các khí giới và những cách đắp lũy xây thành, đóng tàu hay là các đều khác thế ấy, thì vua chỉ xem những sự ấy lắm. Vả lại nhiều sách và địa đồ đã mua bên Tây, thì người chăm học mà hiểu hầu hết.

Vua cũng là người gan dăm lắm, khéo bày mưu kế mà bắt quân giặc. Người chẳng những là sai các quan đi đánh giặc, mà lại người đi cầm quân mà đánh nữa. Cho nên ai ai cũng nói rằng: « Ví bằng các quan có gan dăm và hay mưu kế

« như vua, thì âu là quân giặc chẳng dặng trận
« nào. »

18. — Ít nhiều đều can gián nhà vua.

Song cũng có kẻ chê vua rằng : « Chẳng được
vững lòng ; vì khi nào dặng thành sự thì vui mừng
quá ; bằng khi phải khốn khó ít nhiều, hay là khi bị
trận thì ra như ngã lòng và sợ hãi quá . Vậy khi
nào đã được trận thì vui mừng quá lễ, chẳng
biết thừa dịp thắng trận mà theo bắt quân giặc
và ép nó chịu phép cho xong . » — Có kẻ lại trách
rằng : « Chẳng hay cầm giữ quân mình cho đủ,
nên bắt người ta nặng việc quan quá . »

19. — Vua đánh trận thủy tại cửa xứ Qui Nhơn.

Năm 1791, là Lê Cảnh Hưng ngũ thập nhị
niên cùng là năm Tân hợi, khi vua dọn được
nhiều tàu chiến, nhiều khí giới, và tu bổ thành
Sài Gòn cho vững thể đoạn, thì dõc lòng đi tìm
quân giặc cùng đem quân ra khỏi cửa Lấp,
là cửa Sài Gòn, mà kéo ra Qui Nhơn. Khi ấy ông
Thái Đức chẳng hồ nghi đếu gì ; những ngờ mình
dặng bằng yên vô sự ; lại đi sẵn xa lăm, mà bao
nhiều tàu ông ấy thì đã họp trong cửa Chợ Giã
gần Qui Nhơn hết thấy .

Vậy tàu ông Dade cai thì đi trước, mà Nguyễn
Anh cùng các tàu thì đi sau cách xa một trống
canh dặng. Ông Dade vào một mình mà bán súng
đánh các tàu quân giặc. Quân giặc thấy tàu Tây

thì sợ hãi lắm; song cũng ra sức bắn trả, mà không mũi nào bắn nhằm sốt. Ông Dade vào cửa nhằm khi nước ròng, nên tàu ông ấy phải mắc cạn chẳng đi được nữa. Vậy phải dùng những khẩu súng ở trước mũi tàu mà bắn thì càng khó lắm, song cũng đánh, và quân giặc đã phải chết nhiều; còn quân ông ấy thì bằng an vô sự.

20. — Vua đốt ghe chiến của quân Tây Sơn.

Qua một ít lâu, thì vua cùng các tàu khác mới vào cửa mà đánh; quân giặc phải thua trận cả thảy. Những kẻ bị tử trận thì nhiều, còn kẻ khác thì trốn đi cả. Khi đầu vua thấy mình được trận làm vậy thì mừng quá, mà truyền đốt các tàu quân giặc. Bấy giờ có một tàu lớn và một kho đầy tiền, còn hai kho khác đầy đồ đạc quần áo, thì vua truyền đốt ba kho ấy đi, cho quân giặc chẳng còn dùngặng nữa. Nhưng mà khi vua thấy lửa phát lên cháy bấy nhiêu tàu thì tiếc lắm, lại truyền ra sức chữa lửa đi; nên còn giữ lấy được năm chiếc tàu trận lớn, hai mươi chiếc nhỏ, và bốn mươi thuyền nhỏ. Vua cũng lắm một điều nữa, là khi ông Thái Đức đi khỏi như đã nói trước, mà quan quân kinh khiếp, vì đã thua, thì vua phải thừa dịp mà vây thành Qui Nhơn và bắt các xứ xung quanh nữa. Nhưng mà vua ngại vì ít quân chẳng dám lên vây Qui Nhơn, một đêm binh khởi hoàn mã thôi. Vua đặng bấy nhiêu tàu quân giặc và những đồ khác mà đem về Đông Nai, thì lấy làm vui mừng lắm.

21. — Quang Trung sắm sửa giúp Thái Đức mà chẳng kịp.

Khi trước ông Thái Đức khinh dể vua Nguyễn Anh, mà bây giờ phải thua trận và mất hết ghe chèo làm vậy, thì xấu hổ giận dữ quá lẽ, chẳng còn trông đánh thủy nữa, vì đã mất hết tàu hết ghe rồi, chỉ còn chín chiếc ghe ở, ông Nguyễn Anh chẳng truyền đốt, vì nọ rằng: « Để dành cho ông Hoàng đề dùng đi dạo chơi trên mặt nước. » — Ông Quang Trung khi nghe anh mình đã phải thua làm vậy, thì giận bầy gan; lại sợ e ông Nguyễn Anh lại ra đánh mình, nên họp binh sĩ lại và sắm sửa các tàu các ghe cho dặng cứu giúp anh. Lại muốn giục lòng binh sĩ, thì đã ra thưởng dụ nhắc lại các việc cả thế mình làm, và những trận đã được xưa nay; lại thêm những lời khinh dể ông Nguyễn Anh rằng: « Danh Chung (tên Nguyễn Anh khi còn nhỏ,) « trốn ẩn mình nơi nọ nơi kia, và cầu những « Tây Dương như đèn cứu giúp. Dầu danh « Chung, dầu các Tây Dương như, thì cũng « chẳng làm chi được, vì chẳng có gan dăm cùng « chẳng hay nghề võ; chớ khá đam lòng sợ làm « chi ». — Người nói nhiều đều khác kiêu căng làm vậy, song chẳng kịp lo liệu việc gì; vì Quang Trung mê tửu sắc lắm, chóng ra hư thân, những buồn bã quá lẽ hay là hoảng hốt cuồng tâm mà chết khi mới bốn mươi lăm tuổi.



22. — Cảnh Thịnh nổi quờn trị Đàng Ngoài.

Quang Trung có nhiều con trai; song yêu hai đứa hơn, là hoàng Triếp và hoàng Thùng. Dẫu hai người ấy còn trẻ tuổi, thì cũng để cả hai cho nối quyền thay vì mình; nhưng mà có một ông hoàng Triếp lấy tên vua gọi là Cảnh Thịnh. Vậy bởi Cảnh Thịnh và hoàng Thùng còn trẻ tuổi, thì mọi sự mặc các quan triều. Các quan chẳng có lòng với hai trẻ ấy là bao nhiêu; một có ý tìm ích riêng mình mà thôi. Hễ ai có quyền thế hơn thì dè lấp kẻ khác và chiếm lấy quyền phép cả mà cai trị. Như vì sự ấy chẳng những là chẳng ai lo sự cứu giúp ông Thái Đức, mà lại các quan bất thuận với nhau, chẳng còn phép tắc thứ tự trong các xứ Đàng Ngoài. Các quan nhỏ và quân lính muốn làm sao thì làm; cho nên dân sự Đàng Ngoài một ngày một thêm khốn khó.

23. — Đức Thủy Vêrô dặng thân thế. — Các quan ganh gổ.

Đức Thủy Vêrô ở trong Đông Nai thì dặng bằng yên vô sự, vì vua dẫu yêu tôn kính và đặt làm quan đại thân; lại cấp cho hai trăm binh riêng. Khi vua chẳng đi đánh giặc, thì chẳng mấy ngày mà chẳng dên thăm người. Đức Thủy lại đi chầu vua hằng ngày; vua toan liệu sự gì thì bàn với người, cùng theo ý người mọi bề. Như vì sự ấy ai ai cũng kính người; dân sự thì yêu mến người

vì đã liệu nhiều việc cả thể cho thiên hạ đặng an cư lạc nghiệp; lại nhiều quan quyền phải luận xử tử mà Đức Thầy xin được vua tha. Các bốn đạo thì đặng phép rộng mà giữ đạo.

Đầu vậy mặc lòng, người cũng phải sự khốn khó, vì các quan thấy vua tin người cách riêng, thì ghét cùng bày nhiều mưu mà nói gièm bở vạ. Lại có nhiều quan ghét sự đạo, nên khi thấy vua phú ông Đông Cung cho Đức Thầy coi sóc dạy dỗ, thì càng ghét hơn nữa, mà rằng: « Người là ngoại quốc, và làm thầy đạo, dạy ông Đông Cung thì làm sao cho phải. » Các quan nói làm vậy vì sợ ông Đông Cung trở lại chịu đạo. Các quan lo về đảng ấy thì cũng có lẽ.

24. — Đông Cung mộ sự đạo.

Vì Đông Cung ở một nhà, và ngồi ăn một bàn với Đức Thầy thì đã quen nói việc đạo, và đọc kinh xem lễ hằng ngày. Đức Thầy biết ý vua và các quan chẳng muốn cho Đông Cung theo đạo, thì chẳng dám dạy dỗ lẽ đạo cách tỏ tường. Đức Thầy làm lẽ sớm lẩm, vì người ban ngày mắc nhiều việc với các quan, nên ông Đông Cung xin người đánh thức mình cho được xem lễ hằng ngày. Hoặc có khi nào Đức Thầy chẳng đánh thức, thì người ra dấu phàn nàn năn ní Đức Thầy.

25. — Đức Thủy phải các quan ghét và cáo gian cùng vua.

Khi ấy có quan lớn kia, tên là ông Giám, thour đầu thì ghét đạo, mà bởi đã nói lẽ đạo với Đức Thủy nhiều lần, thì quyết trở lại chịu đạo. Từ ấy về sau người ra ngoan đạo; nên các quan khác một ngày một thêm ghét Đức Thủy.

Vậy có mười chín ông làm sứ tấu mà cáo Đức Thủy nhiều điều; cùng xin vua đừng cho người làm thầy dạy ông Đông Cung nữa. Vua thấy điều ấy thì giận quá, cùng trách các quan nặng lời; lại có ý giấu chẳng cho Đức Thủy biết sự ấy. Đức Thủy nghe biết các việc, thì tâu rằng: «Vua đã rõ «biết xưa nay, tôi hết lòng giúp việc nhà nước: «mà rày các quan có lòng ghét làm vậy, thì xin «từ các chức vua đã ban cho tôi, và để tôi lo «một việc coi sóc bản đạo mà thôi.» Vua thấy người biết mọi sự, thì ra dấu phiến muộ, cùng cho người xem sứ các quan đã dâng; lại cho người biết mình có ý phạt các quan ấy thế nào.

26. — Đức Thủy lấy lòng bao dưỡng với kẻ thù ghét mình.

Đức Thủy nài xin vua tha mọi sự cho các quan cho yên việc; lại bởi có nhiều việc khác các quan cũng ghen tương, nên người quyết bỏ nước An Nam mà về bên Macao. Vua đã dọn tàu đưa người đi, song khi đã hòng xuống tàu thì vua hồi tâm lại, cầm lại chẳng cho trẩy đi. — Vốn từ đầu chí cuối vua chỉ một lòng với Đức Thủy,

chẳng dỗi bao giờ; lại càng quen người thì càng phục, và tỏ ra lòng yêu mến tin cậy người. Đức Thầy thấy sự làm vậy thì năn nỉ lắm, vì có ý cho an lòng mọi người, chớ ai ghét và bất nết làm chi; nên xin nài vua tha sự dạy ông Đòng Cung, lại người chẳng đi châu vua nữa. Vua dền thăm hay là mời người cách riêng thì mới dền với vua. Các quan càng ra sức làm mất lòng người, thì vua càng có lòng vì nể, năng dền thăm bàn việc nọ việc kia với người.

27. — Đòng Cung chỉ lo sự đạo.

Ông Đòng Cung chẳng còn ở một nhà cùng Đức Thầy, thì càng ra dẫu nhớ người hơn nữa, và năng dền thăm viếng. Khi ấy mới nên mười ba hay là mười bốn tuổi và đã khôn lắm; mà bởi đã biết tó các quan chẳng bằng lòng cho ở với Đức Thầy, vì sợ người trở lại chịu đạo, thì càng ra sức dền thăm Đức Thầy cách kín đáo; lại chọn những thầy tớ có đạo mà hầu hạ cho để xem lễ, đọc kinh và xem sách đạo. Người cũng tỏ ra lòng phiền muộn vì chưa dặng chịu phép rửa tội, và e sợ chết hụt mà chẳng kịp chịu phép ấy chẳng. Bởi vậy người xin Đức Thầy dạy cho biết cách rửa tội, để sau nầy hoặc mình phải ốm đau mà chẳng có ai có đạo cho dặng rửa tội cho, thì mình dặng bày cho kẻ khác biết dặng làm phép ấy cho mình.


28. — Đức Thầy trả ơn cho kẻ làm oán.

Đức Thầy hằng giữ mình luôn kéo người ta bắt nết đều gì; người lại ra sức lấy sự lành mà trả cho kẻ toan làm sự dữ cho mình. Vậy chẳng khỏi bao lâu, trong mười chín ông đã cáo gian, thì có hai ông phải tội rất nặng và đã phải luận chêt chém. Vậy người xin dâng vua tha tội cho. Những quan lớn khác cũng đã dâng miễn tử vì người đã xin vua tha cho, thì hơn mười lăm ông.

Dầu người có công giúp việc nhà nước, và hay lấy lòng như đức làm sự lành cho người ta thể ấy mặc lòng, song đến sau lại có quan lớn kia cáo các Thầy đạo khoét con mắt người ta mà làm ngọc; lại rằng: «Mình đã vào nhà thờ kia, thì thấy tổ tường một bình đầy những con mắt Thầy đạo đã khoét thể ấy.» — Việc ấy đã đến tai vua và các quan, lại nói thêm nói thừa nhiều điều khác mà chê việc đạo. Bấy giờ Đức Thầy xin vua tra xét sự ấy cho đến gốc; hoặc có thật, thì cứ phép mà phạt các Thầy đạo, bằng chẳng thật thì cấm chớ để cho ai bày đặt bỏ vạ cho đạo làm chi.

Vậy vua đòi quan ấy đến mà ép làm chứng các đền đã cáo các Thầy đạo mà rằng: «Vi bằng có chứng có tổ tường thì sẽ phạt các Thầy đạo và bắt tội nặng chẳng tha. Nhược bằng đã nói chẳng thật, thì phải chêt chém.» — Quan ấy xin vua cam chịu vậy vì con mắt mình đã xem thấy tổ tường. Vua liền sai ba bốn quan lớn đi đến nơi đã chỉ, lại ông ấy cũng đi với nữa. Bấy giờ thấy vua tra

chứng cứ đều ấy cho thật, thì mới biết dằn sợ mà chữa mình rằng: « Nghe người ta nói, thì ngờ là thật. » — Vua chẳng chịu lẽ ấy, một bát phải đèn nơi: mà bởi chẳng tìm thấy đi gì sốt, thì vua luận ông ấy phải chêt chém. Đức Thấy nài xin hết sức thì vua mới tha. Từ ấy về sau các quan chẳng ai còn dám nói sự khoét con mắt nữa.

29. — Vua khôn ngoan tra xét  phao vu bỏ vạ.

Lại có một lần khác, các quan đồng tình với nhau mà cáo các Thầy đạo hay làm bùa mà làm hại người ta. Các quan cũng đem một người kia làm tang tích đèn trước mặt vua mà rằng: « Người này đã bị bùa các Thầy đạo, nên ra cầm, chẳng còn nói dặng lời gì nữa. » Vua đã hiểu ý thì giả giận mà rằng: « Ai ngờ là những Tây Dương nhờn có lòng « độc đèn nổi ấy ! Bê ngoài thì ra như sang bên « này mà giúp ta, song thật có ý làm hại ta. Xưa « rày thấy quân ấy dối ta nhiều lần, cho nên ta « chẳng còn tin nó nữa. Vả lại chẳng có lẽ ta sợ, « vì ta cũng có thuốc phá bùa đi. »

Vua phán làm vậy đoạn, thì vào phòng, cùng lấy một bát nước lã đã pha một hai giống vào cho ra đỏ, mà bảo người cầm uống thuốc ấy cho lạnh. Nó uống một chút vừa rồi, liền kêu một hai: « Đau bụng ! » Ấy thuốc vua cho uống thì rất hiệu nghiệm, vì mới uống một hớp mà dặng lạnh đã.

Bấy giờ vua truyền đóng gông thẳng ấy, và đánh cho đau mà tra khảo cho biết nó đã đồng tình với ai mà bỏ vạ thề ấy. Khi đầu nó chẳng dám

nói; mà bởi đau đớn lắm thì xưng rằng: « Quan đại thân kia đã đứt tiên. » Lại rằng: « Có năm mươi người đã đồng tình với mình mà bỏ những tiếng xấu thế ấy; cũng có kẻ tự tập với mình mà giết Đức Thầy nữa. » Vua bắt đặng tám người trong những quân ấy, thì truyền chém tức thì. Từ ấy về sau chẳng ai dám nói điều quấy quá thế ấy nữa.

30. — Cách thói Vua ăn ở với Đức Thầy.

Những điều bỏ vua giải cách khôn ngoan thế ấy, thì là dấu tỏ người thật lòng kính Đức Thầy; lại cách vua ăn ở hằng ngày với người, thì càng làm chứng điều ấy hơn nữa. Vì vua ở với người chẳng phải như vua tôi; song thật như anh em và kẻ thiết nghĩa vậy. Cũng có khi hai người cãi lẽ mà bất thuận với nhau, vì Đức Thầy thông chữ nhu lắm, mà lấy sự đạo làm đầu, thì năng bày lẽ đạo cho vua nghe. Vua tốt trí và hiểu lẽ đạo, cho nên khi vui thì phục lẽ đạo; và có khi đem lòng lo về đảng ấy, thì nói to nhỏ với các quan rằng: « Luận về nghề bộ nghề thủy và các việc khác thì Tây Dương hơn khôn ngoan hơn ta nhiều phần. Còn sự đạo là đầu trọng hơn các điều khác, mà ta xưng mình khôn ngoan hơn người bên Tây làm sao cho phải. »

Vua mê sắc dục, nên ghét đạo, và đôi khi chẳng vì nể Đức Thầy; những nói nặng đều chê bai sự đạo và thêm lời hoa tình nữa. Song chẳng mấy khi vua dám nói trước mặt Đức Thầy, vì người

chẳng nề vua mà cãi ngay; nên vua nói sau lưng, có ý cho kẻ nghe học lại cùng người.

Khi vua muốn dùng người làm việc gì trọng phò vực nhà nước, mà người xin kiêu vì sợ các quan ghen, thì vua làm thỉnh song qua một ít lâu, thì nói nhiều đều phạm sự đạo, cùng đe cấm đạo, có ý nhắc lại và ép người chịu lấy việc ấy. Có khi vua qui quyết giả sự bắt tội cho các quan có đạo, hay là ép làm sự rối: vua đã rõ biết Đức Thầy sẽ xin dong thứ chẳng sai; nên có ý dùng dịp tha cho các quan ấy mà lấy lòng người, cùng kẻ lả ơn riêng vua làm bởi vì nề người.

31. — Vua muốn ép ông Đinh Trung lạy tổ tiên vua.

Có một lần, nhằm ngày kỵ vua, thì vua dạy hai quan đại thần kia ép quan lớn có đạo, tên là Đinh Trung, bỏ vào trong hoàng cung mà giúp việc tế lễ và bái tổ tiên. Ông ấy vững lòng chẳng chịu làm việc ấy. Ngày hôm sau, là lễ khánh dân ông Đông Cung, thì các quan phải mặc áo châu mà đi mừng ông ấy. Vậy ông Đinh Trung mặc áo mà đi làm một với các quan lạy ông Đông Cung, đoạn có ý về. Song các quan kéo người vào trong hoàng cung và ép lạy tổ tiên vua mà rằng: « Vua « chẳng ép bái bụt thần đâu, một ép lạy vua đời « trước, thì ông chẳng có tội gì, cho nên phải « vâng phép vua. » Ông Đinh Trung chẳng chịu mà cãi lâu; đoạn các quan cầm tay ông ấy bắt cúi đầu xuống mà lạy. Bấy giờ ông phân phó rằng: « Tôi lại một Đức Chúa Trời Ba Ngôi mà thôi. »

Bởi đó các quan điều ông ấy đèn trước mặt vua mà tâu rằng: « Ông Dinh Trung đã lạy; song « chẳng chịu lạy tổ tiên vua, một lạy Đức Chúa « Trời Ba Ngôi mà thôi. » Vua bảo rằng: « Đã lạy « thì thôi. » Đoạn vua quở rằng: « Trẫm nuôi mây « đã bấy lâu; nay cũng ban chức cao trọng cho « mây, mà mây vô ơn bội nghĩa chẳng chịu lạy « tổ tiên trẫm làm sao? Trẫm chẳng ép mây bỏ « đạo hay là lạy bụt thần, một ép mây lạy tổ tiên « trẫm, thì nào có tội gì? »

Ông Dinh Trung rằng: « Lạy Đức Bê trên, tôi « sẵn lòng lạy Đức Bê trên, thì lẽ nào tối khinh « dễ tổ tiên Đức Bê trên, làm sao được? Nhưng « mà các đấng ấy đã qua đời rồi, thì tôi tin thật « chẳng có sức mà vưng hộ cho ai dặng cùng « chẳng hiện xuống trong hoàng cung mà hưởng « những của tề ấy. Vậy tổ tiên Đức Bê trên chẳng « có mặt đây, thì tôi chẳng lạy; phép đạo cấm sự « ấy, vì là đều dối trá. »

Vua rằng: « Chớ thì mây chẳng quen kính thờ « các thánh nam nữ sao? Ấy vậy tổ tiên trẫm, và « các thánh có khác nhau đều gì? Các thánh ấy « cũng chết rồi mà chẳng hiện ra nữa. Vì vậy mây « lạy các thánh, mà chẳng chịu lạy tổ tiên trẫm « làm sao? Trẫm cũng đã biết tổ tiên chẳng có « mặt đây, cùng chẳng ăn uống của gì; nhưng « mà trẫm lạy tổ tiên mà báo hiệu. Thấy giám « mục Vêrô cũng nói với trẫm rằng: Lạy tổ tiên thế « ấy thì chẳng tội gì. »

Ông Dinh Trung rằng: « Phép đạo cấm sự ấy, mà « Giám mục nói chẳng có tội làm sao được? » Vua

ràng: « Trăm hỏi lại Thầy Giám mục; còn về phần
« mây thì trăm sẽ gởi cho vua Xiêm, cho vua ấy
« bắt mây lay. » Ông Dinh Trung rằng: « Vua
« Xiêm nói làm sao, thì mặc vua ấy, tôi không
« lay. » Vua rằng: « Mây nói làm vậy thì phải, vì
« chung vua Xiêm bắt người ta lay bụi; còn trăm
« thì có ý ép mây lay tổ tiên trăm, cũng như khi
« còn sống vậy mà thôi. Vậy bao giờ trăm băng
« rồi, thì mây cũng không lay trăm sao? » Ông
Dinh Trung thình lạng, thì các quan tâu rằng: « Sau
« nầy khi Đức Bê trên đã đặng trăm tuổi đoạn,
« thì ông ấy chẳng lay, vì đã nói với chúng tôi
« nhiều lần rằng: mình lay kẻ sống mà thôi;
« còn kẻ chết rồi thì chẳng lay làm chi. » Vua
rằng: « Thằng nầy là nghịch thần. » — Đoạn thì
vua nói qua đều khác.

32. — Vua chẳng cảm đạo, cũng chẳng binh đạo là bao nhiêu.

Vua có lòng thể ấy, song chẳng cảm đạo tỏ
trường, phần thì vì nể Đức Thầy, phần thì cũng
nể bản đạo có công với mình nữa. Vì khi trước,
nêu chẳng có cậu Phaolô cứu giúp, thì phải chết
đã lâu; mà lại bản đạo Đàng Trong đã giúp vua
hết lòng hết sức. Song vua chẳng chịu ra chỉ tha
đạo tỏ trường. Ai vô đạo thì mặc ai; còn kẻ ngoại
đạo bắt bản đạo làm việc rồi thì phải chịu.

Đức Thầy biết tỏ lòng vua thể nào, thì chẳng
bao giờ dám xin người giáng chỉ tha kẻ có đạo
làm việc rồi, vì là đều mất công vô ích. Người
cứu giúp bản đạo nhiều lần, vì hoặc kẻ ngoại

biết người có thân thể, thì chẳng dám khuấy kẻ có đạo; hay là khi bốn đạo phải sự gì khốn khó, thì các quan vì nể người mà liệu cho bốn đạo đừng an. Vua chẳng nói gì đến việc ấy; cho nên cũng có nhiều kẻ trách Đức Thầy vì vua có lòng vì nể và yêu dấu dưng ấy, mà người chẳng xin vua giáng chỉ mà tha các điều rỗi cho bốn đạo.

Có một lần, như có sự lệ, các làng toan bắt bốn đạo góp tiền mà tề, thì bốn đạo xin Đức Thầy cứu. Vì chớng quan Hiệp Trấn ghét đạo, và cho tờ góp tiền bốn đạo, lại đã tâu vua về việc ấy nữa. Cho nên Đức Thầy sai ông Lelabousse, là Giám mục thừa, và ông cậu Phaolô đi tâu vua, xin tha cho bốn đạo; mà bởi vua đã quen hai ông ấy cách riêng, thì cho vào đền.

Khi ấy vua đang ngự, có các quan đông dẫn, nên chẳng dám tâu tỏ tiếng kêu các quan hay, một nói thầm cho vua nghe mà thôi.

Bấy giờ vua chẳng nói làm sao, vì sợ ví bằng chẳng cho y như Đức Thầy xin thì mất lòng người; nên cho, thì mất lòng các quan; cho nên vua cất tiếng lên hỏi ý các quan rằng: « Có nên cho chăng? » Các quan đều tâu rằng: « Chẳng nên. » Như vì sự ấy vua luận rằng: « Ví bằng các làng có bằng lòng tha cho bốn đạo thì mặc các làng; bằng bắt góp tiền thì phải chịu, vì phép nhà nước đã quen thế ấy. »

33. — Vua cứ lệ mà trọng bụt thần bề ngoài.

Vua luận thế ấy chẳng phải là vì trọng đạo bụt

thần dẫu; vua trọng một đạo nhu mà thôi. Còn đạo bụt thần, thì người chê bai lắm. Song bởi bà Thái hậu và bà Hoàng hậu mê đạo bụt thần, thì vua cũng nể mà kính bề ngoài ít nhiều vậy.

Có một lần, vua cỡi ngựa đi chơi ngoài đồng với Đức Thầy, phải khi qua trước chùa kia, mà vua có ý kính chùa hay là muốn thử lòng Đức Thầy, thì chẳng biết. Song khi đến gần chùa, thì vua xuống ngựa, đi bộ cho dè khi qua khỏi chùa. Đức Thầy Vèrò cũng xuống ngựa, nhưng mà đứng lại một nơi cho dè khi vua lên ngựa, thì người cũng lên ngựa chạy theo vua.

Bấy giờ vua mỉm cười, mà hỏi sao đã làm làm vậy. Người tâu rằng : « Tôi thấy bề hạ xuống ngựa, « thì chẳng lẽ nào mà tôi chẳng xuống; chẳng « vậy, thì ra đều vô phép : nhưng mà tôi đứng lại « một nơi cho dè khi bề hạ lên ngựa, kéo tôi đi « bộ bước qua trước chùa, thì ra hình tôi có lòng « kính bụt thần, là đều chẳng phải. » Vua nghe người nói làm vậy, thì khen là khôn ngoan.

34. — Đức Thầy phải cực trong lòng.

Đức Thầy ở hết lòng mà giúp việc vua, là vì có ý trông cho sự đạo được nhờ : song khi thấy lòng vua ghét đạo, lại thấy các quan có nhiều kẻ hềm thù mình và hay bắt nét đảng nọ, bỏ vạ đảng kia, thì phiền muộn lấy làm cay đắng xót xa lắm.

Người lại phải khổ cực đảng khác hơn nữa. Vì chưng trong các địa phận khác bên phương đông, có nhiều kẻ biết người làm quan đại thần

giúp vua, và lo những việc phần đời, thì trách người bỏ chính việc mình phải làm, mà liệu những việc đời chẳng thuộc về mình. Cũng có kẻ chê người chẳng khôn, vì mất công vô ích. Đến khi quân Tây Sơn ra chỉ cấm đạo, thì người ta càng chê trách hơn nữa, vì rằng : « Quân Tây Sơn chẳng có lòng ghét đạo, mà đã cấm đạo thế ấy, thì là tại Đức Thầy hay giúp vua. »

35. — Đức Thầy có ý ngay lành.

Đức Thầy lấy các điều ấy làm cay đắng chua xót ngàn trùng. Vì chung người có lòng rất sốt sắng : những giảng giải coi sóc bôn đạo, tùy chính việc mình phải làm. Người đã tra tay lo việc phần đời phò vua vực nước, thì chẳng những là có ý rất ngay lành, là giúp cho cả và nước An Nam được nhờ phần hồn phần xác, mà lại người đã ra dấu tỏ tường lòng người chẳng muốn lo việc gì phần đời thế ấy sốt.

Khi vua lâm phải sự khốn khó, thì người thương mà giúp tùy sức. Đến sau, vua cảm ơn mến đức người, cùng thấy người khôn ngoan khéo léo các việc, thì muốn dùng người. Dẫu người lấy lẽ nào mà xin kiếu, thì vua cũng chẳng nghe. Toà Thánh là chính bề trên, mà chẳng trách vì sự ấy bao giờ ; lại Toà Thánh trông cho sau trở nên sự lành, thì khen người làm việc nên.

Dẫu vậy Đức Thầy Vêrô thấy anh em và nhiều đấng khác chê trách mình thế ấy, thì người kẻ

sự ấy là cây Thánh Giá rất nặng nề đè lấy mình. Nhưng mà bởi người có lòng mạnh bạo, thì sẵn lòng chịu khó mà phủ mọi sự mặc thánh ý Đức Chúa Trời.

36. — Vua ép ồng Đức Thấy giúp Đông Cung quản hay hai xứ Nha Trang và Bình Thuận.

Năm 1792, là Lê Cảnh Hưng ngũ thập tam niên, cùng là năm Nhâm tí, khi vua đánh lấy và đốt tàu vua Thái Đức, thì cũng đã lấy xứ Nha Trang và Bình Thuận. Đoạn dọn ra Qui Nhơn mà đánh ông Thái Đức nữa. Vua sợ mất xứ Nha Trang và xứ Bình Thuận, thì phú cho Đông Cung giữ lấy.

Mà bởi ông ấy còn ít tuổi chưa làm chi được, nên vua lại ép Đức Thấy coi sóc con như khi trước, và chịu khó trả ra với Đông Cung cho được quản hay các xứ ấy, Dầu mà Đức Thấy lấy lẽ nào mà xin kiếu, thì vua cũng chẳng nghe vì rằng: « Con vua có lòng kính và hãy nghe người mà thôi; cho nên có một mình người có quyền thế mà coi sóc.» Vả lại rằng: « Người có chịu khó trả ra ngoài Nha Trang, thì mới dám cho Đông Cung ra. » Vua còn lấy nhiều lẽ khác cho được ép Đức Thấy Vêrô, thì bất đắc dĩ người đã phải chịu.

37. — Vua vây thành Qui Nhơn mà vô ích.

Vậy người ra Nha Trang với ông Đông Cung mà kiêm các việc văn võ quản trị hai xứ ấy thay mặt vua. Khi ấy ông Olivier là quan Phalangsa, đã

chiếu binh pháp phương tây mà xây một lũy rất chắc chắn tại Nha Trang. Còn vua thì thấy ra Qui Nhơn, cùng vây thành ấy hai ba tháng. Hai bên đánh nhau nhiều trận lắm; song chẳng ai dặng, cùng chẳng ai thua; kẻ bị tử trận hai bên thì nhiều lắm. Vua chẳng lấy được thành ấy, lại thấy quân lính mình một ngày một hao, lương thực cũng đã gần thiếu, thì lại trở về Sài Gòn.

38. — Quân Tây Sơn vây thành Nha Trang mà phải thua.

Bấy giờ vua Thái Đức đem binh sĩ vây thành Nha Trang hai lần, mà chẳng làm gì được. Vua ấy đem bốn vạn quân cùng đánh nhiều trận; song đánh trận nào thì thua trận ấy, và binh sĩ bị trận gần hết. Khi ấy Đức Thấy ra như đại tướng quân, người chẳng cầm khí giới mà đánh bao giờ, nhưng mà người bày các việc phải làm, những cách phải liệu cho dặng giữ thành và đánh cho thắng.

Vua ở thành Sài Gòn nghe tin quân Tây Sơn vây thành Nha Trang, thì đem nhiều quân ra giúp và đuổi quân Tây Sơn phải trốn mất. Bấy giờ Đức Thấy cùng các quan xin vua theo bắt quân giặc, vì nó đã ít cùng yếu sức rồi, thì dễ phá cho tận tuyệt. Nhưng mà vua chẳng chịu; lại trở về Sài Gòn, để con cùng Đức Thấy cứ việc cai xứ Nha Trang và xứ Bình Thuận như trước.



39. — Vua vây thành Qui Nhơn một lần nữa mà không lấy được.

Năm sau, là năm 1793, là Lê cảnh Hưng ngũ thập tứ niên cùng là năm Quý sửu, thì vua lại đem nhiều tàu và nhiều binh sĩ ra Qui Nhơn. Khi đầu thì đánh phá cửa Qui Nhơn và những lũy xung quanh, đoạn mới vây thành Qui Nhơn, mà ông Thái Đức ở trong thành ấy. Hai bên đánh nhiều trận dữ lắm; khi thì bên nọ được, khi thì bên kia được: quân bị tử trận hằng hà sa số.

Ông Thái Đức sợ thua, thì gửi tin cho hai cháu là ông Hoàng Triếp gọi là vua Cảnh Thịnh, và ông Hoàng Thùng ở ngoài Kẻ Chợ, mà xin cứu. Hai ông ấy liền sai sáu vạn binh mà giúp ông Thái Đức, chẳng phải bởi có lòng với bác, song bởi sợ ông ấy phải thua, thì ông Nguyễn Anh lại ra đánh mình nữa chẳng. Ông Nguyễn Anh nghe tin hai cháu Thái Đức sai nhiều binh cứu, thì lại sợ e đánh không lại, nên đã đem binh xuống tàu bỏ cửa Qui Nhơn mà trở về Sài Gòn.

40. — Quân Đàng Ngoài làm hỗn hào trong thành Qui Nhơn.

Khi quân Đàng Ngoài vào giúp ông Thái Đức, đến Qui Nhơn thì chẳng còn thấy vua Nguyễn Anh, dầu vậy các quan cũng xin đem quân vào mà rằng: « Có công khó nhọc đến cứu giúp thì phải « thưởng. » Nhưng mà ông Thái Đức sợ e quân ấy vào thành, thì sẽ lấy thành cho vua Cảnh Thịnh, nên chẳng cho vào; lại đóng cửa thành mà xin quân

ấy trở về, mà rằng: « Chẳng có việc gì nữa. »

Quân ấy giận lắm, liền phá phách mọi nơi ngoài thành, và sắp vây thành nữa. Hai bên cãi nhau nặng nề; mà chẳng cho quân ấy vào, thì sinh ra nhiều điều khổ nạn lắm. Vậy ông Thái Đức túng thế phải mở cửa thành cho quan quân vào. Người ngờ là thết đãi nó cho lịch sự đoạn, sẽ giao hoà cho khỏi sinh sự hỗn hào; song khi quân ấy vào thành, thì kẻ mình là chủ, chẳng còn để quyền phép nào cho ông Thái Đức sót.

Khi đầu nó xin vay mượn, mà đến sau nó phá phách cùng ăn cướp vàng bạc đồ đạc mọi giống; lại chỉ trêu gheo quân lính ông Thái Đức, chẳng kể ông ấy là gì nữa. Ông ấy còn có tên vua không mà thôi, quyền phép thì nơi tay các quan Đàng Ngoài hết thấy.

41. — Thái Đức buồn rầu mà chết.

Ông Thái Đức thấy vậy thì phản nản buồn bực quá bội. Khi trước ông ấy kêu căng, bạo thiên nghịch địa chừng nào, thì rày phải quân lính cháu mình làm cho xấu hổ cùng buồn bực chừng ấy. Thái Đức chẳng biết toan làm sao, thì dạy người ta vồng vào chùa mà khẩn với bụt rằng: « Nêu được bình yên, thì sẽ phá tuyệt đạo. »

Song ông ấy chẳng kịp liệu việc quái gở ấy, vì đã già; mà bởi khi trước lao tâm nhiều đáng, thì phải bệnh nặng lắm. Quan quân Đàng Ngoài ở Qui Nhơn ba tháng, ăn cướp phá phách mọi nơi đoạn, thì về ngoài Huế và ngoài Kẻ Chợ. Còn bệnh

ông Thái Đức thì một ngày một nặng ; lại thêm cực lòng vì quân Đàng Ngoài làm hỗn độn thế ấy, nên qua một ít ngày thì chết.

42. — Tiểu Triều nổi quờn trị xứ Qui Nhơn cùng xin chịu hàng Nguyễn Anh.

Khi ông Thái Đức đã gần chết thì tôn con, tên là Tiểu Triều, nổi quờn làm vua thay vì mình. Nhưng mà ông Cảnh Thịnh và ông Hoàng Thùng nghe tin ông Tiểu Triều lên ngôi thì giận lắm, vì hai anh em có ý chia nước An Nam ra với nhau. Cho nên sắp đem binh vào đánh và giết ông Tiểu Triều, như là kẻ nguy thân vậy. Ông Tiểu Triều còn ít tuổi, chưa biết việc trị nước là bao nhiêu. Khi nghe tin hai anh em vào đánh mình, thì sợ hãi, song cũng sắm sửa mà đánh trả. Nhưng mà mẹ người e đánh chẳng lại, mà phải tay hai anh em độc bạc ấy, thì sai sứ đến với ông Nguyễn Anh xin chịu hàng.

Vua được tin ấy, thì mừng rỡ liền xuống tàu ra lấy thành Qui Nhơn. Ông Cảnh Thịnh và ông Hoàng Thùng nghe ông Tiểu Triều có ý chịu hàng ông Nguyễn Anh, thì cũng mừng, vì dặng dặng dặng lâu ngày hơn mà sắm sửa việc đánh giặc. Vậy hai anh em sai quan xuống tàu đem binh vào Qui Nhơn, cho kịp trời đang thuận gió.

43. — Tiểu Triều phải quân giặc tràn nước.

Ông Nguyễn Anh ước ao hết lòng chớ chi dặng đem binh ra Qui Nhơn khi quân Tây Sơn chưa biết

gi; nhưng mà phải ngược gió, đến không kịp. Vậy qua quân vua Cảnh Thịnh cùng Hoàng Thùng vào cửa trước, mà bắt tội ông Tiểu Triều, vì đã làm ngụy và có ý chịu hàng ông Nguyễn Anh. Đoạn hai anh em vây thành, và qua một ít ngày thì lấy được, cùng bắt Tiểu Triều mà trấn nước.

44. — Cậu Hiến chịu hàng Nguyễn Anh.

Khi ấy vua Cảnh Thịnh và ông Hoàng Thùng còn trẻ tuổi, chẳng có mặt đó. Các quan lấy tên hai ông ấy mà làm đều bạo ngược nấy; song thật hai ông ấy chẳng biết gì.

Bấy giờ có một quan lớn thuộc về ông Hoàng Thùng, tên là Cậu Hiến, giận các quan ông Cảnh Thịnh, vì đã giết chú mình là quan lớn gọi là Đại Tư Lễ; thì trở nghịch, và đem quân mình chịu hàng với ông Nguyễn Anh. Từ ấy về sau, ông Cậu Hiến giúp vua nhiều đều vì có tài đánh giặc, lại trung với vua. Người đã thuộc các việc quân Tây Sơn, nên ghe phen đã làm cho quân ấy phải khốn cực. Nhờ vì sự ấy vua đã đặt cậu ấy làm đại tướng quân, gọi là quân công.

45. — Vua vây thành Qui Nhơn lần thứ ba.

Vua nghe quân Tây Sơn đã lấy được thành Qui Nhơn, thì phàn nàn, vì mình đến chẳng kịp, song quyết đánh với quân ấy. Vậy vua đã đem nhiều quân Cao Mên làm binh phục mà đánh bộ. Hai bên đánh nhau bảy tháng tròn, mà bởi hai bên cũng

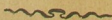
gan đảm, liều mình quyết chiến giáp nhiều trận, và giết nhiều binh mặc lòng, song chưa bèn nào chịu thua.

Đến sau tàu vua mới vào được cửa Chợ Giã, vì tàu quân Tây Sơn dậu đó không bao nhiêu. Vậy vua phá dặng những lũy đã xây mà giữ cửa. Còn nhiều đàng khác, thì vua cũng phải canh, kéo quân trong thành thông công với người ngoài; và phòng kẻo có ai vận lương bưng vào, hay là giúp quân trong thành cách nào chẳng. Nên quân vua phải phân phái đi cả, chẳng còn lại dặng mấy tên.

Vậy quân trong thành đã gần hết lương, và chẳng thấy ai dên cứu. Có một ít chiếc ghe gạo đã trộm vào dặng rạch kia gần thâu vào thành. Vừa có quân do thấy, thì vua liền sai quân đánh cùng bắt lấy hết chẳng sót chiếc nào. Cho nên quân trong thành một ngày một túng thê.

46. — Vua ngã lòng muốn đem binh về Đồng Nai.

Vua đã lập hai lũy cho được giữ các đàng nẻo, không cho ai thâu vào thành. Chẳng hay khi vua đã xây hai lũy ấy vừa đoạn, thì quân lính Đàng Ngoài liền xông vào đánh cùng phá đi. Cho nên vua ngã lòng mà quyết đem binh về Đồng Nai. May có Đức Thấy can xin vua khoan trở về. Những lẽ người bày ra thì các quan lấy làm phải, cho nên vua sấn lòng ở lại một ít lâu.



47. — Cung Trung Phúc tỏ ra mình gan dạ.

Khi ấy có một quan lớn kia, tên là Cung Trung Phúc, có danh tiếng gan dăm và hay đánh giặc có ý lập công với vua, thì lấy ý riêng mà thỉnh lính ra đánh quân giặc không cho ai biết. Chẳng hay ông ấy mắc quân giặc lừa mà thua, lại quân mình bị tứ trận hầu hết. Ông ấy thoát khỏi dặng, nhưng mà khi về dinh thì các quan đều chê cười; mà vua thì quả nặng đều. Bởi đó ông ấy có ý rửa hổ; thì ban đêm đem một ít quân mạnh bạo, khi chẳng ai ngờ, mà xông vào đánh lấy một lũy rất chắc chắn vua đã xây khi trước, mà quân giặc đã lấy đi. Ông ấy lại đánh được nhiều quân giặc tứ trận, và những quân khỏi chết trốn vào trong lũy khác.

48. — Nhờ có con nai chạy lạc vào lũy mới lấy lũy ấy dặng.

Qua một ít ngày, ông Cung Trung Phúc lại lấy dặng lũy ấy cách lạ lắm, chẳng phải bày mưu chước gì. Vì tình cờ đêm kia có một con nai trên rừng lạc xuống chạy vào trong lũy. Quân canh thấy thì mừng mừng la lớn tiếng rằng: « Nai! nai! » Nó lại chạy đuổi theo mà bắn, mà bắt con nai: song bắn mấy cũng không trúng; nó bắn đàng này thì nai chạy đàng khác, mà nó cũng cứ đuổi theo: chẳng ngờ bắn trúng chết một hai người, cũng có người thì bị thương tích.

Quân khác đang ngủ nghe xôn xao thì thức dậy. Lại nghe kêu: « Nai! nai! » thì ngờ là quân Đông Nai

đã vào lũy rồi; cho nên nổi óc dùng mình mà la lên rằng: «Đông nai! Đông nai!» Ai ai cũng tin thật là quân vua đã đến, thì cầm lấy khí giới. Song bởi loạn hàng thất thứ, và hỗn bất phụ thể, thì đập cửa lũy mà chen nhau trốn sạch, chẳng sót tên nào.

Nó trốn làm vậy cho đến sáng ngày mới biết mình đã lầm. Song cũng không trở về trong lũy, cứ tìm nơi chắc chắn mà ẩn mình mà thôi.

Khi quân vua Nguyễn Anh nghe xôn xao ban đêm làm vậy, thì chạy đi coi cho biết có sự làm sao. Khi đến nơi, thì thấy còn lũy không, không còn ai canh giữ, liền chiêm lấy, cùng sai người đi thăm xung quanh, thì gặp những người bị thương tích và những người chạy trốn chưa kịp. Bấy giờ quân đi thám hỏi, thì kể lại nguyên hủ tự sự, vì làm sao mà sinh hỗn độn xôn xao làm vậy.

Quân vua nghe, đã nín cười; lại nói nhát uó thêm mà rằng: «Thôi, anh em đã trốn, đã thoát đi vắng, thì cũng là may phước lắm đó, vì binh « sĩ nhà vua đã chiêu áp lũy này vô số, không biết « kể sao cho xiết, để đánh phá lũy này.»

49. — Cung Trung Phúc lấy thành Qui Nhơn.

Quan cai quân ấy là ông Cung Trung Phúc, lấy tên vua mà gửi thơ cho các quan trong thành Qui Nhơn mà truyền phải hàng tức thì. Bằng chẳng chịu hàng ngày ấy thì phải chết hết. Vậy quân giặc mắc lừa mà tin thật ông Nguyễn Anh đã đem

thêm nhiều binh sĩ và thêm nhiều tàu, nên sợ hãi lắm, vì chẳng còn trông ai cứu

Vậy các quân ấy bàn đi bàn lại đoạn, thì sai sứ dền cùng vua xin cầu hòa; lại nói đã sẵn lòng chịu hàng, và giao thành cùng mọi sự, mà xin một điều mà thôi là vua đừng giết ai. Vua bằng lòng ưng đều ấy. Thì qua ngày sau, các quan mở cửa thành Qui Nhơn ra rước vua vào. Bao nhiêu khí giới, thuốc súng và một trăm hai mươi con voi, tiền bạc, lúa thóc và các giống khác trong thành thì vua nhận cả, lại cả xứ Qui Nhơn chịu phép vua nữa.

Vua dựng thành ấy thì là trọng lắm, vì thành ấy rất vững; mà vua dựng thì kể là dựng nửa phần nước An Nam. Còn Đàng Ngoài, thì chẳng khó lấy là bao nhiêu. Vậy khi trước, vua đã ngã lòng mà lại quyết trốn đi, như lời đã nói trước nầy; phải mà chẳng có Đức Thủy Vêrô cầm vua lại, thì đã ra hư việc. Lại ơn phước trọng ấy cũng là vì nhờ có con nai.

Khi xứ Qui Nhơn và các xứ Đàng Trong đã chịu phép vua đoạn, thì vua liệu cho an dân; nên đặt ông Hậu, là em, mà cai xứ ấy thay vì người.

50. — Đức Thủy chịu công lao khó nhọc mà phò vua
vực nước.

Vậy vua đã đặt Đức Thủy làm quốc công, và ép người coi sóc ông Đông Cung mà cai thành Nha Trang và cai xứ ấy và xứ Bình Thuận thay vì vua, như lời đã nói trước. Chẳng ai kể xiết những công

lao khó nhọc người đã phải chịu mà lo các việc ấy. Vì quân Tây Sơn đến vây thành Nha Trang hai ba lần. Nó thua lần nấy, lại đem nhiều quân thêm mà vây lần khác. Dầu nó dùng sức lực mà chẳng hề lấy thành ấy dặng, thì nó ra sức dùng mưu: song cũng chẳng hề bao giờ lừa gạt dặng Đức Thủy, nên bất đắc dĩ, nó phải bỏ Nha Trang mà rút về Qui Nhơn.

Lúc ấy Đức Thủy cũng cứ một lòng thì chung; dẫu các quan Tây, thấy nhiều* đều phất ý, nhiều ông đã xin hồi dương, còn hai ba ông ở lại mà thôi; song Đức Thủy cũng chẳng thối chí, hằng một lòng phò vua vực nước mà thôi.

51. — Bốn đạo Đàng Ngoài phải khốn khó.

Năm 1795, là Cảnh Hưng ngũ thập lục niên, cùng là năm Ất mao, thì các xứ Đàng Ngoài chẳng được yên về sự đạo. Vua Cảnh Thịnh ở trong Huế và ông Hoàng Thùng ở ngoài Kẻ Chợ một ít lâu, mà chẳng lo việc gì, các việc thì mặc các quan triều. Vây quan quốc công, khi trước là thái sư và ghét đạo, đã sai quan kia, tên là đồng lý Đương, cai các xứ Đàng Ngoài làm khổn cho bốn đạo.

Ông ấy lấy tên vua mà giáng chỉ cấm đạo, bắt các thầy đạo, và triệt hạ các nhà thờ. Trong chỉ ấy nói nhiều đều phạm đến sự đạo, và trách các thầy đạo hay khoét con mắt người ta. Khi mới lục chỉ ấy ra, thì các quan đã hiểu ý, chẳng vội tra tay bắt đạo. Cũng có nơi thì các quan ặn dút tiền bạc mà làm thịch. Có nơi thì các quan tin cho các thầy

cả biết mà trốn. Nhưng mà vì kẻ ngoại đạo rầy
lắm, nên cũng phải tổn tiền, và triệt hạ đạo đảng
đạo quán. Quan quốc công chỉ giục các quan làm
hết sức mà phá cho tuyệt đạo.

Đầu chẳng ai dám mở miệng nói một lời gì xin
ông ấy thương bản đạo mặc lòng, song các quan
cũng có lòng lành bảo bản đạo phải liệu cho được
một ông Tây nào khôn ngoan khéo nói, hiểu mình
ra mặt với ông quốc công, mà thừa lại các việc
và giải các điều quấy ông ấy đã bỏ vạ cho đạo. Các
ông Tây sang giảng đạo bên nước An Nam, và các
thầy bản quốc nghe điều ấy, thì bàn đi bàn lại với
nhau, cùng ưng làm như lời các quan bảo.

Bấy giờ Đức Thầy Hậu sai cố Báu (M. de la Bis-
sachère) ra mặt với ông quốc công. Ông ấy cũng
sân lòng và đã dọn mình ra mặt; song Đức Thầy Gia
(Mgr de Gortyue) suy rằng : Làm làm vậy là liều
mình vô eớ cũng vô ích. Nên người cấm nhật,
chẳng cho cố Báu ra mặt. Vậy quan quốc công sai
quản đi do các làng các họ mà bắt bản đạo, và làm
khốn cực nhiều cách nhiều bề. Nó bắt dặng hai
thầy giảng và đã đánh cho dền chết. Bản đạo phải
sự khốn khó thể ấy chẳng bao lâu; vì qua năm
sáu tháng, thì ông quốc công đã phải tay Đức
Chúa Trời phạt.

52. — Hai quan quốc công và đồng lý có lòng gian và
phải khôn.

Quan quốc công và quan đồng lý đã đồng tình
với nhau cho dặng giết vua Cảnh Thịnh và Hoàng
Thùng mà chiếm lấy nước An Nam. Quan quốc

công có ý đặt con dấu lòng làm vua; mà ông đồng lý thì sẽ làm chúa. Hai ông đã bàn các việc với nhau đã lâu; mà khi ông đồng lý ra ngoài Kế Chợ thì chẳng còn xem ông Hoàng Thùng là gì nữa; lại cắt quân nội thị, cùng giảm bớt lương, chẳng để quyền phép nào cho ông ấy sốt. Ông đồng lý muốn làm sao thì làm vậy. Ai ai cũng biết ông ấy đồng tình với ông quốc công, thì chẳng dám nói điều gì. Quan quân đều phải sợ cưỡi củi đầu chịu phép hết thảy.

Quan lớn kia, tên là Tư Khâu, thấy ông quốc công và ông đồng lý năng sai quân hộ tiểu đưa thư cho nhau, mà chẳng cho vua Cảnh Thịnh và các quan triều biết, thì sinh nghi. Vậy ông ấy lấy lòng trung mà nhắn tin cho vua biết, thì vua truyền bắt quân hộ tiểu đưa thư; mới biết tờ tường đã hồng đèn ngày hai ông hẹn giết vua cùng các em vua.

Bấy giờ vua truyền bắt ông quốc công tức thì cùng bỏ vào cũi sắt. Qua một ít ngày, lại bắt ông đồng lý cũng bỏ vào cũi sắt mà đem vào trong Huế, Đoan thì hai ông ấy phải luận xử lăng trì.

Khi ông quốc công còn phải giam trong ngục, thì có quan lớn kia nhènh nhóc ông ấy, vì trước đã làm khổn cho kẻ có đạo là kẻ vô tội, lại toan giết vua nữa. Ông ấy xưng thật mình có ý ấy, song trời chẳng cho như sự mình đã quyết làm. Vậy hai ông ấy chết đoan, thì chẳng ai còn nói đến sự cấm đạo nữa; nên các xứ Đàng Ngoài lại dặng bình yên như khi trước.

53. — Ông Giám là người trung thần và đạo đức là thế nào.

Vua Nguyễn Anh lấy dặng xứ Qui Nhơn rồi, mình chưa kịp no, vừa có quan đại thần kia có đạo, tên là ông Giám, phải bệnh mà chết; thì vua thương tiếc đau đớn lắm.

Vốn ông Giám thuở đầu chẳng có đạo, lại ghét đạo hết lòng; mà bởi đã quen biết Đức Thầy Vêô, cùng nói lẽ đạo với người nhiều lần, thì đã trở lại chịu đạo như đã nói trước nầy. Từ ấy về sau, ông ấy rất ngoan đạo sốt sắng giữ các phép trong đạo, lại lo liệu cho em và con và đầy tớ dặng trở lại chịu đạo nữa. Trong các giáo hữu chẳng thấy mấy người đạo đức khiêm nhường như ông ấy, lại rất khôn ngoan trong các việc phân đời. Vua phú việc gì cho, thì làm nên việc ấy, cho nên vua yêu cách riêng. Vả lại ông ấy ăn nói lịch sự với mọi người, nên ai ai cũng kính phục.

Đến khi ông ấy phải bệnh, thì càng tỏ ra lòng sốt sắng kính mến Đức Chúa Trời hơn khi trước. Đầu liệt lao đau nặng mặc lòng, song chẳng hề phàn nàn năn nỉ bao giờ, một bằng lòng chịu khó vác Thánh Giá theo chơn Đ C Giêgiu mọi đàng. Đêm ngày ông ấy chỉ than thở cùng Đ C T và đặt ảnh chuộc tội gần giường mà nhìn xem luôn, cho nhớ sự thương khó Đ C G. Ban hôm sớm mai đến giờ đọc kinh, người ta quì gần giường ông ấy nằm; mà ông ấy chẳng còn sức chỗi dậy

dặng, thì biểu dầy tờ dõ mình lên mà quì gối cho dặng thông công với người ta. Khi chịu các phép cách sớt sảng đoạn, thì qua đời ; thiên hạ thương tiếc lắm.

54. — Cắt dấm ông Giám cách trọng thể.

Vua thương mến người lắm, nên xin Đức Thầy xử ấy cứ phép đạo mà lo việc cắt xác ông ấy cho trọng thể hết sức, và làm cho đủ hết các lễ phép thầy thầy. Vốn Đức Thầy thương ông ấy, nên vui lòng mà vưng lời vua. Thật từ xưa cho đến khi ấy chưa hề thấy cắt xác ai cách trọng thể làm vậy. Đức Thầy dạy thể nào, thì vua cứ truyền thể ấy.

Vua biết ông Giám có đạo, thì để mặc kẻ có đạo liệu các việc, chẳng ép làm sự gì dối trá. Vua lại giúp đỡ mọi đảng, cùng ban hàng ban gấm, ban cờ, lại phát nhiều quân để hầu hạ phục dịch cho ra sự trọng thể hơn nữa. Đến khi làm lễ và khi đưa xác, thì vua cùng các quan đi theo. Khi vua nghe đọc văn tế thì khóc chảy nước mắt ròng ròng. Các việc xong xã rồi, thì mới ngự về.

Kẻ ngoại thấy bốn đạo chôn xác kẻ chết cách trọng thể và nghiêm trang dường ấy, thì lấy làm lạ lắm. Ai ai đều khen hết, chẳng dám nói chê sự đạo nữa. Dầu vua cũng khen, mà chẳng còn nói đến gì phạm đến sự đạo như khi trước nữa.

55. — Cảnh Thịnh giáng chỉ cấm đạo.

Quân Tây Sơn chẳng ưa sự đạo, mà vua Quang Trung dẫu đã làm cực bốn đạo nhiều phen mặc lòng, song chưa hề bao giờ cấm đạo tỏ tường. Các đều ông quốc công làm mà bất đạo, thì kể là việc riêng ông ấy mà thôi; vì khi ấy vua Cảnh Thịnh và ông Hoàng Thùnh chẳng biết đến việc ấy.

Năm 1798, là Lê Cảnh Hưng ngũ thập cửu niên, cũng là Cảnh Thịnh lục niên, là năm Mậu ngũ, thì vua Cảnh Thịnh giáng chỉ cấm đạo thái nghiêm vì năm ba lẽ sau này:

Khi vua Nguyễn Anh đã lấy dặng các xứ Đàng Trong và ra gần Phú Lộc Lý, thì cũng có lẽ lấy được thành Huế nữa; song vua dụ dưng dừng chơn lại, sửa chữa về. Bấy giờ vua gặp một ông già kia Đàng Ngoài có đạo, tên là Tày, thì hỏi dọ các việc Đàng Ngoài thế nào; ông Giám mục ngoài Huế có giúp việc được chẳng. Ông Tày tâu rằng: « Người Đàng Ngoài đều bắt phục quân Tây Sơn, và ước ao cho nhà Nguyễn lại dặng cai trị cả nước An Nam. » Lại xưng thật rằng: « Ông Giám mục thì chẳng biết gì đến sự đánh giặc; nhưng mà các bốn đạo sẵn lòng đánh giặc mà giúp vua. »

Bởi đó cho nên vua cậy người ấy đưa thư cho Đức Thầy Gioang, là Giám mục phó ở ngoài Huế, mà khuyên người lo liệu cho các bốn đạo Đàng Ngoài đồng tình với nhau mà đánh quân Tây Sơn. Trong thư ấy vua cũng bảo rằng: « Bao giờ bốn

« đạo nghe tin vua đã ra Huế vira rồi, thì phải dậy
« lên cả một trận mà đánh quân Tây Sơn. » Vả lại
vua cũng dặn ông Tây, khi đã ra Đàng Ngoài rồi,
thì phải có ý tứ mà năng gửi tin cho vua biết các
việc ngoài ấy thế nào.

Vậy ông Tây thuê một chiếc thuyền nhỏ ở Cửa
Hàn mà ra ngoài Huế, cũng đã đến nơi bằng yên,
và đã cho thuyền về rồi. Chẳng hay quân giữ cửa
thấy người đi diện thì bắt trở lại, điệu đến nộp cho
quan lớn. Bấy giờ các quan biết tờ tường thơ vua
gửi cho Đức Thầy Gioang (Mgr de Véren), cũng
tin thật các quan bốn đạo có ý làm nguy. Như
vì sự ấy vua Cảnh Thịnh cùng các quan đốc lòng
bắt Đức Thầy Gioang, và các thầy đạo mà giết hết,
cùng cấm đạo thái nghiệt.

56. — Lúc bắt đạo.

Các quan triều có ý liệu cách khôn ngoan và kín
đáo, chẳng cho ai biết trước, một mật lục chỉ cho
các quan, cùng hẹn ngày mồng sáu tháng năm mà
bắt các bốn đạo trong xứ Đàng Ngoài, vì ngày
mồng năm là chính ngày giỗ tổ tiên, nên trạch
ngày ấy mà làm khi xuất kì bất ý. Song bốn đạo
cũng đã biết trước, nên các thầy đạo cũng đã trốn
đi, mà lại cũng dọn dẹp các đồ mà gửi đi nơi
khác. Vậy đến ngày đã hẹn, thì quân lính đi khắp
mọi nơi mà bắt đạo, song chẳng tìm được thầy nào.

Nó làm khổn cho bốn đạo thế nào, thì chẳng
biết nói làm sao cho xiết. Nó đánh đòn cùng tra

kháo người ta, cho biết các thầy hay là các đồ đạo kinh đạo khí ở đâu. Nó lại cứ lòng tham mà kiếm ăn, thì bốn đạo phải dứt nhiều tiền bạc. Nó cũng bắt người ta khóa quá xuất giáo, mà kẻ vững lòng chịu khó vì đạo, thì chẳng bao nhiêu, còn kẻ ngã lòng khóa quá xuất giáo thì vô số.

Các thầy cả, dầu Tây, dầu Nam, cũng phải trốn kỹ; kẻ thì trốn lên rừng, kẻ thì ẩn mình trong nhà người ta kín lách, chẳng dám cho ai biết; có nơi đã đào lỗ dưới đất mà ở, bởi vì các quan nghe hơi có thầy đạo ở đâu, thì liền sai quân đi ngay tới đó.

Cổ Báu chẳng còn biết ẩn mình ở đâu nữa, thì ra ẩn mình ngoài hòn Ngự giữa biển, mà ở ngoài ấy năm sáu tháng. Lại có một ông già Nam đã già cả, ở trong Bồ Chính, mà chẳng đi được nữa, thì người ta vờng lên rừng. Ta chẳng kể cho hết những sự khốn khó bốn đạo phải chịu, vì trong sách này có ý kể ra các việc phân đời mà thôi. Cho nên nói tắt thêm vài điều sau này:

Vậy quân dữ đã bắt được cậu Emmanoe Triệu, là người quán Phú Xuân. Khi trước, ông ấy theo quan lớn kia ra Đàng Ngoài; mà đến sau bỏ mọi sự thế gian, mà vào nhà Đức Chúa Trời cùng giúp cố Gioang, là người đồng ông thánh Inaxiô. Khi người dặng làm thầy cả đoạn, thì xin phép Đức Thấy về thăm mẹ già trong Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh ra chỉ cấm đạo vừa rồi, quân lính vào làng Thọ Đức có ý bắt Đức Thấy Gioang, thì nó bắt dặng cậu Emmanoe Triệu; mà bởi người chẳng chịu khóa quá xuất giáo thì phải luận xử tử. Vả lại ngày

hai mươi bốn tháng bảy cũng một năm ấy, ông Gioang Cựu phải bắt tại Kẻ Ngự ở xứ Thanh Hóa, mà đến sau phải chết ở trong chợ Trình Hạ.

Vua Nguyễn Anh nghe quân Tây Sơn ra chỉ cấm đạo, thì thương bốn đạo, vì đã biết sự ấy là tại mình; song cũng vỗ tay mừng rằng: «Đã bắt đạo, «thì mất nước chẳng sai.»—Vua nói thế ấy thì thật lắm, như lời sẽ nói sau nầy. Khi ấy còn đánh giặc một ít lâu trong các xứ gần Phú Xuân, và quân thủy cũng đánh ngoài biển nữa.

ĐOẠN THỨ HAI.

Từ khi Đức Thủy tạ thế cho đền Nguyễn Anh cải niên hiệu Gia Long (1799—1802).

1. — Đức Thủy Vêrô sinh thì.

Bấy giờ Đức Thủy Vêrô phải bệnh liệt nặng lắm. Vua làm hết sức cho dựng cứu giúp, sai đủ các thầy hươg y làm thuốc cho người, và năng đi thăm với ông Đông Cung. Có đôi khi vua thăm mà thấy người đau đớn thì động lòng thương xót, chảy nước mắt ra. Song chẳng làm chi dựng; vì đã đến giờ Vua Cả đã định dời người về nước thiên đàng.

Đức Thủy Vêrô khi thấy mình đã gần lìa khỏi

thờ cho dâng hiệp cùng Chúa đời đời, thì tỏ dấu vui mừng lắm. Vốn bấy lâu trước, thì người có lòng kính mến Đ C T, cũng sẵn lòng làm cho danh Cha Cả sáng mọi bề, lại vác Thánh Giá theo chơn Đ C G. Nhưng mà khi người ốm đau gần chết, thì càng tỏ ra lòng sốt sắng hơn nữa. Người âu lo một điều mà thôi, là vua cùng các quan chưa có đạo mà ngờ rằng: « Các điều đã làm, và những «việc khó học đã chịu cho dâng giúp nước An Nam, «về phần hồn thì hầu ra vô ích. » Người chịu các phép bí tích đoạn, thì sinh thì ngày mồng 9 tháng Octobre năm 1799, là năm Cảnh Hưng lục thập niên cùng là năm Kỷ vị; người đã dâng 57 tuổi.

2. — Táng xác Đức Thầy.

Khi Đức Thầy qua đời đoạn, thì vua liền sai các quan đi lo việc hậu sự cho người, cùng ban hàng gấm cùng nhiều đồ rất quý giá mà liệm xác người.

Đức Thầy đã sinh thì tại xứ Qui Nhơn; song vua truyền đem xác xuống thuyền mà đưa về Đồng Nai cho trọng thể. Qua một ít ngày, vua cùng các quan và quân lính cũng theo về Đồng Nai nữa. Vua có ý tỏ ra lòng nhớ người, thì dạy các Cha Tây ở đó rằng: « Các thầy hãy sắp dọn mà đưa « đám Đức Thầy, làm mọi điều y theo phép đạo; « các thầy có sức làm cách trọng thể ngần nào, « thì phải làm ngần ấy; còn các điều tốn phí thì « trăm chịu hết. »

Vậy vua truyền làm nhiều nhà rạp lợp mà để xác cho dền khi táng, cùng sai quan quân đi làm,

còn ông Đông Cung thì áp các việc. Ta chẳng có ý kể ra từng đều các việc vua đã làm mà tỏ ra lòng kính Đức Thầy làm chi. Nói tắt một đều rằng: dầu vua bằng cũng chẳng tốn phí và làm trọng thể đền nổi ấy. Xác còn ở trên đất bao lâu, thì các thầy cả hằng làm lễ mô bầy lâu. Các quan các bổn đạo cùng kẻ ngoại đạo đền chầu lễ đông lắm; có nhiều lần vua cũng đi chầu lễ nữa.

Đền ngày mồng 10 tháng chạp (16 Décembre), thì mới táng xác người xong. Ông Đông Cung áp việc, còn vua cùng các quan thì chầu hầu theo quan tài, và binh hai vạn, voi 120 con. Khi xong các việc, thì vua mới ngự về. Dầu bà quốc mẫu, bà hoàng hậu, bà công chúa và các vợ vua cũng theo nữa; cho nên thiên hạ lấy làm lạ lắm, vì là đều trái thói. Còn thiên hạ đi xem thì chẳng biết đầu mà kể cho xiết. Lại quan tài đã đóng trọng thể lắm cùng sơn son thếp vàng: trên quan tài thì thấp năm mươi cây đèn; tám mươi người mới khiêng nổi quan tài ấy. Còn những đều khác đã làm cho trọng thể thì ta chẳng kể ra làm chi.

Có văn tế rằng:

Hỡi ôi!

Phép Chúa khiến đời đời,
Cơ hội ấy ai không thấm thiết!
Hễ người đời sống thác,
Có sự này ốt đã rõ ràng.
Tưởng đền lòng thêm chua xót,
Nghe thôi dạ rất thấm thương.

Nhớ Cha xưa :

Vốn dòng sang trọng,
Nên dấng khôn ngoan,
Bé nường ấm thung huyền,
Hàng cấp cùm vãn phòng bốn bạn,
Lớn trở tài từng bá,
Khéo đứng đứng danh lợi hai trường.
Lông đốc lòng khí tục tinh tu,
Chẳng chuộng xe vôi ngựa rước.
Chí quyết chí siêu phạm nhập thánh,
Y thả níp dôi bầu mang.

Vun dức quên non,
Rèn bảy khắc tiết ngời gương rạng,
Năm mình sửa tích,
Chống ba thù ngút bạt giá tan.
Thương là thương hỡi thủ ngãi quyết xá sinh,
Khi đang thế hiểm gặp ghình,
Cùng gượng gạo chơn trèo đèo tay chống gậy,
Cám là cám đã tận tâm thêm kiệt lực,
Ở giữa chiến trường chật hẹp,
Chịu lao đao ngày dài nắng tối dầm sương.

Ôi!

Bình chìm trăm gậy,
Núi lở sét ran.
Mây sâu giăng tờ mờ,
Mạch thấm chảy mê man,
Chớ chi gáng gỗ một hai năm ra đèn trường an,
Việc Hội thánh sửa sang rồi sẽ khuất,
Chẳng nữa lần hồi năm bảy tháng trở về Gia Định,
Cho chúng con thấy mặt kéo lòng thương,
Hỡi ôi thương thay!

Văn tế khác rằng :

Hỡi ôi!

Xưa có kẻ lui về phật kiềng,
Chiếc dép hãy di tông,
Nay như thấy thảng tách thiên dang,
Nửa lời khôn phụ nhi.
Trăm mình ý khó chuộc cầu,
Muôn kiếp no nao dựng thấy.
Nhớ Đức Thượng Sư xưa :
Ghê tục phong lưu,
Nền trang cơ trí.

Vui đạo thánh tạm lìa quê quán,
Nước Langsa từ áng công danh,
Sửa trước trời mong hóa sinh dân,
Cõi Nam Việt gá duyên ngư thủy.
Thức thì thức thề,
Khôn ngoan quá khỏi dấng phạm gian,
Bắt kị bắt cầu,

Thong dong ở ngoài vòng tục lụy.
Thành diên khánh ách hơn trần thói,
Tư bề thì thạch sự sanh,
Vui trong đất trũng vầy,
Thành Qui Nhơn hiểm quá hàm quan,
Mấy trận công thu trừ ốc.

Quyết ngoài trời thiên lý.
Những tướng được năng y, kì bệnh,
Nên tở về Gia Định vãng tiêng tở mà xướng khúc
[khởi hoàn,
Bằng hay nghiệm bất kiên kì quan,

Đã ở lại Kì Sơn chịu di chỉ cho an lòng sư đệ.

Thờ di thì gán kẻ hai vông,
Đàng phong sương xa tách với với,
Khi về thì phong cần một quan,
Thuyền li hận chớ đẩy phé phé.

Ồi!

Nửa gối du tiên.

Ngào vằm biệt mị.

Tòa khách tỉnh mây phủ mịt mù,
Đình lữ thứ màn không vắng vẻ.

Ngàn trùng quan tác.

Xa xuôi cách dặm cổ hương,

Ba thước lữ phần.

Quanh quẽ gởi miễn dị địa.



Đền sau, vua truyền xây một cái lăng rất tốt,
cùng đặt một đội quân canh lăng ấy. Quân đã cứ
canh làm vậy cho đền Minh Mạng thập tam niên.

Nơi đó có Bia thích chữ rằng:

Sư đại Tây Dương quốc nhơn, Pi Nho thị hiệu
Bá Đa Lộc, thiếu phụng đạo giáo nhi trung quốc,
thánh hiền thơ tịch mị bất giảng quán. Đãi tráng
niên, lại ngã quốc nội đa cố. Sư vì quốc chi tân,
thổ sở học vu sở hành, tương dữ châu tuyên,
vu diên phái lưu ly chi tề, ký hựu ưng trọng thác
xuất viện Sư, lai vắng gian quan bất di dư lực,
nhị thập dư niên chi gian, tán họa hung thù,

tham tài trấu vụn, chứ kì hưng kiên hiên thiết giai túc, dĩ truyền chí hậu, ngã quốc xâm xâm hổ, hữu trung hưng chí thể, sự chi lực vì đa diên. Kỳ vị từng chinh Qui Nhơn phủ thành, cứu ngoạt thập nhứt, dĩ chánh chung vụ Thi Nại hải môn tân thứ, thọ ngũ thập hữu thất kì niên, đông mạnh sắc tăng Thái tử Thái phó Quận Công, bốc táng vụ Gia Định phủ thành chí bắc. Sự cố sở trúc tinh xá dã, thì vì chí tuế thứ canh thân trọng thu ngoạt cốc dân thọ.

Dịch Bia van ra chữ quốc ngữ.

Có người Thầy cả lớn quờn ở bên Tây, tên là Phi Nhỏ, hiệu là Vê-rô, thuở bé thơ đã học hành đạo lý trung quốc, thông suốt các kinh văn thánh hiền toàn hảo. Đền tuổi khôn qua nước Việt Nam Ta, nhằm khi trong nước Ta đang phải đa đoan. Người là khách tha bang, mà đã làm thấy trong nước ta. Người đã tỏ bày tài văn học mình ra mà làm việc. Vậy đã chung cùng ưu tư với nhau trong cơn nhà nước loạn ly hỗn độn. Lại đã đành nấy phú việc đại sự cho người làm thấy nhà nước mà đi viện binh giúp nước. Thật người tận tâm tận lực mà đi qua lại hơn hai mươi năm, gian nan cực khổ.

Người đã bày vẽ việc binh cơ đồ trận, chỉ cách xây thành lập trấn. Nhứt thiết các việc chi khởi bày gây dựng thì nhờ có người bày biện mà truyền để cho tới đời sau. Bởi đó nước Ta dần dần

đã dựng nhiều cách thế mà thành, vì có người làm thấy có tài sức lắm.

Năm Kỷ vị, người đã theo việc binh mà tới thành phủ Qui Nhơn. Sang tới ngày mười một tháng chín thì người đã tạ thế tại đó, là nơi bên cửa Thị Nại. Khi ấy người đã dựng 57 tuổi.

Qua mạnh đông (tháng 11), thì dựng sắc phong làm Thái tử Thái phó Quận Công. Đã chọn chôn xác người tại phía bắc thành Gia Định. Vậy nơi xây đắp này là chốn nghỉ cho đấng thầy nhà nước đã mạng cố. Này thật là dấu tích muôn đời.

Năm Canh thân (1800), trọng thu tháng tám, ngày lành đã dựng bia.

Khi trước vua Phalangsa ban nhiều đồ vàng bạc rất quý giá cho Đức Thầy Vêrô. Khi người gần sinh thì, thì trởi các đồ ấy lại cho vua và ông Đông Cung cùng bà quốc mẫu. Sau nữa vua có ý tỏ ra lòng kính người cách riêng, thì làm Sắc tặng phong mà gọi cho anh em và con cháu người bên phương tây. Vả lại khi đức thầy Vêrô qua đời rồi, mà vua có ý đặt hiệu bụt cho người, song các quan chẳng biết lấy tên gì mà đặt. Vậy đã đặt tên cho người là BÀDALỘC (Vêrô) thượng sư.

SÁC TẶNG.

Sác•viết: Triệt nhưn ư tri kí, cổ bắt viễn thiên lý nhi lai, hảo hội chánh tương thân, hựu hà nhân nhứt triều như thế ! Miễn tư cừu đức tái phần tãn ân Phúlangsa quốc cổ : ĐẶC SAI DAT MẠNG ĐIỀU CHẾ CHIẾN TÀU THỦY BỘ VIỆN BINH, GIÁM MỤC BẮDALỘC, thượng sư Tây thổ, vĩ nhưn Nam triều thượng khách, tổng giác nhứt hạnh phùng giai chí khí giao phu. Thảo muội sơ, cận tiếp đức âm tuần tư thật lại, ngẫu trị quốc, gia đa nạn, dư thì đình Hạ Thiên chí khi khu. Phiên giao thiêu hải lưỡng kì, công doãn địch Háo trừ chí A Báo. Tuy vãng tổ ngôn hải vu tông quốc, đặc dĩ binh lai viện, bán đồ nhi sự dữ tâm vi. Nhiên đồng cừu nghĩ tác vu cổ nhưn ninh vi ngãi tương qua cộng hội nhi mưu thừa hấn phát. Mậu thân phần cổ bang chí phê, chánh vọng hảo âm. Canh tuất phủ Đông Phố chí châu, di đôn tín ước tổn ngôn thì phục, chánh dưỡng mông chí sự đạo vuu nghiêm. Tấn tiếp nhứt thượng long chừng hoán chí kì mưu lũ xuất. Đạo đức trung đàm tiểu ngãi kí khế vu hạp trâm. Phong trần ngoại kinh luân đình tình doãn vu liên bí. Chung thí chí chơn tâm bất nhị. Bình sinh chí kì ngộ, quân hoan. Đãn kì lịch quá niên hoa, vĩnh vi hảo dã. Thùy liệu trần mai ngọc thọ, tịnh ngòu tư chí, viên tăng vi THÁI PHÓ PBI NHO QUẬN CÔNG. Thị viết TRUNG Ý dĩ chương thực đức chí u hình, dĩ biểu gia tân chí vĩ tích. Ô hô ! khách tính dạ vẫn, thiên đàng chí khứ nan

mu, hoa cồn vinh bao, nguy khuyêt chi tình hạt
khánh. Ế! công linh sáng mội ngã lũng quang.

Cổ sắc.

Dịch SẮC TẶNG ra chữ quốc ngữ rằng :

Cổ sắc rằng : Người hiền ngô tôi đã quen biết
xưa, chẳng nại dàng xa ngàn dặm mà tới. Đang
hội giao rất tốt, mà sao lại nở một buổi mà mất
đi! Tướng đều đức cũ nêu rõ ra ơn nước Pha-
langsa phong chức: RIÊNG SAI THÔNG LÍNH SỬA SANG
THEO Ý MÌNH TÀU CHIẾN THỦY BỘ BINH GIÚP, LÀ GIÁM MỤC
VÊRÔ, là Thấy cả lớn quờn bên đất Tây, là khách
nhứt hạng trong nước Việt Nam.

Ngày mới khởi cầm quờn đã may gặp bạn rất
lành, tin tưởng nhau lúc ban đầu còn u ám. Ta đã
kê tiếp đức âm người mà hỏi han, thì thật đã nhờ
lắm trong cơn nhà nước mác nhiều hoạn nạn. Ta
khi ấy cực khổ trèo non vượt núi cũng như đời
nhà Hạ vua Thiệu Khương. Vậy đã khiến trở trời
biển chia hai đảng. Ông Ta tin nghe theo khác nào
chức A Báo của Thái tử đời nhà Hán. Tuy lời qua
tỏ đã yên với nước tổ phụ, lấy binh đến giúp. Nửa
chừng việc với lòng trái nhau, song người đồng
cừu thì tính làm theo người xưa, thà vì ngãi mà
tới nhau, đều tựu hội lo mưu theo dịp dấy loạn
ấy. Năm Mậu thân trở về nước cũ mình, thì rất
trông tiêng tốt. Năm Canh tuất thì cỡi thuyền lại
chốn Đông Phố. Khi ấy càng hậu lời giao ước hơn
thật rất phải đạo thấy dạy nuôi trẻ thơ ấu. Thường

ngày tiếp rước, nên hàng bày ra mưu lạ mà yên trong cơn loạn rối. Việc đạo đức trong lời nói tiếng cười, và ngãi nhơn đã hiệp nhau như trâm với tóc vậy. Việc kinh luân ngoài phong trần tình rất tin nhau khi liền dây cương. Trước sau một lòng ngay thật không hai. Sinh ra mà gặp đều lạ thì đồng vui. Những tròng hẹn trải qua năm tuổi tác lâu dài mà vui vầy cùng nhau. Ai dè bụi tro lại lấp chôn cây ngọc! Ta thẩm tưởng tới đó mà tặng phong làm chức THÁI PHÓ tước PHI NHỎ QUẬN CÔNG. Lại thêm tặng hàm ân rằng: NGAY THẬT, TỐT LÀNH, cho dặng tỏ mùi thơm đức lớn kẻ đã khuất đời, và ngõ nêu công nghiệp cả kẻ khách lành. Hỡi ôi ! cái sao khách đem sa ! đi chốn thiên đàng khôn cầm lại. Một chữ tặng khen thì rất lịch sự như là mặc áo cảm bào cho vậy, bởi linh ta chẳng nguôi. Hỡi! ông thiêng liêng đã gọi nhần ta ơn sáng.

Nay Sác phong.

VĂN

SÁC PHONG RẰNG :

Hỡi người hiền ngõ, kinh niên quyền thức,
Ngàn dặm cách bức, đã đến chẳng nài.
Hiệp nhau hòa bai, rất nên hảo hội,
Sao nỡ quá vội mà khuất mất đi?
Tưởng nhớ cố tri, ơn xưa ngãi cũ,
Vốn người quốc Phúlangsa sang đây,
Rạng ơn mới nầy, chức phong bia tặng:

Độc sai đặt mạng điều chế viện binh,
Thầy bỏ một mình toàn quyền nấy cho
Giám mục Vêrô coi tày sự thượng,
Nam trào khách trượng, đấng bậc như trên,
Thuở ta mới lên cầm quyền may gặp,
Chỉ kíp tình khấp, chỉ tin giao tay,
Buổi đầu loạn thay, tư bề rối rắm,
Người âm đức lấm, tiếp kể hỏi han,
Nhờ người cơn loạn, nhà nước gian nan,
Ta như Thiếu Khang, vua đời nhà Hạ,
Phải nhiều tai họa, vượt núi trèo non,
Thì vạ thon von, khiến nên day trở,
Liều bằng cách sớ, trời biển hai dang.
Người tính bày toan, Ta thì nghe giữ,
Khác nào Thái Tử, nhà Hán chi niên,
A Bảo chỉ truyền, dầu noi chẳng ngại.
Tuy người vắng lại, về nước tông gia,
Mà viện binh qua, tỏ lời đã chắc,
Nhưng việc lại trặc, nửa chừng sái đi,
Nhơn bởi cố tri, cũng đồng cừu loạn,
Người phải tính toán, thì vì nhơn ngãi,
Tái hườn mới phải, cho trọn cùng nhau,
Mà hội mưu sâu, giúp toan thừa thắng.
Mậu thân người thắng về nước cố hương,
Ta rất tư lương, trông tiêng tinh hảo,
Canh tuất phán đạo, về chốn Đông Phố,
Lời lại bày tỏ, càng tin hậu hơn,
Các lời rất chơn, ước giao rành rẽ.
Thật người là kẻ rất đáng đạo thầy,
Đạy trẻ thờ ngày, ấu niên nghiêm lễ,
Thường ngày tiếp lễ, đưa đón ra vào,

Người lấy sức hào, nâng bầy mưu lạ,
Trong buổi oạn họa, mà đẹp yên loan.
Đạo đức rất ngoan, trong lời cười nói,
Tình ưa dèn dỗi, hạp như trâm tóc.
Kinh luân việc học, trôn thê đầu tây,
Thật rất tin thay, khi liền dây cương.
Ngay thật tỏ tường, trước sau như một.
Binh sanh quá tốt, khéo cho gặp lạ,
Đều vui thay cả, những ước giã khoan,
Tuổi tác trái sang, vui vậy nhiều thuở.
Ai dè bụi khóa, chôn cội ngọc lạnh.
Lặng nghĩ ân tình, tặng làm *Thái Phó*,
Quận công Phi Nho, hàm tặng *Trung Ý*.
Trước tỏ thơm quý đức kẻ qua đời,
Sau nêu công người khách lãnh dấu dề.

Hỡi ôi!

Đêm thanh ngôi sao khách đã sa,
Tách đi thiên quốc, thật Ta khôn cầm.
Ngụy khuyêt tình thâm, nọ nào cạn dặng,
Bèn ban khen tặng, chừ cảm ý mặc.

Hỡi ông thiêng liêng ôi!

Đã nhuần gọi tôi muôn vàn ơn sáng.

Nay Sác.

3. — Tây Sơn vây Qui Nhơn.

Khi vua đang lo táng xác Đức Thủy, thì quân Tây Sơn sắp lấy thành Qui Nhơn, vì nghĩ rằng: thành ấy rất vững bền, cho nên nếu lấy lại được thành ấy, thì lại được mạnh như khi trước, mà vua chẳng còn làm gì được nữa. Quân Tây Sơn nghĩ là việc khôn và có ích: chẳng hay ý mẫu nhiệm Đức Chúa Trời lại định cho quân ấy mất hết mọi sự.

Vua Cảnh Thịnh và ông Hoàng Thùng có bao nhiêu tàu và binh sĩ, thì họp lại cả mà vào đánh Qui Nhơn. Kẻ binh sĩ dặng 30 vạn; ông Thiệu Phúc Diêu thì làm đại tướng cai quân bộ; ông đại tướng Giảng thì cai binh thủy. Hai ông ấy vây thành Qui Nhơn, cùng đánh như dạ cho mau xong việc. Quân giặc gan dăm và đánh mạnh bạo thế nào, thì quân vua trong thành cũng đánh trả mạnh bạo thế ấy, chẳng ai chịu thua, vì hai bên đã quyết một là chết, hai là dặng trận.

Khi vua ở trong Sài Gòn nghe đếu ấy, thì vội vàng đem tàu và binh ra cho được đánh quân giặc, và cứu giúp ông Hậu và thành Qui Nhơn. Nhưng bởi binh giặc thì nhiều, mà quân vua thì ít, nên vua đánh đã gần một năm mà chẳng gì làm dặng. Cũng có khi vua về đất Cù Mông ở gần chợ Tỉnh, vì quân Tây Sơn đã giữ lấy cửa ấy. Vì quân ấy nhiều tàu; lại khi trước vua đã lập nhiều lũy hai bên cửa, mà quân Tây Sơn đã lấy dặng các lũy ấy, chẳng phải là vì ông Hậu đã thua, song

bởi ông ấy ít quân chẳng có sức giữ các lũy ấy, nên phải bỏ đi mà đem quân vào thành.

4. — Vua lo mưu đánh lũy lũy.

Vậy vua và quân lính đóng trong Cù Mông chín tháng tròn, thì đã phải chịu cực khổ lắm. Vì nếu vua muốn lo choặng gỡ mình ra hay là cứu thành Qui Nhơn, thì cũng phải hãm lấy những lũy quân Tây Sơn trước đã; lại có một lũy rất kiên cố ở nơi kia gọi là Đồng Thi, lũy ấy đã ngăn hết các đường. Cho nên dầu muốn đem lương thực hay là giống gì khác ở Phú Yên, Nha Trang, Bình Thuận ra cho tới vua cũng chẳng đặng. Nhơn vì sự ấy, vua có ý lấy lũy ấy trước, mà bởi vì quân Tây Sơn lấy lũy ấy làm căn lăm, nên canh giờ kĩ hơn các lũy khác.

Vua dụng lực mà lấy chẳng đặng thì dụng mưu. Vậy có nhiều quân Mọi hàng ngày quen ra vào bán đồ ăn cho quân lính, thì vua hỏi nó có đường nào trên rừng cho quan quân đi cách kín nhiệm mà vào lũy ấy phía sau bất thành linh chẳng. Quân ấy trông vua thường, lại có ý oán quân Tây Sơn, thì dẫn đường cho quân vua đi qua trên rừng. Nó cũng xin giúp đánh lũy ấy nữa, cho nên vua mừng lắm, cùng thưởng quân Mọi ấy hậu lắm. Đoạn vua sai quan đốc bộ Hiền với ba trăm quân đi theo quân Mọi.

Vậy quan quân theo những đường hiểm trở trên rừng hai ba ngày, mới đến nơi thành linh, tức thì đánh phía sau dữ lăm, vua lại đánh phía trước thì

quân giặc phải thua cùng bỏ lũy mà trốn đi hết. Lại quân vua chết ít, còn quân giặc tử trận thì nhiều, và bởi nó cũng muốn lợi sông mà trốn qua bên kia, nên có nhiều người đã phải chết trôi nữa. •

5. — Vua đánh trận thủy dốt tàu Tây Sơn, mà chưa cứu thành Qui Nhơn khỏi vây dạng.

Từ ấy về sau các việc vua một ngày một thạnh, mà quân giặc một ngày một suy. Song cũng chưa có thể dặng cứu thành Qui Nhơn, và quân giặc vây thành nhật lắm, nên dầu làm thế nào, cũng chẳng đưa dặng giống gì vào mà giúp những quân ở trong thành.

Ông Hậu cùng các quân ông ấy tưng thê lắm, mà vua lại đóng binh trong Cù Mông, là nơi cát cùng bùn độc khí độc nước. Quân lại phải làm việc quan cả ngày cả đêm lao nhọc quá, nên đã sinh nhiều bệnh mà chẳng có thuốc uống và cũng đã gấu hết lương : cho nên tưng thê, chẳng biết lính làm sao. Bấy giờ ông Hậu mật truyền nhóm chư quân lại mà bàn cho biết phải mở nước gì, thì ai ai cũng quyết một là phải chết, hai là đánh cho dặng trận và dốt hết các tàu quân Tây Sơn đã đóng trong cửa Chợ Giã.

Khi đã sắp sửa cách trộm nhiệm đoạn, cùng hẹn ngày mồng bảy tháng bảy là chính ngày người ta mắc việc tế tổ tiên, thì vua cùng binh sĩ xuống thuyền nhỏ ban đêm, vua thì ở trong một chiếc thuyền với bốn người Phalangsa làm quan nội thị hầu vua ; và mỗi thuyền thì hai người

chèo mà thôi, còn những người khác thì nằm yên trong thuyền. Vậy bởi thuận gió lắm, thì mau tới nơi cùng vào cửa lần lần một khi một chiếc, để cho không ai biết.

Trong những binh sĩ quân Tây Sơn giữ tàu thì phần nhiều đã lên đất mà chơi và ăn uống, còn kẻ ở lại trong tàu thì chẳng ngờ điều gì. Kẻ thì nghỉ, kẻ thì canh, gọi la. Nó thấy những thuyền nhỏ ấy vào, thì cứ phép mà gọi qua rằng: «Thuyền ai đó? «đi đâu?» Quân lính thuộc hiệu thì chẳng sợ, lại dèn gần tàu như có ý trình vậy. Quan tàu mắc lừa làm vậy, thì cho phép vào. Bỗng chốc quân vua lấy đuốc sẵn mà đốt tàu nọ sang tàu kia. Và nhờ thuận gió thì chẳng khỏi bao lâu các tàu cháy hết.

Vua thấy tàu cháy thì lại đem quân tiếp mà đánh cùng giết hầu hết những quân giặc ở trong tàu. Những quân trên đất, khi nghe xô xao om sòm và thấy tàu cháy, thì chạy ra coi; song chẳng làm gì đáng, phần thì đêm hôm mờ mịt, phần thì thuyền bè không có mà đi tiếp cứu, nên bó tay mà chịu mà thôi. Khi đã sáng ngày, thì hai bên lại đánh nhau dữ lắm; song quân giặc phải thua, và bao nhiêu lũy giữ Cửa Giã vua đã lấy được hết. Quân vua đã tử trận chẳng bao nhiêu. Trong các quan có một ông Trùm Thủy làm quan lớn cai các tàu đã phải chết mà thôi. Vậy vua và bao nhiêu tàu vua đã vào dựng cửa Chợ Giã hết, lại cũng có nhiều tàu khác vận tải lương hướng ở Sài Gòn ra, cũng đã vào dựng cửa Chợ Giã bằng an vô sự nữa.

Quân giặc đã thua trận thủy cùng đã mất hết tàu,

thì càng làm hết sức mà đánh thành Qui Nhơn, mà vua cũng chẳng cứu giúp gì dặng. Ông Hậu và những quân trong thành thì một ngày một khốn cực, vì chẳng còn hột lương nào. Quân lính đói không biết lấy gì mà ăn, ăn lần lần hết chó, hết gà vịt, heo lợn, thì ăn đến ngựa, đến voi; hết rồi thì phải ăn đến lá cây, lá cỏ, cho đỡ đói mà thôi.

6. — Vua đem binh ra ngoài Huế.

Vua chẳng làm gì dặng, vì quân vua có mười vạn, mà quân giặc dền một trăm vạn. Cho nên vua để quân giặc vây thành Qui Nhơn, mà đem binh ra ngoài Huế. Phần thì có ý ra đánh giặc Đàng Ngoài, cho quân Tây Sơn bỏ Qui Nhơn mà về cứu quê mình; phần thì biết vua Cảnh Thịnh ra chỉ cấm đạo, và bắt bớ bốn đạo, vì là đã bắt được những thơ mình đã gửi cho Đức Thầy Gioang khuyên bảo bốn đạo đánh quân Tây Sơn. Cho nên vua có ý cứu bốn đạo, mà đem tàu vào Cửa Hàn là năm 1800, Lê Cảnh Hưng lục thập nhứt niên, cùng là năm Canh thân.

Khi ấy chẳng những là bốn đạo, mà lại kẻ ngoài đạo cũng vui mừng mà rước vua. Ai ai cũng cố chiến mà ghét quân Tây Sơn; cho nên vua chẳng phải đánh trận nào, vì dầu dân, dầu lính, ai ai cũng vui lòng chịu hàng hết. Có một quan lớn kia là phò mã vua Quang Trung, cai Cửa Thuận đã đánh với vua dứ lăm, song đã phải thua cùng phải bắt sống; bao nhiêu tàu và quân lính ông ấy đều phải bắt hết.

7. -- Vua lấy thành Huế. -- Cảnh Thịnh trốn đi.

Bấy giờ vua đem binh vây thành Huế là chính kinh đô Cảnh Thịnh ở. Cảnh Thịnh làm hết sức mà cứu lấy mình; song qua một ít ngày thì ngã lòng, vì quân mình, thì phần nhiều đang vây thành Qui Nhơn, nên không đủ quân mà giữ thành Huế.

Bởi vậy Cảnh Thịnh lén thoát ra khỏi, bỏ thành mà trốn đi. Thì vua Nguyễn Anh nhập thành, nhận lấy thành là của cha ông mình đã gây dựng ra, cùng nhận các kho tàng, vàng bạc và mọi của Cảnh Thịnh để lại trong ấy.

Ông Cảnh Thịnh phải trốn đi vội vàng, thì chẳng đem dặng vật gì sót; lại phải túng lăm, và sợ người ta biết mà bắt nộp cho vua, thì cũng chẳng dám đem quân lính theo. Có hai anh em, và quan lớn kia theo người mà thôi. Bấy nhiêu người ấy đi đường thương đạo và chạy cả đêm cả ngày. Đến xứ Thanh Hóa mới tỏ mình ra cho thiên hạ biết, vì có em cai trị xứ ấy. Qua ít ngày lại ra Kẻ Chợ mà bàn các việc với em, là ông Hoàng Thùng; và xin ông ấy cứu giúp mình. Ông Cảnh Thịnh và các quan Tây Sơn phải khốn khó, và thấy việc mình đã suy đến nỗi ấy, thì cải niên hiệu Cảnh Thịnh mà lấy hiệu Bảo Hưng (Bửu Hưng) cho dặng cát triệu.

8. -- Tây Sơn lấy thành Qui Nhơn.

Vua Nguyễn Anh lấy dặng thành Huế đoạn, thì ra cho đến Bồ Chính; mà người đến đầu thì thiên

hạ khắp mọi nơi đều vui lòng mừng rước. Khi ấy ông Hậu và quân ở trong thành Qui Nhơn đã hết đàng canh thú, vì chẳng còn thuốc súng, chẳng còn đạn, lại cũng chẳng còn của ăn, thì phải chịu hàng quân giặc. Ông Hậu bởi chẳng muốn chịu lụy quân giặc, nên đã đặt thuốc súng và nhiều giống dẫn hỏa khác xung quanh mình, đoạn bỏ lửa vào thuốc ấy mà chết. Thiên hạ khen chết làm vậy, là anh hùng; song thật là chết cách khốn nạn. Vậy quân giặc lấy đặng thành Qui Nhơn, và bao nhiêu quân trong ấy chịu hàng thì bắt đi lính giúp mình.

9. -- Vua sai binh vây thành Qui Nhơn.

Bấy giờ vua Nguyễn Anh sợ quân giặc chia ra mà đánh mình mà lấy lại thành Huế, lại nghe ông Bảo Hưng cùng ông Hoàng Thùng sắm sửa đem binh vào đánh mình nữa, thì sai một quan lớn đem binh ra Huế, Phú Yên và Quảng Ngãi mà vây thành Qui Nhơn một lần nữa. Khi đầu hai bên đã đánh nhiều trận xung quanh thành Qui Nhơn, có khi quân vua đặng, có khi thua.

Song chẳng khỏi bao lâu, bao nhiêu quân vua Nguyễn Anh đã chịu hàng quân Tây Sơn ngày trước, khi nghe đặng thật tin vua đã lấy đặng thành Huế rồi, thì hễ bao giờ nó thấy quan quân vua mình thì nó chẳng còn đánh nữa, một chạy đến phục tội với quan nhà vua mà thôi. Cho nên quân giặc bớt số đi và phải ở lại trong thành chẳng dám ra nữa. Quân vua hãm thành đã lâu lắm. Khi ấy ông Thiệu Phó Đoàn cai quận trong thành,

10. — Đông Cung qua đời.

Vua Nguyễn Anh dựng vui mừng dâng nọ thì lại phải buồn rầu dâng khác. Năm 1800, là Lê Cảnh Hưng lục thập nhứt niên, cùng là năm Canh Thìn, ông Đông Cung phải bệnh mà chết. Vốn ông ấy khi ở với Đức Thầy Vêrô dựng bao lâu, thì giữ nề na, hiền lành, đức hạnh và mộ sự đạo bấy lâu; song khi Đức Thầy Vêrô qua đời đoạn, thì tính nề Đông Cung ra khác lắm.

Vì ông ấy buông mình theo tính xác thịt, đắm mê tửu sắc, chẳng còn tưởng gì đến sự đạo nữa. Song khi thấy mình đau nặng gần chết, thì mới nhớ đến Đức Chúa Trời, cùng ra sức giục lòng ăn năn tội, và xin quan nhỏ kia có đạo làm phép rửa tội cho mình cách kín đáo, không ai biết. Con thứ hai vua cũng phải bệnh mà chết trong một dịp ấy.

11. — Thầy cả Phaolô qua đời.

Ông Phaolô, là thầy cả bốn quốc, cũng chết trong năm ấy. Nguyên ông ấy có công cả thế, và có tiếng khôn ngoan sốt sáng đạo đức lắm. Người làm chơn tay Đức Thầy Vêrô mọi bề, như đã nói trước nầy. Vua thương yêu ông ấy lắm. Khi nào Đức Thầy Vêrô có việc gì riêng lâu vua, hoặc người chẳng đi dặng, thì sai ông Phaolô thay vì mình. Khi ông ấy qua đời, thì dầu vua dầu các bôn đạo ai ai đều đem lòng thương tiếc lắm.

12. — Bảo Hưng và ông Hoàng Thùng ra trận.

Vua Bảo Hưng và ông Hoàng Thùng tụ nhiều binh mới cùng sắm nhiều tàu cho dặng vào đánh vua Nguyễn Anh và lấy thành Huế lại. Song bởi thành Qui Nhơn bị quân vua hãm, và ông Thiệu Phó Đoàn túng thế quá, thì ông Bảo Hưng phải đem quân vào tiếp cứu thành ấy, còn em ông Thiệu Phó Đoàn thì cai quân. Vì bà ấy gan đảm cùng có tài đánh giặc như dờn ông, cùng đã quen làm tướng cai binh đã lâu. Ông Hoàng Thùng lại có ý đem nhiều tàu và nhiều binh bộ khác mà lấy lại thành Huế, nên ông ấy đã gửi một thư trước cho ông kia Đàng Trong, cho biết mình có ý liệu các việc thế nào. Chẳng hay quân tuần vua bắt được thư ấy. Khi vua biết các việc, thì sai nhiều quân ra giữ lấy lũy Sài ở gần sông Giang (Linh giang) tại Bồ chính; còn vua thì chực mà đánh những tàu ông Hoàng Thùng khi xuất kì bất ý.

13. — Vua đánh đạo binh Hoàng Thùng phải chịu thua.

Vậy các việc ứng nghiệm như vua Nguyễn Anh đã trông. Vì khi tàu giặc toan vào sông Giang, thì quân vua Nguyễn Anh đốt cháy, hay là bắt được cả; còn quân bộ dền sông Giang, cũng liệu qua bên kia sông, vì chưa biết quân thủy đã thua. Khi đến lũy Sài, thì quân vua Nguyễn Anh ra mà đánh rất lắm, cho nên quân giặc sợ hãi trốn đi cả. Kẻ thì tứ trận, kẻ thì lội qua sông Giang mà

chết; có kẻ phải người ta ném đá mà chết; kẻ thì chạy dảng nợ, người chạy dảng kia tan tác hết. Ông Phan Dực làm tướng cai quân, biết vua trong lũy Sài dặng trận cả thê làm vậy, thì là qui lăm, vì đánh với quân Tây Sơn trận này, thì kẻ là trận sau hết.

14. --- Vua lấy thành Qui Nhơn.

Bấy giờ vua Nguyễn Anh muốn ra Đàng Ngoài cũng được; song bởi ông Thiếu Phó Đoàn còn giữ lấy thành Qui Nhơn, mà vua Bảo Hưng và em ông Thiếu Phó Đoàn còn đánh mạnh thê lăm, mà vua cũng có ý liệu các việc Đàng Trong cho xong trước, cho nên vua đem quân vào Qui Nhơn đánh hai ba trận. Ông Bảo Hưng cùng em ông Thiếu Phó Đoàn toan trốn ra Đàng Ngoài, nhưng mà phải dân bắt mà nộp cho vua Nguyễn Anh. Ông Thiếu Phó Đoàn ở trong Qui Nhơn nghe các điều ấy thì biết bề nào mình cũng sẽ phải thua; song bởi chẳng muốn chịu hàng vua Nguyễn Anh, nên đem một ít thầy tớ, lên lên dảng thượng mà trốn ra Đàng Ngoài, vì bao nhiêu hạ bộ đã có quân vua phòng triệt cả.

15. --- Vua ra Đàng Ngoài, vào Kẻ Chợ.

Bấy giờ vua Nguyễn Anh mới đi ra Đàng Ngoài; phần thì có ý đuổi theo quân giặc, phần thì có ý lấy cả nước An Nam, mà chẳng còn phải đánh trận nào nữa. Quân giặc đã yêu thế rồi, và vua đến đâu thì thiên hạ rước cách vui mừng, cùng bắt các

quan quân Tây Sơn mà nộp cho vua. Khi vua còn ở Huế, mà đã biết Đức Thầy Gioang nổi quyền, Đức Thầy Vêrô, thì đến thăm người cách trong thề, cho ra dấu mình nhớ công nghiệp Đức Thầy Vêrô và biết ơn kẻ có đạo. Lại khi vua qua xứ Nghệ An thì hỏi thăm các thầy đạo ở trong xứ ấy: cho nên Đức Thầy Hậu với cố Báu có đèn chầu, và vua thết đãi lịch sự cùng ra dấu thương kẻ có đạo.

Vua đi dăng bằng an vô sự, chẳng hề gặp quân giặc bao giờ, nên vua đi thẳng ra xứ Nam. Bấy giờ ông Hoàng Thùng là con vua Quang Trung sợ quá, thì thất cố mà chết. Các em ông ấy và các quan Tây Sơn thì dân bắt dặng mà nộp cho vua gấn hết. Còn ông Phó Đoàn thì đèn Kẻ Chợ một mình, vì những quan theo ông ấy phần thì chết đói dọc dặng, phần thì trốn đi hết, chẳng còn sót một tên nào. Đoàn ông ấy cũng đã phải tay dân bắt, và nộp cho vua.

16. — Vua cải niên hiệu là Gia Long và xưng mình là Hoàng đế cả nước An Nam.

Vậy vua Nguyễn Anh nhập thành Kẻ Chợ là ngày 20 tháng Juillet, năm Chúa Giáng sanh 1802, là năm Lê Cảnh Hưng lục thập tam niên cùng là Nhâm tuất. Vậy quân Tây Sơn đã thua, mà vua Nguyễn Anh đã lấy dặng cả nước An Nam, thì thiên hạ vui mừng lắm. Bốn đạo cũng mừng vì nghĩ rằng: hoặc là sẽ thương kẻ có đạo mà ban phép rộng cho dặng giữ đạo; còn dân sự thì trông chờ ông Nguyễn Anh đặt nhà Lê lên mà trị nước

lại như khi trước. Nhưng mà ông Nguyễn Anh chỉ nói phỉnh người ta rằng: mình đánh giặc thì chẳng có ý lo phần riêng mình mà thôi, song cũng có ý cứu giúp nhà Lê nữa. — Ông ấy cũng cải niên hiệu Gia Long cùng xưng mình là Hoàng đế cai cả nước An Nam, cùng đổi tên là Việt Nam Quốc.

Vua có ý khử trừ cho tuyệt giặc Tây Sơn, thì đã luận vua Bảo Hưng phải ngũ mã phân thầy, còn các em và tông tộc ông ấy đều phải chết chém, quan Thiệu Phó Đoàn phải voi đánh; còn các quan lớn nhỏ khác cũng đều phải luận phạt nặng nhẹ tùy nghi.

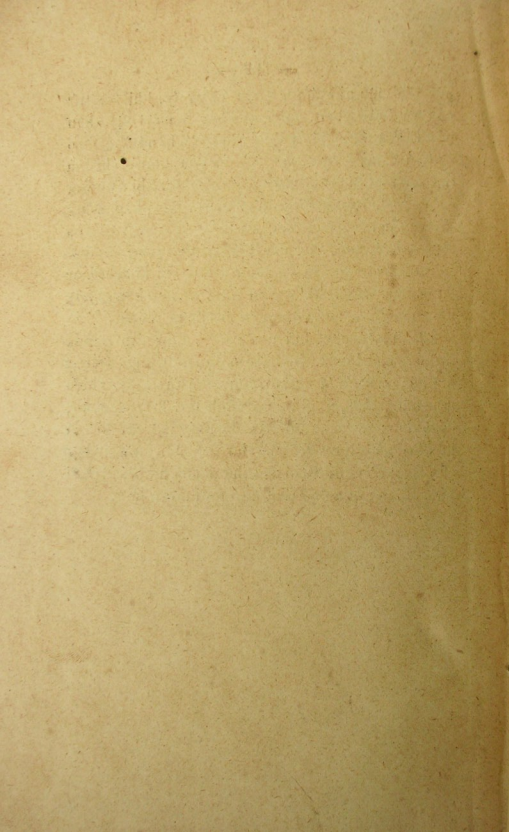
17. --- Vua chẳng bình đạo là bao nhiêu.

Thiên hạ chẳng dặng y như đều đã trông; mà lại thấy việc quan nặng nề hơn trước, thì phàn nàn lắm. Còn về sự đạo, khi vua vừa ra Kẻ Chợ, thì Đức Thầy với cố chính Nhơn đến châu; vua thiết đãi cách lịch sự cùng hứa rằng: sau sẽ giáng chỉ mà tha các điều rỗi cho bốn đạo, cho nên ai ai đều mừng rỡ cả. Chẳng khỏi bao lâu những người làng ngoại kia ở xứ Nam Định bắt bốn đạo góp tiền mà tế thần. Bốn đạo chẳng chịu, thì kẻ ngoại gian mà đánh một người có đạo. Khi vua nghe đều ấy, thì ra chỉ phạt làng ấy, và cấm ngặt từ ấy về sau chẳng ai được bắt bốn đạo góp tiền mà tế thần. Trong chỉ có khen sự đạo nhiều đều; nhưng mà chỉ ấy chẳng được ích là bao nhiêu vì nói chẳng rõ: cho nên trong các quan kẻ thì cắt nghĩa đằng nọ, kẻ thì cắt nghĩa đằng kia. Vả lại trong chỉ ấy chẳng

nói đến việc giỗ chạp. Nhưn vì sự ấy, khi vua trở về Phú Xuân đoan, thì Đức Thấy Gia cai địa phận bên Tây, và Đức Thấy Y cai địa phận bên Đông theo vua về Đàng Trong, mà tâu xin vua giáng^o chỉ mà tha cho rõ ràng các sự tội cho bốn đạo. Khi ấy cũng có ông Riôsêmiratê, là người địa phận Đàng Trong, trước đã có công cả thể với vua. Vậy vua thết đãi các ông ấy cách lịch sự lắm; song các ông ấy nói làm sao mà xin vua giáng chỉ khác về sự đạo cũng chẳng dặng. Vua cũng ra dấu chẳng bằng lòng mà rằng : các quan triều chẳng thuận.

Vả lại năm sau, khi vua ra Kẻ Chợ thọ phong thì giáng chỉ mới, chẳng cấm đạo tỏ tường, nhưng mà nói phạm đến sự đạo, cùng chê kẻ có đạo nhiều đều nặng lắm, vì gọi đạo thánh Đ C T là dị đoan, là tả đạo; và trách bốn đạo là chấp mê chi đồ; và hễ làng nào chưa có nhà thờ thì cấm nhật chẳng cho làm; còn nơi đã có nhà thờ mà đã hư đi, thì phải bảm quan; quan có phê cho mới dặng làm.

CHUNG.



MỤC LỤC.

Tiểu dẫn.	1
I. — Nói về gốc Nhà Lê: mà đến sau Nhà Nguyễn và Nhà Trịnh lên làm chúa giúp các vua Nhà Lê là thế nào.	1
II. — Số các Vua trị nước An Nam từ nhà Lê về sau.	IX
Nhà Lý.	IX
Nhà Trần.	X
Số các Chúa nhà Nguyễn trị các xứ Đàng Trong.	XVI
Số các Chúa nhà Trịnh trị các xứ Đàng Ngoài.	XVII

PHẦN THỨ NHẤT.

ĐOÀN TÍCH TỬ HIỆU VŨ VƯƠNG CHO ĐỀN KHI ĐỨC THÁY VÊRÔ VỀ MÀ XIN VUA NƯỚC PHALANGSA GIÚP NHÀ NGUYỄN PHỤC QUỐC. (1737 — 1786)	1
--	---

ĐOÀN THỨ NHẤT.

Hiệu Vũ Vương (1737 --- 1765)	1
1. — Hiệu Vũ Vương gây các sự khốn nạn loạn lạc trong nước An Nam.	2
2. — Vua bắt đạo thế nào.	3
3. — Vũ Vương tôn Chương Vũ làm Đổng Cung thế cho Đức Mục.	3
4. — Vũ Vương dùng mưu mà tôn Hoàng Thượng lên ngôi.	4

ĐOẠN THỨ HAI.

- Huệ Vương (1765 --- 1777). — Hoàng Tôn (1777) . . . 5
1. — Ông Huệ (Duệ) Vương tức vị 5
 2. — Ông Nhạc lo mưu cho ông Chửơng Văn
lên làm vua 6
 3. — Ông Nhạc dấy loạn 7
 4. — Nhà Trịnh vào Đàng Trong hãm lấy Huế . 8
 5. — Huệ Vương trốn vào Đông Nai 10
 6. — Đức Thầy Vêrô (Mgr d'Adran) qua Cao
Mên lập nhà trường tại Cần Thơ . . . 11
 7. — Giặc Tây Sơn càng ngày càng thêm.
— Lấy đặng xứ Đông Nai 12
 8. — Các quan tôn ông Hoàng Tôn 14
 9. — Những sự khốn khó dân phải chịu . . 15
 10. — Quân Tây Sơn giết ông Hoàng Tôn . . 16

ĐOẠN THỨ BA.

- Nguyễn Anh lập binh đánh cùng Tây Sơn (1777) — Tức vị
lên ngôi (1782) 17
1. — Nguyễn Anh trốn giặc 17
 2. — Ông Nguyễn Anh nhờ ông Gioang giúp
việc đánh quân ngụy 18
 3. — Quân Đông Sơn lấy đặng xứ Đông Nai . 19
 4. — Các quan tôn Nguyễn Anh làm Nguyễn
soái 20
 5. — Lúc bình yên thanh lợi 21
 6. — Ông Hữu Ngoại trở lòng kiêu căng gian
ngược 22

7. — Vua cử thẳng phép mà giết ông phó
chính 24
8. — Vua dõ lòng quân Đông Sơn theo mình . 25
9. — Vua dùng mưu giết quân Đông Sơn làm
nguy 27
10. — Vua An Nam giúp nước Cao Mên khỏi
giặc Xiêm 28
11. — Vua nước Xiêm phải tay người kia giết. 30
12. — Ông Chưởng Xuân phải mưu ông phó
chính mà chết chém. 31
13. — Hai anh em làm vua nước Xiêm . . . 33
14. — Vua Nguyễn Anh đánh thua quân Tây
Sơn. — Ông Manoe tử trận 33
15. — Quân Ngô thuộc giúp vua, mà phải quân
Tây Sơn bắt. 35
16. — Vua lập kẻ cứu vợ con. 37
17. — Ông Tiệp đánh mà đem vua về Sài Gòn. 38
18. — Quân Tây Sơn đánh trả mà thắng. —
Vua phải trốn khốn nạn. 39
19. — Đức Thầy Vêrô sang nước Xiêm và lo
giúp vua 40
20. — Ông Nam Đĩnh viết thư đòi vua Xiêm
phải nộp vua An Nam 42
21. — Vua xin Đức Thầy đi sứ bên Phalang-
sa, xin vua nước ấy giúp mình cho
dặng phục quốc. 43
22. — Vua phải mưu quân Xiêm đem đi
nước Xiêm 44
23. — Vua nhờ hai vua nước Xiêm giúp . . 46
24. — Quân Tây Sơn dặng trận. — Vua lại
phải gian nan 48

25. — Vua Liễu Minh trở về Xiêm một lần
nữa 49

•
ĐOẠN THỨ BÒN .

- Tây Sơn đánh Đàng Ngoài và chiếm ngôi (1786 — 1791) . 50
1. — Quân Tây Sơn đánh giặc Đàng Ngoài . 50
 2. — Chúa Trịnh độc dữ và chết yếu . . . 51
 3. — Các quan đầy loạn, chẳng chịu phục
nhà Trịnh nữa 52
 4. — Ông Cống Chỉnh kêu quân Tây Sơn ra
Đàng Ngoài 53
 5. — Dân Đàng Ngoài phải khổn 54
 6. — Long Nhữong trở về chia của ăn cướp
cùng anh mà sinh ra sự bất hoà . . 55
 7. — Ba anh em đánh giặc cùng nhau ; sau
lại làm hoà mà chia nước An Nam ra
làm ba phần, cho một người một
phần 56
 8. — Đàng Ngoài loạn lạc hỗn độn 57
 9. — Bình Bắc Vương chiếm lấy quờn làm
vua 58
 10. — Nước Đại Minh sai binh dẹp loạn y
như Chiêu Thống xin 59
 11. — Quảng Trung dặng trận cả thế . . . 60
 12. — Quảng Trung xin Thượng vị phong
vương 61
-

PHẦN THỨ HAI.

ĐOẠN TÍCH TỪ ĐỨC THẦY VÊRÔ SANG QUA NƯỚC PHALANGSA CHO ĐỀN KHI VUA GIA LONG ĐĂNG TRỊ LẦY CẢ VÀ NƯỚC AN NAM (1786 — 1802) 63

ĐOẠN THỨ NHẤT.

Từ khi Đức Thầy Vêrô đi sứ cho đền khi người qua đời (1786 — 1799) 63

1. — Đức Thầy Vêrô đi sứ bên nước Phalangsa 63
2. — Tờ giao 64
3. — Vua Phalangsa lo sắm sửa binh sĩ sang giúp nước An Nam. 68
4. — Quan Quận công ở nước Thiên Trước gàng trở. 69
5. — Đức thầy Vêrô mắc trở dằng nợ, thì liệu dằng khác. 70
6. — Trong nước An Nam đã đồn tiếng về binh sĩ Tây đến cứu giúp Vua. . . . 71
7. — Vua Nguyễn Anh mừng tin Đức Thầy Vêrô hồng về, thì trở về Đông Nai. . . 72
8. — Vua bắt tàu quân Tây Sơn. 72
9. — Vua lâm và thua. 73
10. — Vua dâng thể lại ít nhiều. 73
11. — Ông Bảo Tham thua và ra hàng đầu. . . 74
12. — Ông Bảo Tham phải xir tử. 75
13. — Đức Thầy Vêrô đem tàu vào cửa Đông Nai. 76
14. — Ông Quang Trung tìm thấy thuốc tây làm thuốc cho vợ. 77

15. — Đàng Ngoài phải Tây Sơn làm khốn. . . 79
16. — Vua Nguyễn Anh nhờ các quan Tây
giúp mà đánh giặc lại. 80
17. — Vua tốt trí khôn và gan dăm. 81
18. — Ít nhiều dền can gián nhà vua. 82
19. — Vua đánh trận thủy tại cửa xứ Qui Nhơn. 82
20. — Vua đổi ghe chiến của quân Tây Sơn. 83
21. — Quang Trung sắm sửa giúp Thái Đức
mà chẳng kịp. 84
22. — Cảnh Thịnh nối quyền trị Đàng Ngoài. . 85
23. — Đức Thủy Vê rô dựng thân thế. — Các
quan gẫu gỗ. 85
24. — Đông Cung mộ sự đạo. 86
25. — Đức Thủy phải các quan ghét và cáo
gian cùng vua. 87
26. — Đức Thủy lấy lòng bao duông với kẻ
thù ghét mình. 87
27. — Đông Cung chỉ lo sự đạo. 88
28. — Đức Thủy trả ơn cho kẻ làm oán. . . . 89
29. — Vua khôn ngoan tra xét sự phao vu
bỏ vạ. 90
30. — Cách thói Vua ăn ở với Đức Thủy. . . 91
31. — Vua muốn ép ông Đinh Trung lạy tổ
tiên vua. 92
32. — Vua chẳng cấm đạo, cũng chẳng binh
đạo là bao nhiêu. 94
33. — Vua cứ lệ mà trọng bụt thần bề ngoài. 95
34. — Đức Thủy phải cực trong lòng. 96
35. — Đức Thủy có ý ngay lành. 97
36. — Vua ép uống Đức Thủy giúp Đông Cung

- quân bay hai xứ Nha Trang và Bình
Thuận. 98
37. — Vua vây thành Qui Nhơn mà vô ích. . . 98
38. — Quân Tây Sơn vây thành Nha Trang mà
phải thua. 99
39. — Vua vây thành Qui Nhơn một lần nữa,
mà không lấy được. 100
40. — Quân Đàng Ngoài làm hỗn hào trong
thành Qui Nhơn. 100
41. — Thái đức phải buồn rầu mà chết . . . 101
42. — Tiểu Triều nối quyền trị xứ Qui Nhơn
cùng xin chịu hàng Nguyễn Anh . . . 102
43. — Tiểu Triều phải quân giặc trấn nước. 102
44. — Cậu Hiếu chịu hàng Nguyễn Anh. . . 103
45. — Vua vây thành Qui Nhơn lần thứ ba. . 103
46. — Vua ngã lòng muốn đem binh về Đồng
Nai. 104
47. — Cung Trung Phúc tỏ ra mình gan dạ. 105
48. — Nhờ có con nai chạy lạc vào lũy, mới
lấy lũy ấy được. 105
49. — Cung Trung Phúc lấy thành Qui Nhơn. 106
50. — Đức Thấy chịu công lao khó nhọc mà
phò vua vức nước. 107
51. — Bốn đạo Đàng ngoài phải khổ. . . 108
52. — Hai quan quốc công và đồng lý có lòng
gian và phải khổ. 109
53. — Ông Giám là người trung thần và đạo
đức là thế nào. 111
54. — Cát đám ông Giám cách trọng thế. . 112
55. — Cảnh Thịnh giáng chỉ cấm đạo. . . 113
56. — Lúc bắt đạo. 114

ĐOẠN THỨ HAI

Từ khi Đức Thấy tạ thế cho đến Nguyễn Anh cải niên hiệu Gia Long (1799 --- 1802)	116
1. — Đức Thấy Vềò sinh thi.	116
2. — Táng xác Đức Thấy.	117
Văn tế.	118
Văn tế khác.	120
Bia thích chữ nơi mộ Đức Thấy.	121
Dịch Bia văn ra chữ quốc ngữ.	122
Sắc tặng	124
Dịch Sắc tặng ra chữ quốc ngữ	125
Văn Sắc phong.	126
3. — Tây Sơn vây Qui Nhơn.	129
4. — Vua lo mưu đánh lấy lũy.	130
5. — Vua đánh trận thủy đốt tàu Tây Sơn mà chưa cứu thành Qui Nhơn khỏi vây	131
6. — Vua đem binh ra ngoài Huế.	133
7. — Vua lấy thành Huế; Cảnh Thịnh trốn đi.	134
8. — Tây Sơn lấy thành Qui Nhơn.	134
9. — Vua sai binh vây thành Qui Nhơn	135
10. — Đồng Cung qua đời.	136
11. — Thấy cả Phaolô qua đời.	136
12. — Bảo Hưng và ông Hoàng Thùng ra trận.	137
13. — Vua đánh đạo binh Hoàng Thùng phải chịu thua	137
14. — Vua lấy thành Qui Nhơn.	138
15. — Vua ra Đàng Ngoài, vào Kẻ Chợ.	138
16. — Vua cải niên hiệu là Gia Long và xưng mình là Hoàng đế nước An Nam.	139
17. — Vua chẳng binh đạo là bao nhiêu.	140





